

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT	4
DANH MỤC CÁC BẢNG	5
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ	6
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	7
1. Tên chủ cơ sở	7
2. Tên cơ sở	7
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	11
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.....	11
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	12
3.2.1. Quy trình sản xuất cửa nhựa, cửa nhôm các loại	12
3.3. Sản phẩm của cơ sở	24
4. Nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	25
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	29
5.1. Hiện trạng các hạng mục công trình chính, công trình phụ trợ và công trình BVMT của cơ sở	29
5.1.1. Các hạng mục công trình chính	29
5.1.2. Các hạng mục công trình phụ trợ	30
5.1.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường	30
5.2. Danh mục máy móc, thiết bị đã đầu tư của cơ sở	31
5.3. Thực trạng hoạt động sản xuất của cơ sở.....	34
5.4. Tổ chức quản lý và thực hiện cơ sở.....	34
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	37
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	37
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	42
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	42
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	42
1.2. Thu gom, thoát nước thải	44
1.3. Xử lý nước thải.....	48
1.3.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt	48
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	56
2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải khác.....	59
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	63
3.1. Dự báo về thành phần, khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh	63
3.2. Biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	64

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	65
4.1. Dự báo về khối lượng CTNH phát sinh.....	65
4.2. Biện pháp thu gom, Công trình lưu giữ tạm thời CTNH.....	66
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có).....	69
5.1. Nguồn phát sinh.....	69
5.2. Biện pháp giảm thiểu	69
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	70
6.1. Đối với công trình xử lý nước thải	70
6.2. Đối với các sự cố hệ thống xử lý bụi ở máy cắt tự động và khu vực máy cắt gỗ nhỏ, khu vực chà nhám.....	74
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).....	75
8. Các nội dung thay đổi so với giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ Môi trường	80
8.1. Số lượng, quy mô công suất các công trình bảo vệ môi trường chính phải hoàn thành so với giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường và hiện trạng đã xây dựng ...	80
8.2. Các nội dung thay đổi so với giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cấp nhưng chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường.....	80
9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp.....	82
10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)	82
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	83
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	83
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	84
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có)	84
4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại (nếu có)	85
5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (nếu có).....	85
6. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải	85
6.1. Đối với chất thải sinh hoạt	86
6.2. Đối với chất thải công nghiệp thông thường.....	86
6.3. Đối với chất thải nguy hại.....	86
7. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường.....	87
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	89
1. Kết quả quan trắc môi trường nước thải.....	89
2. Kết quả quan trắc mẫu không khí làm việc	89
CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÁC CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	91
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của cơ sở.....	91
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	91

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	91
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	92
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	92
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	92
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.....	92
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	92
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	93
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	94
1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường...	94
2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan	94
2.1. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng	94
2.2. Các cam kết khác	94

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT

Stt	Kí hiệu viết tắt	Nghĩa đầy đủ
1.	BTNMT	Bộ tài nguyên môi trường
2.	BTCT	Bê tông cốt thép
3.	CTCNTT	Chất thải công nghiệp thông thường
4.	CTNH	Chất thải nguy hại
5.	CTR	Chất thải rắn
6.	CTSH	Chất thải sinh hoạt
7.	HTXL	Hệ thống xử lý
8.	HTXLTT	Hệ thống xử lý tập trung
9.	KCN	Khu công nghiệp
10.	NTSH	Nước thải sinh hoạt
11.	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
12.	QCCP	Quy chuẩn cho phép
13.	QCĐP	Quy chuẩn địa phương
14.	QCVN	Quy chuẩn việt nam
15.	TCVN	Tiêu chuẩn việt nam
16.	UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Toạ độ mốc ranh giới khu đất của cơ sở.....	8
Bảng 1.2. Quy mô công suất giai đoạn vận hành thương mại của cơ sở	11
Bảng 1.4. Nhu cầu về nguyên liệu sử dụng của cơ sở.....	25
Bảng 1.5. Bảng cân bằng nhu cầu sử dụng nước, thải nước của cơ sở	28
Bảng 1.6. Các hạng mục công trình của công ty.....	30
Bảng 1.7. Danh mục máy móc thiết bị giai đoạn vận hành cơ sở.....	31
Bảng 1.8. Nhu cầu sử dụng lao động của cơ sở.....	34
Bảng 3.1. Tổng hợp thông số kỹ thuật hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở	43
Bảng 3.2. Tổng hợp thông số kỹ thuật hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt của cơ sở.....	46
Bảng 3.3. Thống kê thông số, vị trí các công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt đã xây dựng của cơ sở.....	48
Bảng 3.7. Thống kê vị trí, diện tích trồng cây xanh, thảm cỏ tại cơ sở	59
Bảng 3.8. Dự báo về thành phần, khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh.....	63
Bảng 3.9. Dự báo về thành phần, khối lượng CTNH phát sinh.....	65
Bảng 3.10. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với các sự cố trong bể xử lý nước thải.....	70
Bảng 3.11. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với sự cố thiết bị HTXL nước thải.....	72
Bảng 3.12. Thống kê số lượng, quy mô công suất các công trình bảo vệ môi trường chính phải hoàn thành so với giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường và hiện trạng đã xây dựng	80
Bảng 3.13. Thống kê các nội dung thay đổi so với giấy xác nhận đăng kí kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cấp	80
Bảng 6.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	91
Bảng 6.2. Dự kiến kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	91

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Vị trí khu đất thực hiện cơ sở	8
Hình 1.2. Hình ảnh khuôn viên cơ sở.....	9
Hình 1.4. Quy trình sản xuất của nhựa PVC	17
Hình 1.6. Một số hình ảnh về sản phẩm của cơ sở	25
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa chảy tràn của cơ sở.....	42
Hình 3.2. Hệ thống thu gom nước mưa bề mặt và trên mái ở cơ sở.....	44
Hình 3.3. Sơ đồ hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt.....	45
Hình 3.5. Hình ảnh về cây xanh, thảm cỏ trong khuôn viên cơ sở.....	60
Hình 3.7. Hình ảnh công tác thu gom, lưu giữ rác thải tạm thời của cơ sở.....	68
Hình 3.8. Hình ảnh về hệ thống PCCC của cơ sở.....	77

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

– Tên chủ cơ sở: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI, XUẤT NHẬP KHẨU VÀ DỊCH VỤ QUỐC VINH**

– Địa chỉ văn phòng: Thôn Đông Khúc, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

– Địa chỉ thực hiện cơ sở: Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

– Người đại diện theo pháp luật của cơ sở: Ông: Trần Huy Hùng;

– Chức vụ: Giám đốc; Giới tính: Nam.

+ Sinh ngày: 08/07/19 64 Quốc tịch: Việt Nam.

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân.

+ Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001064027885.

+ Địa chỉ thường trú: Số 264, phố Phúc Tân, Phường Phúc Tân, Q. Hoàn Kiếm, T.P Hà Nội, Việt Nam.

+ Địa chỉ liên lạc: Số 264, phố Phúc Tân, Phường Phúc Tân, Q. Hoàn Kiếm, T.P Hà Nội, Việt Nam.

+ Điện thoại:

– Giấy chứng đăng ký doanh nghiệp số 0901014897 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 04/07/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 04/12/2023.

– Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 99/QĐ-UBND do UBND tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 18/9/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 22/11/2021.

– Mã số thuế: 0901014897.

2. Tên cơ sở

***) Tên cơ sở: NHÀ MÁY SẢN XUẤT CỬA CÁC LOẠI VÀ THIẾT BỊ LỌC NƯỚC CÔNG NGHỆ CAO**

***) Địa điểm cơ sở:** Cơ sở được thực hiện tại một khu đất có diện tích 25.000m² thuộc địa bàn xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho diện tích đất nêu trên.

– Vị trí tiếp giáp đối với khu đất của cơ sở như sau:

+ Phía Bắc: giáp đất nông nghiệp;

+ Phía Nam: giáp đất thủy lợi;

+ Phía Đông: giáp đường giao thông;

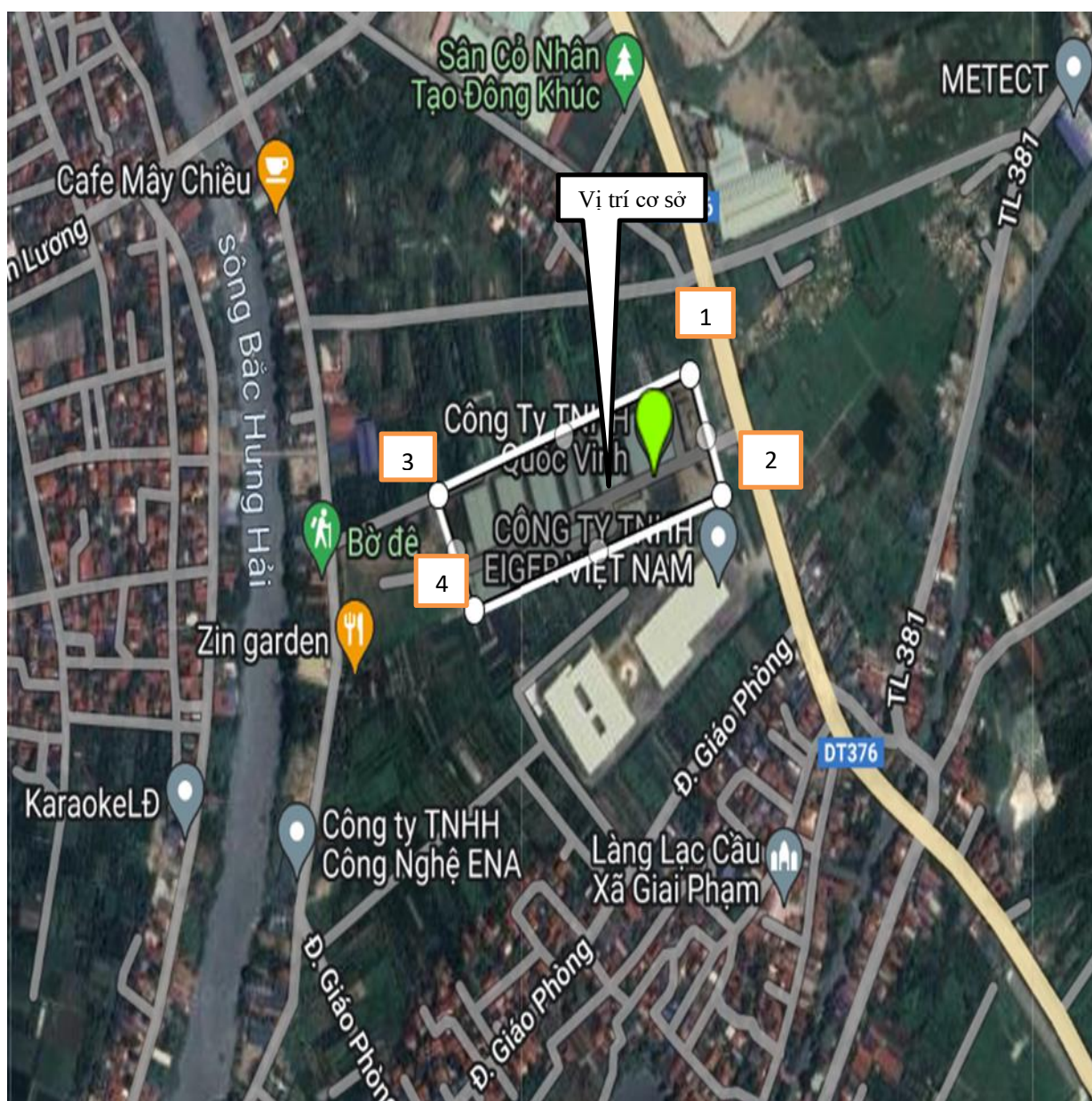
+ Phía Tây: giáp đất nông nghiệp;

- Toạ độ khép góc khu đất cơ sở (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°):

Bảng 1.1. Toạ độ mốc ranh giới khu đất của cơ sở

Điểm	X (m)	Y(m)
1	2315372	553303
2	2315278	553339
3	2315187	553063
4	2315276	553022.5

- Hình ảnh thể hiện vị trí của cơ sở như sau:



Hình 1.1. Vị trí khu đất thực hiện cơ sở



Hình 1.2. Hình ảnh khuôn viên cơ sở

***) Môi trường quan của cơ sở với các đối tượng xung quanh:**

- Giao thông:

Cơ sở nằm ngay giáp đường ĐT 376 kết nối với QL5A liên tỉnh nối tỉnh Hưng Yên với thủ đô Hà Nội, Hải Dương và Hải Phòng do đó việc vận chuyển hàng hóa luôn dễ dàng và thuận tiện. Mạng lưới giao thông thuận lợi tạo nên một lợi thế rất lớn trong sản xuất, vận chuyển hàng hóa của công ty.

- Sông ngòi:

Tiếp giáp phía Tây khu đất cơ sở có hệ thống Sông Bắc Hưng Hải chảy qua rất thuận lợi cho việc cung cấp nguồn nước tưới tiêu phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân toàn huyện.

Xung quanh cơ sở còn có nhiều kênh mương tự nhiên của các thôn lân cận, góp phần hình thành lên mạng lưới sông ngòi của khu vực.

- Kinh tế - xã hội:

Gần với khu đất thực hiện cơ sở là một số công ty đang hoạt động như Công ty TNHH Eiger Việt Nam, Công ty Cổ phần quốc tế inox Hòa Bình, Nhà máy kết cấu thép AMG,... Gần khu vực cơ sở không có vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, các khu bảo tồn thiên nhiên, khu nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí và các khu di tích lịch sử văn hóa, di sản văn hóa đã xếp hạng.

- Khu dân cư:

Khoảng cách gần nhất theo hướng Nam của cơ sở tới khu dân cư xã Giai Phạm khoảng 200 m. Do vậy, trong quá trình đi vào hoạt động, cơ sở đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động tiếng ồn tới khu dân cư lân cận.

- Di tích văn hoá - lịch sử:

Xung quanh khu vực cơ sở không có công trình kiến trúc, công trình Quốc gia và di tích lịch sử văn hoá.

***) Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng:** Sở xây dựng tỉnh Hưng Yên

***) Cơ quan cấp các loại giấy phép có liên quan tới môi trường của cơ sở:** UBND tỉnh Hưng Yên.

***) Các loại giấy phép có liên quan tới môi trường, phê duyệt dự án, giấy phép môi trường thành phần:**

- Dự án “Nhà máy sản xuất cửa các loại và thiết bị lọc nước công nghệ cao” của cơ sở đã được Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường số 04/XN-STNMT ngày 18/7/2019.

***) Quy mô của cơ sở:**

- Cơ sở công nghiệp (Sản xuất cửa các loại và thiết bị lọc nước công nghệ cao) đã hoạt động, tổng vốn đầu tư 60.000 triệu VNĐ (Sáu mươi tỷ) đồng => cơ sở nhóm B (theo quy định tại khoản 3 điều 9 Luật đầu tư công năm 2019).

- Cơ sở không thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại phụ lục II, nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của chính phủ.

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường là cơ sở nhóm II theo tiêu chí về môi trường “*dự án nhóm A và nhóm B có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và không thuộc loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường* (thuộc STT 2 mục (I), phụ lục IV, phụ lục ban hành kèm theo nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của chính phủ).

- Các hạng mục công trình:

+ Các công trình chính: nhà xưởng sản xuất 2321 m²; khu vực kho bãi: 2300 m²; Nhà điều hành 715 m²; Nhà điều hành: 392 m²; nhà ăn ca công nhân: có diện tích 441 m², kho thực phẩm + bể nước ngầm: 30 m².

+ Các công trình phụ trợ: Nhà bảo vệ: 12m²; cổng chính: 9,2 m², Nhà để xe: 66 m², Nhà để xe công nhân: 140 m², Khu vực trạm điện: 60 m²; lò hơi (dự kiến) chuyển thành nhà ăn ca: 36 m²; khu tập kết than chuyển thành khu nhà ăn ca: 36 m².

+ Công trình bảo vệ môi trường: 01 Khu lưu giữ chất thải tạm thời; hệ thống xử lý nước thải tập trung 30 m³/ngày đêm.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

a. Mục tiêu cơ sở:

- Sản xuất thiết bị lọc nước công nghệ cao; sản xuất cửa nhựa, cửa nhôm các loại; cho thuê nhà xưởng, kho bãi.

b. Mục tiêu và quy mô dự án thực hiện thực tế và xin cấp giấy phép môi trường

Căn cứ theo nhu cầu tiêu thụ của thị trường, tại thời điểm lập báo cáo xin cấp giấy phép môi trường này cơ sở sẽ không tiến hành mục tiêu sản xuất thiết bị lọc nước công nghệ cao và chỉ thực hiện mục tiêu sản xuất cửa nhựa, cửa nhôm các loại và cho thuê nhà xưởng, kho bãi. Vì vậy mục tiêu dự án sẽ thực hiện trên thực tế trong thời gian tới và xin cấp giấy phép môi trường là:

***) Mục tiêu của dự án:** Sản xuất cửa nhựa, cửa nhôm các loại và cho thuê nhà xưởng, kho bãi.

***) Công suất của dự án:**

+ Sản xuất cửa nhựa, cửa nhôm các loại: 7.500 sản phẩm/năm tương đương 262,5 tấn/năm.

+ Cho thuê nhà xưởng, kho bãi có tổng diện tích sử dụng: 5.400 m²

Khi nhu cầu của thị trường thay đổi, có đơn hàng, công ty sẽ mở rộng thực hiện các mục tiêu sản xuất còn lại, kì vọng đạt công suất thiết kế của dự án. Dự án cam kết khi thay đổi công suất, sẽ thực hiện xin cấp lại giấy phép môi trường theo công suất tương ứng đúng quy định của pháp luật.

Quy đổi quy mô công suất của cơ sở:

Bảng 1.2. Quy mô công suất giai đoạn vận hành thương mại của cơ sở

TT	Mục tiêu	Đơn vị	Công suất thiết kế	Công suất quy đổi (tấn/năm)
1	Sản xuất cửa nhựa, cửa nhôm các loại	sản phẩm /năm	7.500	262,5
2	Cho thuê nhà xưởng, kho bãi	m ²	5.400	

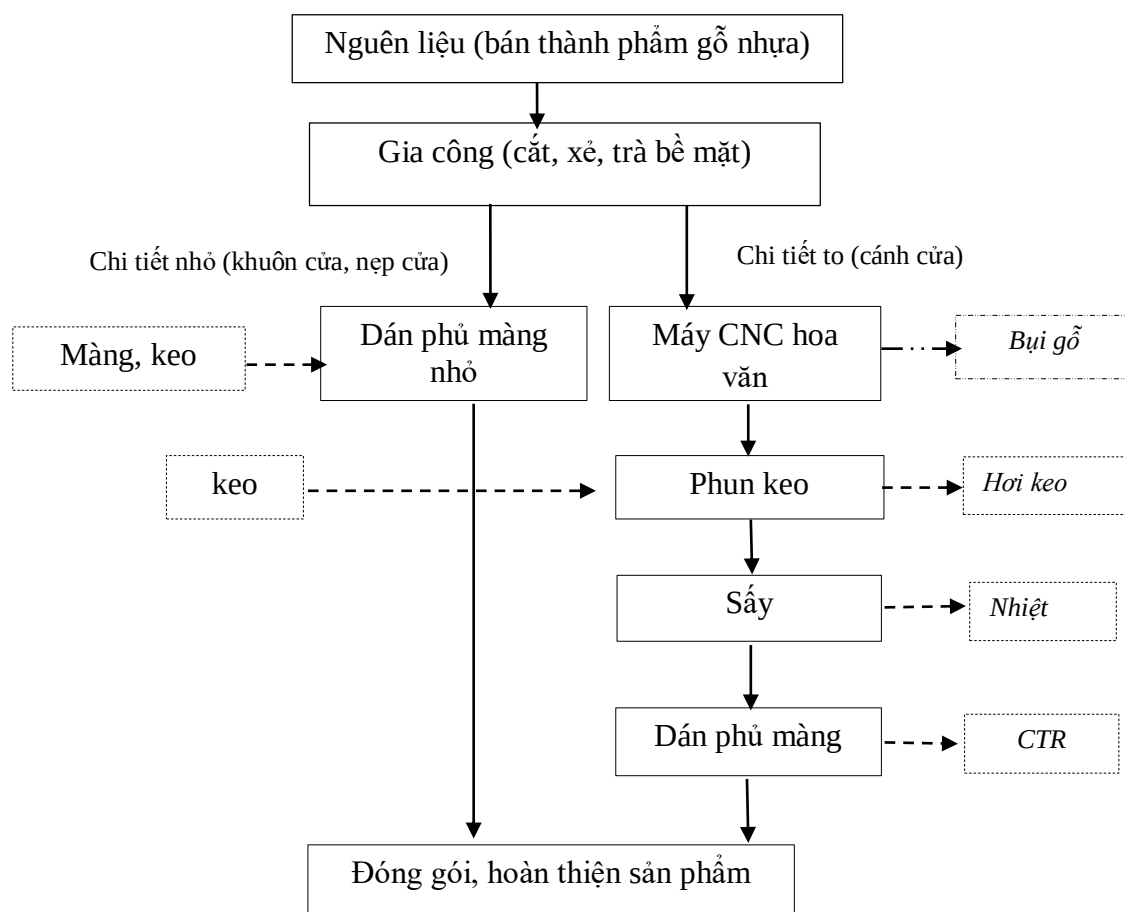
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

3.2.1. Quy trình sản xuất cửa nhựa, cửa nhôm các loại

Tại cơ sở, công nghệ của cơ sở là sử dụng máy móc và sức lao động của con người để tạo ra các sản phẩm gọi là công nghệ bán tự động. Cơ sở có quy trình sản xuất hiện đại, áp dụng dây chuyền tự động hóa hầu hết các công đoạn sản xuất; máy móc, thiết bị để đảm bảo yêu cầu kỹ thuật hiện hành. Nguyên, vật liệu nhập về hoàn toàn chính hãng và không sử dụng phế liệu trong quy trình sản xuất.

*) Quy trình sản xuất cửa nhựa gỗ Compositơ:

Sơ đồ quy trình sản xuất cửa nhựa gỗ Compositơ



Hình 1.3. Quy trình sản xuất cửa nhựa compositơ

*) Thuyết minh công nghệ

Nguyên liệu

Nguyên liệu đầu vào tấm nhựa gỗ được công ty nhập khẩu từ nước ngoài về sẽ được phân loại theo từng loại, kích cỡ và theo từng sản phẩm.

Gia công bán sản phẩm

Các tấm nhựa gỗ sau khi được nhập về sẽ được đưa vào máy cắt để cắt ra các thành phẩm theo đúng kích thước yêu cầu của khách hàng để đạt được sản phẩm chuẩn sau này. Chủ cơ sở sử dụng xe nâng vận chuyển đến khu vực cắt. Quá trình cắt được thực hiện bán tự động. Tại đây phát sinh bụi, gỗ thừa tới khu vực máy cắt. Chủ cơ sở sẽ bố trí các ống hút thu hồi bụi gỗ phát sinh tại từng máy và thu về các túi vải. Sau đó sẽ được công nhân tập kết và vận chuyển đến khu vực kho chứa chất thải để lưu trữ theo đúng quy định. Gỗ thừa sẽ được thu gom tạm thời dưới chân công nhân và được thu gom về khu vực, kho chứa chất thải sau mỗi ca sản xuất. Phần khung được tạo ra phù hợp và vừa vặn với kích thước cửa nhựa.

Tiếp đến bán sản phẩm sẽ được đưa vào công đoạn chà nhám bề mặt, cơ sở sử dụng biện pháp chà thủ công để bề mặt bán sản phẩm đạt được độ nhẵn nhất định, độ láng bề mặt sản phẩm và góp phần tăng tính thẩm mỹ cho sản phẩm. Quá trình chà được thực hiện bằng máy chà nhám cầm tay. Tại đây sẽ phát sinh bụi gỗ có kích thước nhỏ. Chủ đầu tư sẽ bố trí ống hút thu hồi bụi gỗ phát sinh tại các máy chà nhám dẫn về các túi vải. Định kỳ được thu gom đưa về kho lưu trữ chất thải sau mỗi ca sản xuất.

Tùy từng chi tiết sản phẩm mà người công nhân sẽ đưa các bán sản phẩm vào những khâu sau cho phù hợp:

+ Đối với các chi tiết nhỏ như nẹp cửa, khung cửa sẽ được đưa vào máy dán mang nhỏ có đồng bộ dán keo. Máy trang bị hệ thống trải keo đặc biệt, giúp keo đều trên nhiều bề mặt, hình dạng phức tạp, góc cạnh. Máy dán tự động, không tốn nhiều nhân công, nâng cao hiệu suất làm việc tối đa. Sau đó được dán màng tạo thành các sản phẩm đúng màu sắc như ý theo yêu cầu của khách hàng.

+ Đối với các chi tiết lớn như: Cánh cửa thì chủ cơ sở đưa vào máy CNC để tạo hoa văn, người công nhân sẽ lên thiết kế sau đó cài đặt chế độ sau đó miếng nhựa gỗ được đưa vào máy đúng vị trí cần thao tác và đúng tọa độ để tạo hoa văn. Đây là bước tác động trực tiếp tới tính thẩm mỹ và vị trí lắp đặt bề mặt có thể lắp thêm ô kính, gắn đường soi chỉ, phào nổi hoặc phay huỳnh, thêm họa tiết bằng máy cắt CNC. Nhân công thực hiện phải có tay nghề cao, giảm thiểu sai sót. Các khối pano cửa (panel hay huỳnh cửa) được chạm khắc chuẩn xác, tinh xảo bằng công nghệ CNC. Pano cửa bao gồm các khối: hình vuông, tròn, hình chữ nhật và elip. Việc tạo các pano giúp cho cánh cửa có điểm nhấn, hiện đại và thu hút hơn.

Phun keo

Các bán sản phẩm sau khi được tạo hoa văn sẽ chuyển đến khâu phun keo để tạo độ dính, quá trình phun keo nhà máy sử dụng keo không chứa hàm lượng dung môi, đồng thời

không tiến hành pha thêm dung môi mà sẽ đưa vào sử dụng trực tiếp cho sản xuất. Do vậy không phát sinh hơi keo trong quá trình sản xuất. Đối với keo thải phát sinh do quá trình thao tác bị rơi vãi trong quá trình sản xuất sẽ được Công ty thu gom sau mỗi ca sản xuất, sau đó lưu trữ và bàn giao cho đơn vị có chức năng thu gom như chất thải nguy hại. Sau quá trình phun keo đưa vào hệ thống sấy (sử dụng đèn sấy để làm khô sản phẩm).

Sản phẩm sau khi được làm khô được đưa vào máy dán màng tấm các tấm màng hay còn gọi là (film PVC) với màu sắc khác nhau được dán vào tấm nhựa gỗ để tạo sản phẩm như ý muốn và yêu cầu màu sắc của khách hàng mà chủ cơ sở lựa chọn các tấm màng phù hợp.

+ Film PVC với độ bền màu cao. Lớp phủ sẽ đóng vai trò chính trong việc bảo vệ cửa, chống thấm nước, giảm thiểu trầy xước và tình trạng bám bẩn cho sản phẩm. Phần phủ này cũng có tác dụng trong việc giúp quá trình vệ sinh dễ dàng hơn. Đặc biệt nhất là tăng cường khả năng thẩm mỹ nhờ thiết kế dạng giả vân gỗ tự nhiên.

Lắp các phụ kiện đi kèm: Có một số phụ kiện đi kèm có thể lắp đặt ngay sau khi cửa hoàn thiện bề mặt như khóa cửa, mắt thần, một số loại bản lề. Tùy thuộc vào nhu cầu thực tế của khách hàng đơn vị sản xuất sẽ tiến hành lắp theo yêu cầu. Những phụ kiện khác như gioăng cao su hay tay co thủy lực sẽ được thêm vào sau trong quá trình thi công tại công trình.

Đóng gói sản phẩm

Sau quá trình lắp phụ kiện, cửa nhựa composite về cơ bản đã hoàn thiện quá trình sản xuất. Đơn vị sản xuất chỉ cần vệ sinh lại bề mặt để đảm bảo tính thẩm mỹ và không để lại bụi bẩn. Trước khi cung cấp tới khách hàng thì sản phẩm cần phải được kiểm nghiệm, kiểm tra kỹ càng. Nếu đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của đơn vị kiểm nghiệm mới được phép giao hàng và lắp đặt.

Sản phẩm sau khi đạt theo yêu cầu về kích thước, màu sắc theo yêu cầu của khách hàng được đóng gói chuyển về chỗ lưu giữ để chờ ngày xuất kho.

***) Một số hình ảnh khu vực sản xuất**



Nguyên liệu tấm nhựa Composite



Nguyên liệu tấm nhựa Composite

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất cửa các loại và thiết bị lọc nước công nghệ cao” của Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất, thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ Quốc Vinh



Máy cắt



Thu bụi máy cắt



Máy mài tay



Thu bụi khu vực chà nhám



Máy dán màng các chi tiết nhỏ



Máy CNC hoa văn

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất cửa các loại và thiết bị lọc nước công nghệ cao” của Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất, thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ Quốc Vinh



Chỗ phun keo



Buồng sấy



Máy dán màng to



Máy cắt các chi tiết nhỏ để lắp ghép tạo thành cửa



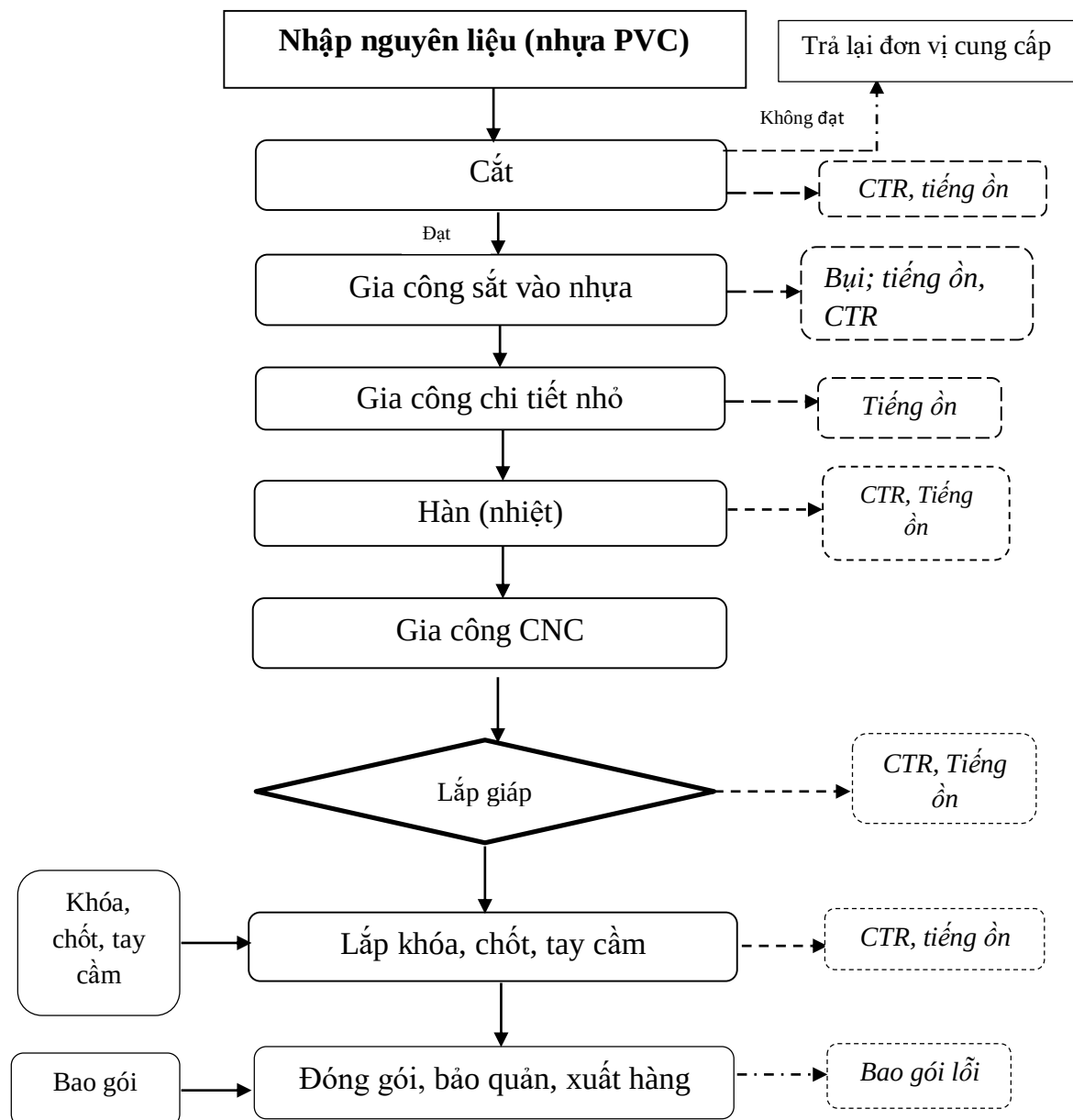
Máy cắt các chi tiết nhỏ để lắp ghép tạo thành cửa



Máy cắt đồng bộ hệ thống thu bụi

***) Quy trình sản xuất cửa nhựa PVC**

+ Sơ đồ quy trình sản xuất như sau:



Hình 1.4. Quy trình sản xuất của nhựa PVC

***) Thuyết minh quy trình công nghệ sản xuất:**

Căn cứ theo đơn đặt hàng từ khách hàng mà công ty có kế hoạch sản xuất cụ thể hàng hóa loại gì, mẫu mã nào, số lượng hàng hóa là bao nhiêu theo yêu cầu của khách hàng từ đó lên đơn hàng và dự kiến kế hoạch nhập NVL sản xuất. Các tấm nhựa PVC nhập về từ Mỹ. Sau khi nguyên liệu được nhập về sẽ được kiểm tra lại về số lượng cũng như chất lượng và phân phối cho các quy trình sản xuất theo đơn đặt hàng được yêu cầu và đưa tới các công đoạn sản xuất của cơ sở. Trường hợp nguyên liệu bị lỗi sẽ được chủ cơ sở gửi trả lại đơn vị cung cấp. Trường hợp lỗi lắp lại với tần suất nhỏ thì sẽ loại bỏ những khu vực lỗi không sử dụng nữa. Sau khi kiểm tra xong nguyên liệu đạt yêu cầu được vận chuyển về

khu vực bảo quản để chuẩn bị cho quá trình sản xuất. Quá trình kiểm tra nguyên liệu có thể phát sinh dây đai và bao gói thải.

Cắt

Sản phẩm thô sau khi cắt xong được chuyển đến công đoạn cắt từng bộ phận sản phẩm theo bản vẽ kỹ thuật. Tại công đoạn này, các chi tiết nhựa dạng thanh, tấm được máy cắt cắt thành các chi tiết có kích thước theo quy định. Cắt xong phải kiểm tra góc độ cắt và chiều dài của thanh nhựa, cắt trước khi đưa vào lắp ráp sơ bộ. Quá trình cắt có sử dụng dầu làm mát vừa có tác dụng làm cho các đường gia công được bóng và đẹp hơn, vừa có tác dụng làm giảm thiểu bụi kim loại phát tán đi xa do làm ướt các bụi phát sinh. Dầu làm mát sẽ được sử dụng tuần hoàn, định kỳ chỉ bổ sung khi bị tiêu hao và thay thế khi chất lượng dầu không đảm bảo cho mỗi gia công được đẹp.

Gia công các chi tiết nhỏ như mài, tạo lỗ các bán sản phẩm để thuận tiện cho quá trình lắp ghép tiếp theo.

Hàn

Các đầu cửa, mép cửa được nối lại với nhau bằng các đường hàn nhiệt tạo được điểm nối đẹp tinh tế cho sản phẩm.

Lắp ráp sơ bộ

Các chi tiết của sản phẩm sau khi cắt xong được lắp ghép với nhau bằng các khớp nối và ốc vít để tạo thành hình dạng ban đầu của sản phẩm cửa nhựa.

Lắp khóa, chốt tay cầm

Sau khi lắp ráp sơ bộ để tạo hình dạng ban đầu của sản phẩm xong thì sản phẩm được chuyển tiếp đến công đoạn lắp ráp hoàn thiện. Tại công đoạn này, sản phẩm được lắp ráp thêm các chi tiết đi kèm như khóa, chốt, tay, cầm để tạo thành cửa nhựa hoàn thiện.

Lắp ráp hoàn thiện

Các thanh tôn sau khi được liên kết với nhau bằng các sợi dây Polyglide để tạo thành thân cửa được chuyển sang cuộn đoạn lắp ráp hoàn thiện. Tại công đoạn này, thân cửa lắp thêm thanh đáy, động cơ cuốn, lò xo trợ lực để tạo thành sản phẩm hoàn thiện.

Đóng gói, bảo quản, xuất hàng

Sản phẩm sau khi đạt yêu cầu sẽ tiến hành đóng gói và nhập kho theo từng vị trí quy trình của loại sản phẩm để có thể dễ dàng kiểm soát và xuất kho.

***) Một số hình ảnh về quá trình sản xuất của cơ sở**

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất cửa các loại và thiết bị lọc nước công nghệ cao” của Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất, thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ Quốc Vinh



Thanh nhôm



Máy cắt

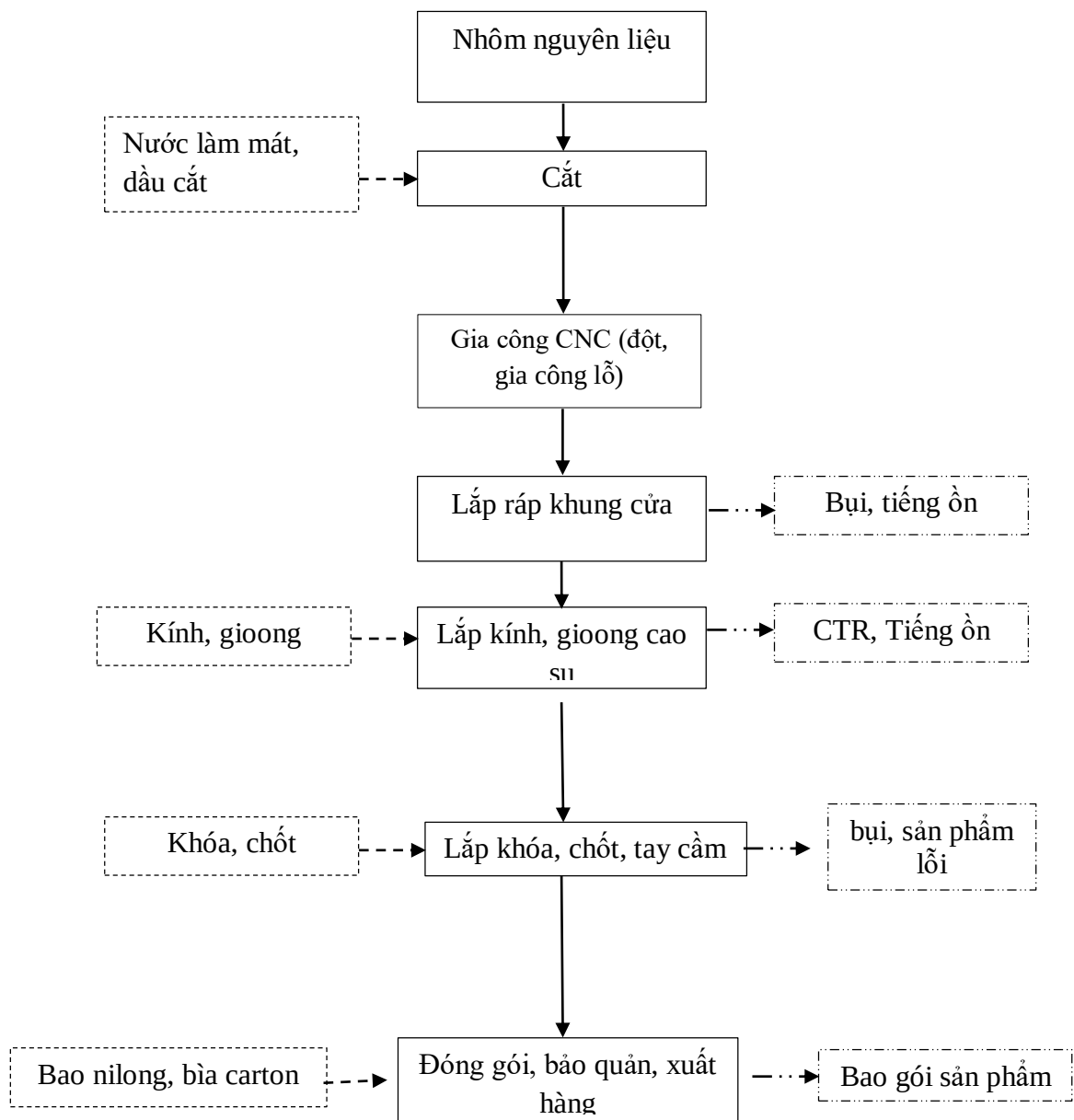


Máy hàn nhiệt



Máy CNC

***) Quy trình sản xuất cửa nhôm kính**



Hình 1.5. Quy trình sản xuất cửa nhôm kính

***) Thuyết minh quy trình sản xuất của dự án:**

Nhận đơn hàng, lập kế hoạch sản xuất: Căn cứ theo đơn đặt hàng từ khách hàng mà công ty có kế hoạch sản xuất cụ thể hàng hóa loại gì, mẫu mã nào, số lượng, quy cách và số lượng túi cần may là bao nhiêu theo yêu cầu của khách hàng từ đó lên đơn hàng sau khi được nhập về sẽ được kiểm tra lại về số lượng cũng như chất lượng.

Nhập nguyên liệu thô hay còn gọi là phôi nhôm Nguyên liệu phải đảm bảo nhôm thanh nguyên chất. Đảm bảo quá trình khi đun đúc một cách thuận tiện. Chịu nhiệt tốt, đảm bảo các thông số kỹ thuật đúng tiêu chuẩn.

Các thanh nhôm được sản xuất theo công nghệ đùn ép, bề mặt được xử lý và sơn phủ bằng phương pháp sơn tĩnh điện. Bề mặt rất dễ bị xước và bóp méo do vậy thanh nhôm phải bảo quản trên giá phẳng, khi di chuyển và bốc xếp không được lôi, kéo, mà phải được nhẹ nhàng và khi xếp để các thanh lên nhau phải đảm bảo thẳng và song song với nhau.

Đối với các nguyên vật liệu không đạt yêu cầu sẽ đổi trả lại nhà cung cấp.

Cắt:

Nhôm nguyên liệu sau khi kiểm tra đạt yêu cầu sẽ chuyển đến công đoạn cắt. Tại công đoạn này, nhôm được máy cắt, cắt thành các chi tiết có kích thước theo quy định của sản phẩm. Quá trình cắt sản phẩm có phát sinh bụi sắt nhôm và sử dụng nước để làm mát.

Gia công CNC

Sau khi được cắt bán sản phẩm sẽ được đưa vào gia công như máy đột và gia công lỗ theo yêu cầu của sản phẩm.

Lắp ráp khung cửa:

Các thanh nhôm, tấm nhôm sau khi được cắt thành các chi tiết theo kích thước của sản phẩm được chuyển sang công đoạn lắp ráp khung cửa. Tại công đoạn này các chi tiết nhôm được lắp ráp lại với nhau bằng các khớp nối, ốc vít để tạo thành khung của sản phẩm.

Sau đó tiến hành lắp ráp các bộ phận phụ để tạo thành cửa hoàn chỉnh:

+ Lắp kính và gioong cao su:

Khung cửa sau khi lắp ráp xong được chuyển sang công đoạn lắp kính và gioong cao su.

+ Lắp ổ khóa, chốt: Xác định vị trí ổ khóa, từ dưới lên đến mép khoảng 900 – 1000mm hoặc theo yêu cầu của khách hàng. Xác định loại ổ khóa và vẽ hình dạng lên cánh cửa để xác định vị trí.

+ Lắp chốt

Chốt gài, chốt giữ hãm phải được lắp ngay ngắn cố định trên khung cánh. Lỗ chốt khi khoan cần phải ôm sát với ti chốt để chống lắc, tay chốt phải dễ nắm để thao tác đóng mở. Tùy từng loại cửa mà tính toán lắp chốt sao cho phù hợp để thuận tiện đóng mở.

+ Lắp gờ móc:

Luồn ron vào gờ móc, cắt ron. Ron phải liền đoạn không được chắp nối. Xác định vị trí lắp gờ móc: mép trên hay mép dưới lắp gờ móc bằng vít.

Đóng gói, vận chuyển và xuất hàng

Sản phẩm sau khi lắp ráp hoàn thiện xong được đem đi đóng gói và vận chuyển về kho chứa chờ ngày xuất kho.

***) Một số hình ảnh về hoạt động sản xuất của cơ sở**



Khu vực máy cắt



Khu vực máy gia công

***) Đối với mục tiêu cho thuê nhà xưởng**

Tổng diện tích khu nhà xưởng, kho của cơ sở là 5.400 m². Hiện tại cơ sở đã cho 5 đơn vị thuê nhà xưởng, văn phòng hay kho bãi để sản xuất và kinh doanh.

+ Công ty TNHH Wold Tech chuyên sản xuất cơ khí khuôn mẫu và ép plastic nhựa thuê lại một phần nhà xưởng có diện tích 950 m² trên diện tích đất 1350 m² thuộc nhà xưởng số 5 (1 tầng) số 8 trên MBTT. (Có hợp đồng kèm theo số 240102/HĐTNX/WMT-QV).

+ Công Ty Cổ phần Bao bì nhựa xanh Minh Hưng sản xuất túi màng nilong để đựng thực phẩm thuê lại một phần diện tích nhà xưởng 1350 m² nằm trên diện tích 2.700 m² thuộc nhà xưởng + nhà kho (1 tầng) số 3 trên MBTT. (Có hợp đồng kèm theo số 240102/HĐTNX/MH-QV).

+ Công ty Cổ Phần sản xuất và thương mại Innotech Việt Nam thuê lại một phần nhà xưởng 750 m² nằm trên diện tích đất 1150 m² thuộc nhà xưởng số 2 (1 tầng), kí hiệu số 5 trên MBTT để sản xuất túi nilon đựng thiết bị điện tử. (Có hợp đồng kèm theo số

240102/HĐTNX/INT-QV).

+ Công ty TNHH TQT thương mại với diện tích thuê một phần nhà xưởng là 850 m² nằm trên nhà kho số 3 (1 tầng) kí hiệu số 6 trên MBTT có diện tích là: 1350 m² để sản xuất đóng gói sản phẩm khăn khô sử dụng 1 lần. (Có hợp đồng kèm theo số 240102/HĐTNX/TQT-QV).

+ Công ty TNHH BM VINA với diện tích thuê là 750 m² nằm trên diện tích đất là 1350 m² trên nhà xưởng số 1 (1 tầng), kí hiệu số 4 trên MBTT với diện tích là 1350 m² để sản xuất cơ khí khuôn.

Đối với mục tiêu cho thuê nhà xưởng: Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất, thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ Quốc Vinh không cho thuê đối với các công ty có hoạt động gây ô nhiễm môi trường cao theo tinh thần của chỉ thị 04/2009/CT – UBND ngày 31/3/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên như: chế biến tinh bột sắn, miến dong, chế biến mủ cao su, sản xuất hoá chất cơ bản, nhuộm, giặt mài, thuộc da, chế biến thủy sản, sản xuất phân bón hoá học, hoá chất bảo vệ thực vật, sản xuất giấy; và các dự án có mạ kim loại...

+ Ngành nghề sản xuất kinh doanh cơ sở cho thuê xưởng sản xuất: Công ty lựa chọn ngành nghề phù hợp với hoạt động kinh doanh, sản xuất trong khu đất như: sản xuất các sản phẩm hàng tiêu dùng, sản phẩm từ gỗ, dược phẩm, mỹ phẩm, bao bì. Ưu tiên các dự án không phát sinh hoặc ít phát sinh nước thải sản xuất và sử dụng ít lao động.

+ Công ty cam kết không cho thuê đối với ngành nghề sản xuất, hàng hóa lưu giữ là hóa chất và các mặt hàng nguy hiểm, hàng cấm theo quy định.

- Không làm thay đổi mục đích sử dụng đất đã được chấp thuận và không vượt quá 5.400 m².

- Số lượng công nhân, lao động các công ty thuê xưởng, kho tối đa là 160 người.

Đối với mục tiêu cho thuê kho: Công ty chỉ tiến hành cho thuê để làm kho lưu giữ hàng hóa (chứa hàng hóa; hoá chất tương tự sản phẩm của công ty; lương thực (gạo, thóc); đồ nội thất (sản phẩm nhựa, gỗ) và không sản xuất. Các mặt hàng lưu trữ như máy móc thiết bị, nguyên liệu, sản phẩm, hàng tiêu dùng phục vụ dân sinh như: Bao bì giấy, bao bì nhựa, bánh kẹo, hàng may mặc, thiết bị điện, phụ kiện ngành may mặc; lương thực, thực phẩm (nguyên liệu hoặc thành phẩm).

Cơ sở cam kết không lưu giữ hàng hóa có nguy cơ cháy nổ cao, ô nhiễm, độc hại. Chủ cơ sở cho các đơn vị thuê kinh doanh các mặt hàng tương tự mặt hàng của công ty làm kho chứa hàng, do đó nhu cầu công nhân đối với các loại hình này không lớn.

**) Trách nhiệm của chủ cơ sở Công ty cổ phần Đầu tư sản xuất, thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ Quốc Vinh.*

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của các đơn vị thuê nhà xưởng, kho theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép.

- Cung cấp hạ tầng đầy đủ cho doanh nghiệp thuê nhà xưởng, kho theo đúng thỏa thuận.

- Chịu trách nhiệm thu gom toàn bộ nước mưa chảy tràn trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Chịu trách nhiệm cung cấp nước sạch từ bể chứa của công ty đến từng dự án thuê nhà xưởng, kho bãi. Nghiêm cấm việc tự ý khoan giếng khai thác, sử dụng nước và xả thải khi chưa thực hiện thăm dò, đánh giá trữ lượng, phân tích chất lượng nước và được cấp phép theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chịu trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của từng cơ sở, đơn vị thuê xưởng sẽ thanh toán phí hàng tháng với chủ cơ sở.

**) Trách nhiệm của đơn vị thuê văn phòng, nhà xưởng, kho:*

- Trả chi phí thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và đấu nối nước thải sinh hoạt vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty cổ phần Đầu tư sản xuất, thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ Quốc Vinh theo đúng thỏa thuận giữa hai bên. Thực hiện các thủ tục hành chính về môi trường theo quy định.

- Nước thải nhà ăn nếu có phát sinh từ các đơn vị thuê xưởng, các đơn vị thuê xưởng phải có trách nhiệm bố trí bể tách mỡ, đường ống dẫn ra hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt trước xử lý của đơn vị cho thuê nhà xưởng xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

- Chịu trách nhiệm thực hiện trả chi phí thu gom, xử lý khí thải và chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh của dự án theo đúng thỏa thuận giữa hai bên..

- Các dự án thuê nhà xưởng không phát sinh nước thải sản xuất phải xử lý trước khi thải ra môi trường (phù hợp với KL số 232-KL/TU tỉnh ủy Hưng Yên ngày 14/10/2021).

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong đó có việc thực hiện các thủ tục về môi trường trước khi đưa dự án vào hoạt động đúng quy định.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

***) Các sản phẩm đầu ra của cơ sở như sau:**

Các sản phẩm đầu ra của cơ sở là cửa nhựa, cửa nhôm các loại: 7.500 sản phẩm/năm. Số lượng mỗi loại sản phẩm tùy thuộc đơn hàng tại từng thời điểm. Cho thuê nhà xưởng, cho thuê kho bãi: 5.400 m² cụ thể như sau:

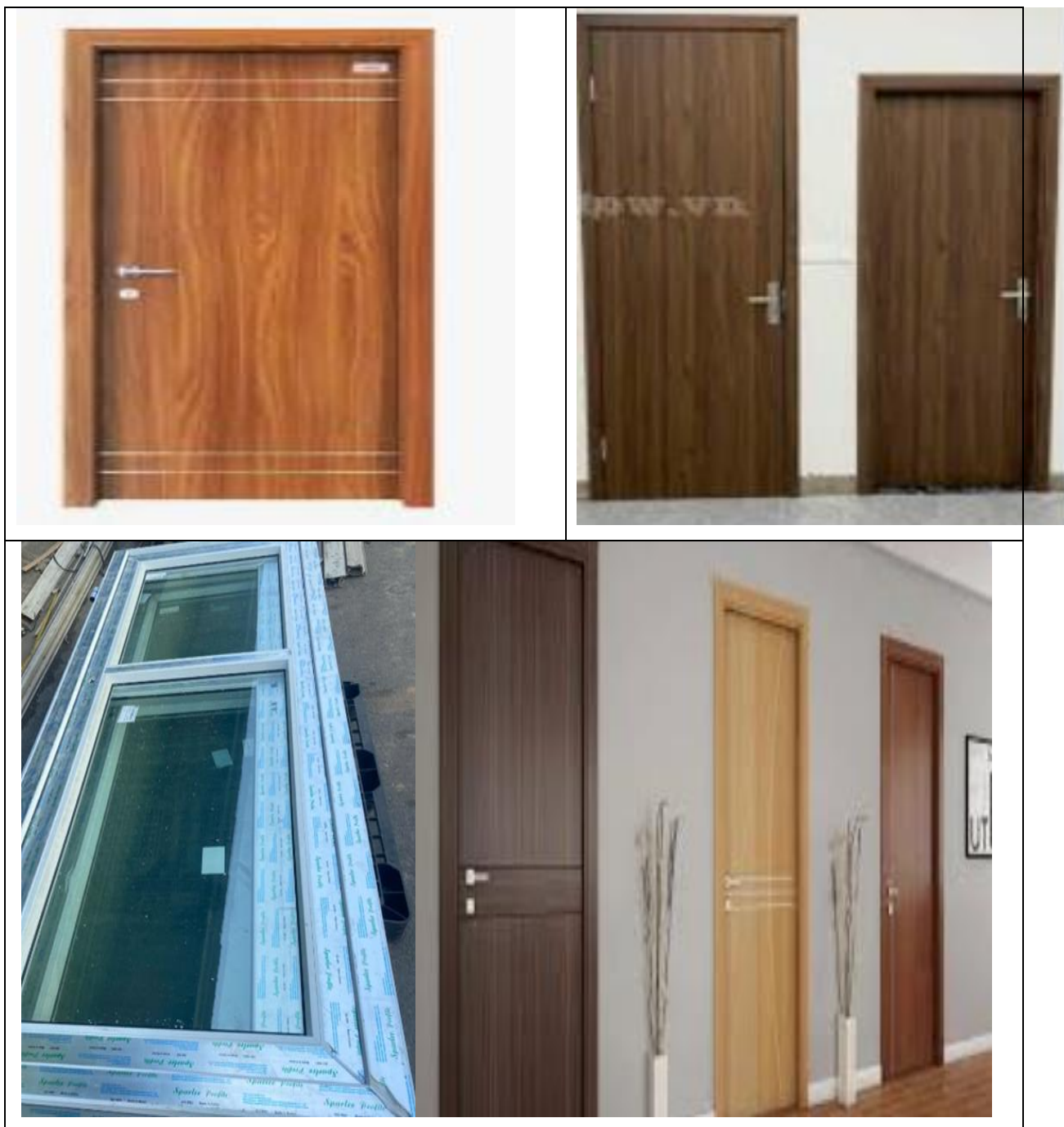
Bảng 1.3. Danh mục các sản phẩm đầu ra của cơ sở

TT	Mục tiêu	Đơn vị	Công suất thiết kế	Công suất quy đổi (tấn/năm)
1	Sản xuất cửa nhôm, cửa nhựa các loại	Sản phẩm/năm	7.500	262,5

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất cửa các loại và thiết bị lọc nước công nghệ cao” của Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất, thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ Quốc Vinh

2	Cho thuê nhà xưởng, kho bãi	m ²	5.400	
---	-----------------------------	----------------	-------	--

***) Một số hình ảnh sản phẩm của cơ sở:**



Hình 1.6. Một số hình ảnh về sản phẩm của cơ sở

4. Nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

a. Nhu cầu nguyên, vật liệu

Nhu cầu sử dụng nguyên liệu chính của cơ sở được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 1.4. Nhu cầu về nguyên liệu sử dụng của cơ sở

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất cửa các loại và thiết bị lọc nước công nghệ cao” của Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất, thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ Quốc Vinh

TT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Lượng sử dụng thực tế	Đề xuất cấp GPMT	Nguồn gốc	Công đoạn sử dụng
I	Sản xuất cửa các loại					
	Sản xuất cửa nhựa (PVC và Compositơ)					
1	Tấm nhựa PVC	Tấn/năm	20	70	Đài Loan, Hàn Quốc, Hoa kì, Việt Nam	Xuyên suốt quá trình sản xuất
2	Tấm nhựa Composite	Tấn/năm	50	100		
3	Màng màu	Tấn/năm	1	2		
5	Keo dán	Tấn/năm	0,5	1		
6	Khóa	Tấn/năm	0,2	1		
8	Tay cầm	Tấn/năm	0,3	0,8		
9	Chốt	Tấn/năm	0,2	0,5		
II	Sản xuất của nhôm kính					
1	Nhôm hộp	Tấn/năm	20	35	Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc, Việt Nam	Xuyên suốt quá trình sản xuất
2	Nhôm tấm	Tấn/năm	30	48,3		
3	Kính	Tấn/năm	0,8	2		
4	Gioong cao su	Tấn/năm	0,1	0,1		
5	Khóa	Tấn/năm	0,3	1,2		
6	Chốt	Tấn/năm	0,2	0,1		
7	Tay cầm	Tấn/năm	0,2	0,5		
III	Nguyên liệu, hóa chất khác					
1	Dầu máy (máy phát điện)	Tấn/năm	0,2	0,3	Việt Nam	Chạy máy phát điện
2	Dầu máy bôi trơn cho máy và làm mát	Tấn/năm	0,4	0,6		Bảo dưỡng máy móc thiết bị
3	Gas (sử dụng cho nấu ăn)	Tấn/năm	0,5	0,6		Sử dụng cho nấu ăn
4	Hoá chất khử trùng (Javel 10%)	Tấn/năm	0,140	0,2		Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt
5	Than hoạt tính	Tấn/năm	0.155	0,2		

❖ **Thành phần, tính chất vật lý nguyên vật liệu:**

*) *Dung dịch javel*: Javen xử lý nước thải hay còn được biết đến với công thức hóa học là NaClO. Loại chất tẩy rửa này được tạo nên từ 2 loại muối NaCl, NaClO và dung dịch NaOH. Sau đó sẽ được sục khí Clo vào dung dịch để tạo nên nước Javen.

Sản phẩm này thường tồn tại ở thể lỏng, màu vàng nhạt và có mùi nồng. Khi nhắc tới Javen, chúng ta sẽ nghĩ ngay đến tính oxi hóa cực mạnh của chúng. Bởi chúng có chức năng phá vỡ các liên kết của chất thải trong nước thải ô nhiễm.

*) *Keo Jowapur*: Đây là loại keo nước gốc PUR một thành phần (Jowapur 685.07) dùng để dán các loại gỗ mềm và cứng, cửa sô, cửa đi... là một sản phẩm kết dính đa năng.

Khả năng chịu nhiệt: (-) 40°C đến (+) 80°C đối với nhiệt tiêu chuẩn và lên tới 120 độ C đối với HRT 92. Kháng UV, kháng nước.... Chịu lực cao, độ ẩm dính chắc, nhanh khô, không chết keo sau 1 thời gian sử dụng gián đoạn. Keo thân thiện với môi trường có thể gây kích ứng da, mắt. Nuốt phải có thể có hại hoặc tác dụng phụ.

Chủ cơ sở cam kết các nguyên liệu, hoá chất sử dụng không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định hiện hành.

b. Nhu cầu tiêu thụ điện, nước

***) Nhu cầu tiêu thụ điện năng:**

- Nguồn điện cung cấp cho các hoạt động sản xuất, chiếu sáng, sinh hoạt và an ninh của Nhà máy được cung cấp từ lưới điện khu vực thực hiện dự án đến trạm biến áp được đặt trong khu vực cơ sở. Điện từ trạm biến áp sẽ được phân phối đến chân các hạng mục công trình của cơ sở bằng mạng lưới cáp ngầm. Nguồn điện của cơ sở được lấy từ nguồn điện chung của tỉnh Hưng Yên.

- Tổng nhu cầu điện năng của Nhà máy giai đoạn vận hành thương mại khoảng 1.100.000 KWh/năm.

***) Nhu cầu sử dụng nước:**

- Nguồn cung cấp nước:

+ Nguồn nước sạch: Sử dụng để cung cấp cho hoạt động sinh hoạt (Ăn uống, rửa tay), phòng cháy chữa cháy, hệ thống làm mát, nồi hơi. Công ty đã ký Hợp đồng dịch vụ cung cấp nước sạch với đơn vị cấp nước sạch là nhà máy cấp nước sạch Mỹ Văn của Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Việt Thanh (Có hợp đồng đính kèm báo cáo). Công ty cam kết toàn bộ nước sạch sử dụng trong hoạt động của công ty (sinh hoạt, sản xuất) được lấy từ đơn vị cấp nước sạch.

***) Giai đoạn hiện tại**

+ Nhu cầu sử dụng lao động hiện tại của cơ sở khoảng 20 cán bộ công nhân viên (do ảnh hưởng của thị trường tiêu thụ, cạnh tranh lao động, giá gia công dẫn đến các đơn hàng giảm cho nên số lượng cán bộ công nhân cũng giảm). Lượng nước cấp cho hoạt động sinh hoạt của 20 công nhân viên khoảng 1,5 m³/ngày đêm (Áp dụng TCVN 13606:2023 Cấp nước – mạng lưới đường ống công trình – yêu cầu thiết kế định mức 75l/người/ca làm việc) có tổ chức nấu ăn và không tắm giặt tại công ty.

+ Nước cấp cho hoạt động cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi ngoài trời: dự kiến khoảng 200 công nhân viên. Có tổ chức nấu ăn vậy nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt của công nhân viên thuê xưởng của cơ sở dự kiến là: 200 x 75/1000= 15 (m³/ngày, đêm).

+ Nước cấp cho hoạt động tưới cây, tưới ẩm đường nội bộ: 3 m³/ngày đêm.

+ Đối với nước cấp cho hoạt động PCCC được dự trữ trong bể và chỉ sử dụng tới khi có sự cố.

***) Giai đoạn khi đạt công suất tối đa**

+ Nước cấp cho sinh hoạt của cán bộ công nhân viên nhà máy khi đạt công suất tối đa: Tại cơ sở có thực hiện nấu ăn cho công nhân với số lượng cán bộ công nhân viên tối

đa khi hoạt động đạt công suất đăng kí cần 40 cán bộ công nhân viên thì lượng nước cấp cho sinh hoạt là khoảng 3 m³/ngày đêm (theo TCVN 13606:2023 Cấp nước – mạng lưới đường ống công trình – yêu cầu thiết kế, định mức 75l/người/ca làm việc).

+ Nước cấp cho hoạt động cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi ngoài trời: dự kiến khoảng 300 công nhân viên. Có tổ chức nấu ăn vậy nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt của công nhân viên thuê xưởng của cơ sở dự kiến là: $300 \times 75/1000 = 22,5$ (m³/ngày, đêm).

+ Nước cấp cho hoạt động tưới cây, tưới ẩm đường nội bộ: 3 m³/ngày đêm.

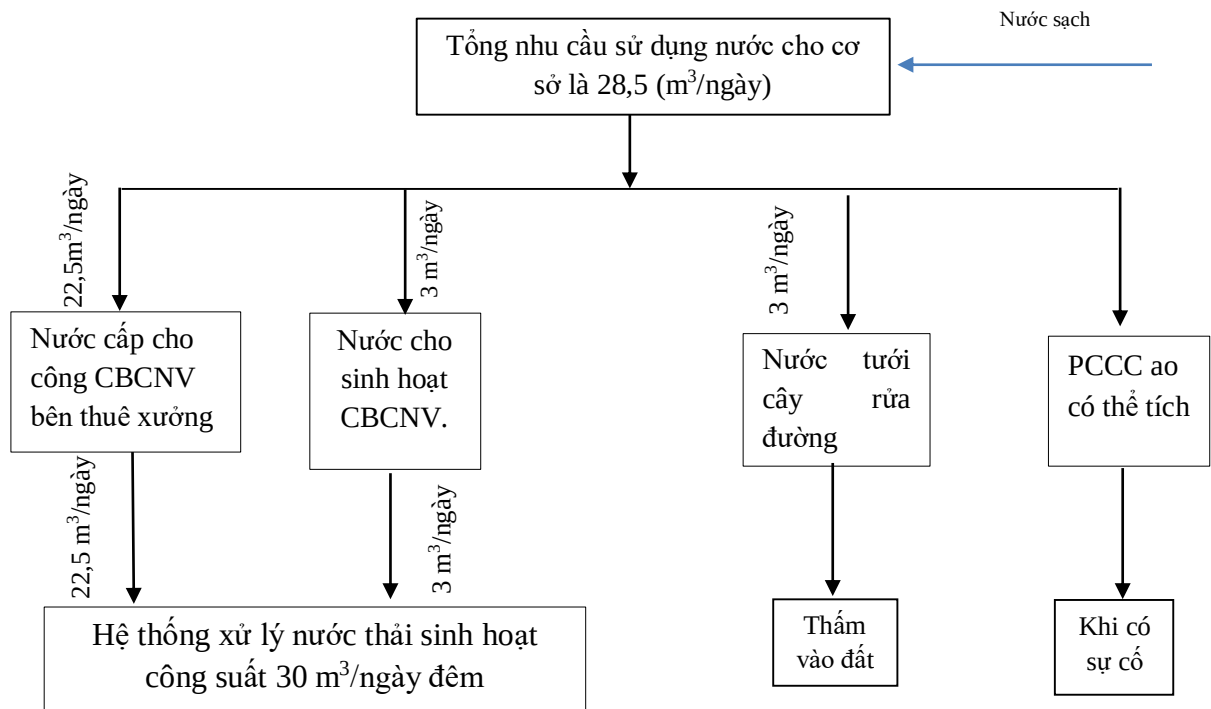
+ Đối với nước cấp cho hoạt động PCCC được dự trữ trong bể và chỉ sử dụng tới khi có sự cố.

Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước sạch, xả nước thải của cơ sở trong bảng dưới đây:

Bảng 1.5. Bảng cân bằng nhu cầu sử dụng nước, thải nước của cơ sở

STT	Mục đích sử dụng nước	Nhu cầu cấp nước (m ³ /ngày)		Lưu lượng xả thải (m ³ /ngày)		Ghi chú
		Thực tế	100% công suất đăng kí	Thực tế	100% công suất đăng kí	
1	Nước cho hoạt động sinh hoạt của CBCNV	1,5	3	1,5	3	Lưu lượng thải = 100% lưu lượng cấp
2	Nước cho hoạt động sinh hoạt của CBCNV bên thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi	15	22,5	15	22,5	Đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở
	Đối với nước cấp cho hoạt động sản xuất của các đơn vị cho thuê xưởng	Không phát sinh nước thải sản xuất				
3	Nước cấp cho hoạt động tưới cây, tưới ẩm đường nội bộ	3	3	0	0	Ngấm vào đất, vào đường
4	Nước cấp cho hoạt động PCCC	Dự trữ trong bể và chỉ sử dụng tới khi có sự cố				
5	Tổng	19,5	28,5	16,5	25,5	Lưu lượng nước thải được đưa tới HTXL nước thải sinh hoạt của cơ sở

***) Sơ đồ cân bằng nước của cơ sở**



Hình 1.7. Sơ đồ cân bằng nước tại cơ sở (tính trung bình một ngày)

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Hiện trạng các hạng mục công trình chính, công trình phụ trợ và công trình BVMT của cơ sở

5.1.1. Các hạng mục công trình chính

+ Nhà điều hành (3 tầng): đã xây dựng có diện tích 450 m²; được thiết kế khung, trần nhà bằng bê tông, tường bao quanh xây bằng gạch dày 220, nền lát bằng gạch ceramic, cửa ra vào bằng kính, cửa nhôm, cửa thoát hiểm bằng thép; kiến trúc hiện đại.

+ Nhà ăn và nghỉ ca công nhân 02 tầng (đã xây dựng): cơ sở bố trí làm 2 nhà ăn. Một khu nhà ăn ứng với số 13 trên MBTT có diện tích 800 m² được thiết kế khung, trần nhà bằng bê tông, tường bao quanh xây bằng gạch dày 220, nền lát bằng gạch ceramic, cửa thoát hiểm bằng thép. Khu vực này tách biệt với khu vực sản xuất, được phân chia làm 2 khu vực chính: khu chuẩn bị thức ăn và khu vực ăn của cán bộ công nhân viên cơ sở.

+ Nhà xưởng sản xuất, nhà kho: có nhà xưởng và nhà kho 01 tầng (đã xây dựng) kí hiệu số 3 trên MBTT có diện tích: 3.200 m², nhà xưởng số 1(1 tầng) (đã xây dựng) kí hiệu số 4 trên MBTT có diện tích: 1350 m², nhà xưởng số 2 (1 tầng) đã xây dựng có diện tích 1.350 m², nhà xưởng số 4 (1 tầng), nhà xưởng số 5 (1 tầng) có diện tích: 1.350 m² nhà xưởng số 6 (1 tầng) kí hiệu số 12 trên MBTT có diện tích 1.350 m² được xây dựng đảm bảo tính năng phục vụ sản xuất, kho lưu chứa; được thiết kế thoáng đãng đảm bảo sự thông thoáng nhà xưởng và đảm bảo tiêu chuẩn về xây dựng: có kết cấu chính bằng khung thép, cột, xà gồ bằng thép, bê tông; mái lợp tôn múi, có lớp cách nhiệt dưới mái, nền đổ bê tông; đường ống gió, khí nén, đường ống điều hòa được treo trên hệ khung dầm, tường, đỡ bằng hệ khung thép trên nền xưởng.

- Nhà xưởng sản xuất: được xây dựng đảm bảo tính năng phục vụ sản xuất, được thiết kế thoáng đãng đảm bảo sự thông thoáng nhà xưởng và đảm bảo tiêu chuẩn về xây dựng: có kết cấu chính bằng khung thép, cột, xà gồ bằng thép, bê tông; mái lợp tôn múi, có lớp cách nhiệt dưới mái, nền đồ bê tông; đường ống gió, khí nén, đường ống điều hòa được treo trên hệ khung dầm, tường, đỡ bằng hệ khung thép trên nền xưởng.

- Nhà văn phòng, điều hành, nhà ăn: Được thiết kế cao ráo, kiến trúc hiện đại, thuận tiện phục vụ hoạt động văn phòng.

5.1.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

Các công trình phụ trợ của công ty gồm:

- + Nhà bảo vệ và cổng: 16 m²
- + Nhà để xe: 378 m²,
- + Trạm điện;
- + Hệ thống đường giao thông nội bộ, sân bãi: 6.650 m²;
- + Bể nước PCCC:

5.1.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

Các công trình bảo vệ môi trường chính của cơ sở đã được đầu tư:

- 01 khu lưu giữ chất thải tạm thời;
- Các bể tự hoại 03 ngăn xử lý sơ bộ nước thải từ các nhà vệ sinh; 01 bể tách dầu mỡ xử lý sơ bộ nước thải nhà ăn ca;
- 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 30 m³/ngày đêm;
- Hệ thống thu gom thoát nước mưa đã được xây dựng tách biệt hoàn toàn với hệ thống thu gom thoát nước thải.

Tổng hợp các hạng mục công trình chính, phụ trợ và công trình BVMT của cơ sở như sau:

Bảng 1.6. Các hạng mục công trình của công ty

Kí hiệu trên MBTT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Tình trạng
I	Hạng mục công trình chính			
(2)	Nhà điều hành (3 tầng)	m ²	450	Đã xây dựng
(3)	Nhà xưởng + nhà kho (1 tầng)	m ²	3.200	Đã xây dựng
(4)	Nhà xưởng số 1 (01 tầng)	m ²	1.350	Đã xây dựng
(5)	Nhà xưởng số 2 (01 tầng)	m ²	1.350	Đã xây dựng
(6)	Nhà xưởng số 3 (1 tầng)	m ²	3.200	Đã xây dựng
(7)	Nhà xưởng số 4 (1 tầng)	m ²	1.350	Đã xây dựng
(8)	Nhà xưởng số 5 (1 tầng)	m ²	1.350	Đã xây dựng
(12)	Nhà xưởng số 6 (1 tầng)	m ²	750	Đã xây dựng
(13)	Nhà ăn và nghỉ ca công nhân (2 tầng)	m ²	800	Đã xây dựng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất cửa các loại và thiết bị lọc nước công nghệ cao” của Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất, thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ Quốc Vinh

Kí hiệu trên MBTT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Tình trạng
II	Hạng mục công trình phụ trợ			
(1)	Cổng, nhà bảo vệ (1 tầng)	m ²	-	Đã xây dựng
(11)	Nhà để xe	m ²	378	Chưa xây dựng
(10)	Trạm điện	m ²	-	Đã xây dựng
(14)	Khu kĩ thuật -VSMT	m ²	440	Đã xây dựng
III	Hạng mục công trình BVMT			
-	Nhà chứa rác thải sinh hoạt + công nghiệp thông thường	m ²		Đã xây dựng
(9)	Bể nước PCCC	m ³	1.100	Đã xây dựng
IV	Tổng hợp các hạng mục			
4.1	Đất xây dựng công trình	m ²	12.670	Tỷ lệ 50,68 %
4.2	Đất giao thông, sân bãi	m ²	6.650	Tỷ lệ 26,60 %
4.3	Đất cây xanh, mặt nước	m ²	5.680	Tỷ lệ 22,72 %
Tổng diện tích quy hoạch		m²	25.000	100%

5.2. Danh mục máy móc, thiết bị đã đầu tư của cơ sở

Hiện tại cơ sở đã bố trí đầy đủ máy móc thiết bị để sản xuất đạt công suất tối đa. Các thiết bị, máy móc hiện đại phần lớn được nhập khẩu ở nước ngoài. Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở gồm:

Bảng 1.7. Danh mục máy móc thiết bị giai đoạn vận hành cơ sở

STT	Máy móc thiết bị	Số lượng	Đơn vị	Công dụng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng
I	Thiết bị sản xuất cửa nhựa UPVC & nhựa Composite						
1	Máy cắt nhựa	2	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Trung Quốc	2022	Hoạt động tốt
2	Máy phay đồ	2	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Trung Quốc	2022	Hoạt động tốt
3	Máy phay khoá	1	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Trung Quốc	2022	Hoạt động tốt
4	Máy phay CNC	1	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Việt Nam	2022	Hoạt động tốt
5	Máy rửa góc CNC	1	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Trung Quốc	2022	Hoạt động tốt
6	Máy khoan 4 đầu	1	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Trung Quốc	2022	Hoạt động tốt
7	Máy hàn nhiệt 4 đầu	3	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Trung Quốc	2022	Hoạt động tốt

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất cửa các loại và thiết bị lọc nước công nghệ cao” của Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất, thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ Quốc Vinh

8	Máy khoan 1 đầu	2	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Trung Quốc	2022	Hoạt động tốt
9	Máy đột dập	1	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Việt Nam	2022	Hoạt động tốt
10	Máy cắt sắt bàn	2	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Việt Nam	2022	Hoạt động tốt
11	Máy cắt nẹp	2	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Trung Quốc	2022	Hoạt động tốt
12	Máy khoan cầm tay	10	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Việt Nam	2022	Hoạt động tốt
13	Máy cắt bàn	2	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Việt Nam	2022	Hoạt động tốt
14	Máy nén khí 22KW	1	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Nhật Bản	2021	Hoạt động tốt
15	Máy nhiệt uốn vòm	2	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Việt Nam	2021	Hoạt động tốt
16	Máy nén khí 5kg	3	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Trung Quốc	2021	Hoạt động tốt
17	Máy dán cạnh	2	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Trung Quốc	2021	Hoạt động tốt
18	Máy dán khung nẹp	2	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Trung Quốc	2021	Hoạt động tốt
19	Máy hút fiml chân không	1	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Trung Quốc	2021	Hoạt động tốt
20	Máy cưa bàn đẩy dọc	1	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Trung Quốc	2021	Hoạt động tốt
21	Máy trà rung	8	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Trung Quốc	2021	Hoạt động tốt
22	Máy dán cạnh bằng tay	1	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Trung Quốc	2021	Hoạt động tốt
23	Máy đóng gói	1	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Trung Quốc	2021	Hoạt động tốt
24	Máy khắc CNC	1	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Trung Quốc	2021	Hoạt động tốt
25	Máy chia fiml	1	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Trung Quốc	2021	Hoạt động tốt
II	Sản xuất cửa nhôm kính						
1	Máy cắt nhôm	2	Hệ thống	Phục vụ quá trình sản xuất	Trung Quốc	2021	Hoạt động tốt
2	Máy phay đồ	3	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Trung Quốc	2021	Hoạt động tốt
3	Máy phay khoá	2	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Trung Quốc	2021	Hoạt động tốt
4	Máy phay CNC	2	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Việt Nam	2021	Hoạt động tốt

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất cửa các loại và thiết bị lọc nước công nghệ cao” của Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất, thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ Quốc Vinh

5	Máy ép góc	1	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Trung Quốc	2021	Hoạt động tốt
6	Máy khoan cầm tay	10	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Trung Quốc	2021	Hoạt động tốt
7	Máy khoan 1 đầu	1	Hệ thống	Phục vụ quá trình sản xuất	Trung Quốc	2021	Hoạt động tốt
8	Máy cắt bàn	2	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Trung Quốc	2021	Hoạt động tốt
9	Máy khoan cầm tay	6	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Trung Quốc	2021	Hoạt động tốt
10	Máy cắt cầm tay	2	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Trung Quốc	2021	Hoạt động tốt
11	Máy đột dập	4	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Việt Nam	2021	Hoạt động tốt
12	Máy nén khí 20KW	1	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	EU	2021	Hoạt động tốt
13	Hệ thống điều hòa nhà xưởng	1	Hệ thống	Phục vụ quá trình sản xuất	Việt Nam	2021	Hoạt động tốt
14	Hệ thống chuyên treo	1	Hệ thống	Phục vụ quá trình sản xuất	Trung Quốc	2021	Hoạt động tốt
15	Hệ thống thông gió, làm mát	1	Hệ thống	Phục vụ quá trình sản xuất	Việt Nam	2021	Hoạt động tốt
16	Hệ thống điện chiếu sáng	1	Hệ thống	Phục vụ quá trình sản xuất	Việt Nam	2021	Hoạt động tốt
17	Xe đẩy hàng	11	Chiếc	Phục vụ quá trình sản xuất	Việt Nam	2021	Hoạt động tốt
II	Thiết bị văn phòng						
1	Trang thiết bị phòng khách	4	Bộ	Hoạt động văn phòng	Việt Nam	2021	Hoạt động tốt
2	Trang thiết bị phòng họp	2	Bộ	Hoạt động văn phòng	Việt Nam	2021	Hoạt động tốt
3	Bàn ghế làm việc văn phòng	10	Bộ	Hoạt động văn phòng	Việt Nam	2021	Hoạt động tốt
4	Máy vi tính	4	Chiếc	Hoạt động văn phòng	Trung Quốc	2021	Hoạt động tốt
5	Màn hình tivi	7	Chiếc	Hoạt động văn phòng	Trung Quốc	2021	Hoạt động tốt
6	Tủ lưu giữ hồ sơ	13	Chiếc	Hoạt động văn phòng	Việt Nam	2021	Hoạt động tốt
7	Điều hòa	23	Bộ	Hoạt động văn phòng	Nhật Bản	2021	Hoạt động tốt
III	Các công trình bảo vệ môi trường						
1	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	1	Hệ thống	Xử lý nước thải sinh hoạt	Việt Nam	2024	Đã đầu tư
2	Khu lưu giữ rác thải	1	Kho chứa	Lưu giữ tạm thời rác thải	Việt Nam	2023	Đã đầu tư

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất cửa các loại và thiết bị lọc nước công nghệ cao” của Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất, thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ Quốc Vinh

3	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa	1	Hệ thống	Xử lý nước mưa bề mặt	Việt Nam	2023	Đã đầu tư
4	Hệ thống PCCC	1	Hệ thống	Khi có hỏa hoạn	Việt Nam	2021	Đã đầu tư
IV Các thiết bị khác							
1	Máy phát điện	1	Chiếc	Dự phòng mất điện	Nhật Bản	2022	Hoạt động tốt
2	Tủ thuốc y tế	2	Chiếc	An toàn lao động	Việt Nam	2021	Hoạt động tốt
3	Xe ô tô 4 chỗ	1	Chiếc	Đưa đón CBCNV	Việt Nam	2021	Hoạt động tốt
4	Xe ô tô 7 chỗ	1	Chiếc	Đưa đón CBCNV	Thái Lan	2023	Hoạt động tốt

(Nguồn hồ sơ cơ sở)

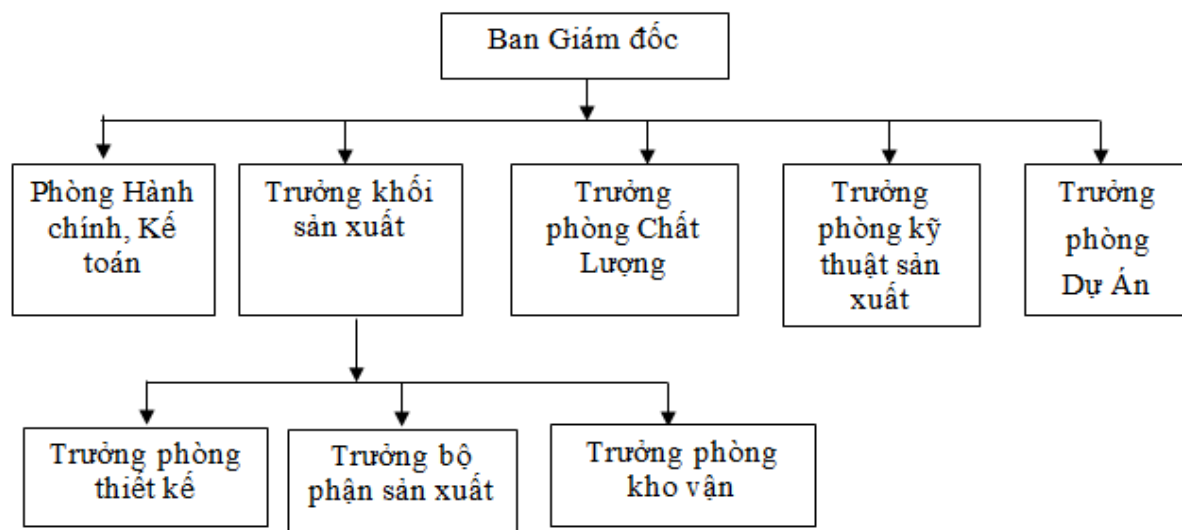
5.3. Thực trạng hoạt động sản xuất của cơ sở

Cơ sở đi vào hoạt động từ năm 2021. Hiện tại, cơ sở có số lượng lao động khoảng 20 người, công suất đạt khoảng 20% công suất đăng kí, cụ thể như sau:

- Sản xuất cửa nhựa của nhôm các loại: 1.500 sản phẩm/năm tương đương 52,5 tấn/năm;
- Cho thuê nhà xưởng, cho thuê kho bãi: 5.400 m² (đã cho thuê)

5.4. Tổ chức quản lý và thực hiện cơ sở

Cơ cấu tổ chức quản lý và bộ máy của cơ sở như sơ đồ sau:



Số lượng lao động tối đa của Công ty như sau:

Bảng 1.8. Nhu cầu sử dụng lao động của cơ sở

STT	Vị trí	Số lượng (người)
		Giai đoạn vận hành thương mại
1	Tổng Giám đốc	01

2	Giám đốc	01
3	Phòng Kế toán	01
4	Phòng QA/QC	01
5	Phòng hành chính nhân sự	01
6	Ban Kế hoạch và điều vận	01
7	Ban Mua hàng	01
8	Phòng Sản xuất	32
9	Phòng Kỹ thuật	01
Tổng		40

Nguồn nhân công: Công ty ưu tiên tuyển dụng nguồn nhân lực sẵn có tại địa phương, đặc biệt là con em các hộ gia đình đang sống xung quanh khu vực Cơ sở và những gia đình bị ảnh hưởng bởi sự thành lập và hoạt động của Cơ sở.

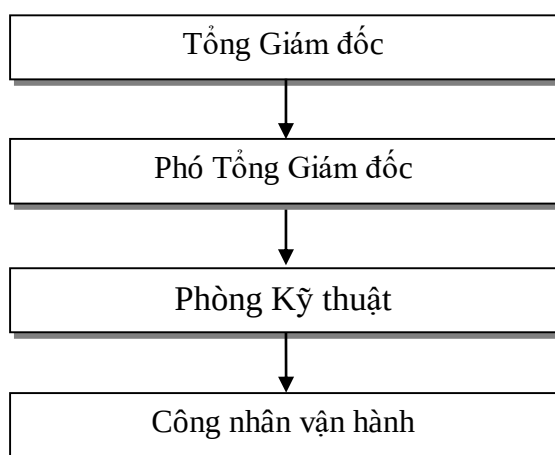
- Thời gian làm việc: 8 giờ/ca, 02 ca/ngày.

- Người lao động được hưởng đầy đủ quyền lợi theo đúng Luật lao động.

Mọi người lao động phải được đào tạo về nghề nghiệp và học tập về An toàn lao động, thực hiện đúng nội dung về vệ sinh công nghiệp và an toàn lao động cho phân xưởng, thiết bị và bản thân người lao động.

b. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

Chủ cơ sở có trách nhiệm tổ chức thực hiện xây dựng và vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng theo quy định của pháp luật.



Trong đó:

- Tổng giám đốc: giao nhiệm vụ cho Giám đốc chịu trách nhiệm xử lý các vấn đề liên quan đến công tác bảo vệ môi trường của Công ty.

- Phó tổng Giám đốc: 01 người. Thực hiện chỉ đạo, quyết định và chịu trách nhiệm các vấn đề liên quan đến công tác bảo vệ môi trường của Công ty trước Giám đốc.

- Tổ trưởng quản lý môi trường (nhân viên ESH): 01 người thuộc tổ kỹ thuật. Tổ trưởng chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho từng thành viên, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ.
- Công nhân vận hành, tổ vệ sinh môi trường: 5 người. Chịu trách nhiệm vận hành, giám sát, bảo dưỡng các thiết bị, công trình bảo vệ môi trường như hệ thống xử lý nước thải, khí thải; vệ sinh môi trường, thu gom, phân loại rác thải.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

***) Sự phù hợp của cơ sở đối với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia:**

Theo quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08 tháng 07 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 có nêu:

+ Quan điểm:

- Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia phải phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước và các cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường mà Việt Nam tham gia, ký kết; đáp ứng yêu cầu thực hiện các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia, Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, Kịch bản biến đổi khí hậu. Quy hoạch bảo vệ môi trường gắn với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trên địa bàn cả nước.

- Quy hoạch bảo vệ môi trường là định hướng bảo vệ môi trường cho các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh, bảo đảm nguyên tắc xuyên suốt, không đánh đổi môi trường lấy phát triển kinh tế, yếu tố môi trường phải được tính đến trong từng hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, hài hòa với tự nhiên, tôn trọng quy luật tự nhiên, phát triển kinh tế với tư duy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp nhằm giảm thiểu chất thải phát sinh, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, chuyển dịch năng lượng công bằng, góp phần thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của đất nước thời kỳ 2021 - 2030.

- Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia bảo đảm tính mở và linh hoạt để tích hợp, lồng ghép vào các quy hoạch khác có liên quan, nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng ngừa các vấn đề môi trường từ sớm, từ xa; thúc đẩy phương thức quản lý tổng hợp, tiếp cận tổng thể dựa vào hệ sinh thái tự nhiên.

- Quy hoạch bảo vệ môi trường nhằm tăng cường kết nối hài hòa trong hoạt động quản lý, bảo vệ môi trường giữa các vùng kinh tế - xã hội, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; chủ động phòng ngừa, kiểm soát, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường, bảo vệ các khu vực có yếu tố nhạy cảm môi trường; tập trung xử lý các vấn đề môi trường xuyên biên giới, liên vùng, liên tỉnh; kết hợp với bảo tồn giá trị tự nhiên và đa dạng sinh học, thúc đẩy sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên.

- Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư để thực hiện Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia; huy động tối đa nguồn lực xã hội, kết hợp với tăng chi ngân sách; áp dụng nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả chi phí xử lý và bồi thường thiệt hại về môi trường, người hưởng lợi từ các giá trị môi trường phải trả tiền; sử dụng hiệu quả các công cụ kinh tế kết hợp với nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm và hành động trong bảo vệ môi trường của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, doanh nghiệp và người dân.

+ Yêu cầu về mục tiêu:

- Về mục tiêu tổng quát: chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện được chất lượng môi trường; ngăn chặn suy giảm và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học, nhằm bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành của Nhân dân trên cơ sở sắp xếp, định hướng phân bố hợp lý không gian, phân vùng quản lý chất lượng môi trường; định hướng thiết lập các khu bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; hình thành các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh; định hướng xây dựng mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường cấp quốc gia và cấp tỉnh; phát triển kinh tế - xã hội bền vững theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, hài hòa với tự nhiên và thân thiện với môi trường, chủ động ứng ph

Đến năm 2030, tăng diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên; bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, nâng cao chất lượng đa dạng sinh học; nâng tổng diện tích hệ thống khu bảo tồn trên phạm vi toàn quốc dự kiến đạt khoảng 6,7 triệu ha.

Chỉ tiêu cụ thể đối với các đối tượng về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học được xác định trong Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đối với khu xử lý chất thải tập trung: Định hướng hình thành đồng bộ hệ thống khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh có quy mô công suất và công nghệ xử lý phù hợp, đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, xử lý được toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trên phạm vi cả nước, hạn chế tối đa lượng chất thải rắn chôn lấp trực tiếp, thực hiện phân loại chất thải tại nguồn, thúc đẩy hoạt động tái chế, tái sử dụng chất thải. Đồng thời, xây dựng được cơ chế, chính sách thuận lợi để đẩy mạnh xã hội hóa và thu hút đầu tư từ khu vực tư nhân, nước ngoài vào hoạt động xử lý chất thải.

- Đối với mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường: Định hướng thiết lập mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường cấp quốc gia, cấp tỉnh thống nhất và đồng bộ, hiện đại, có tính liên kết trên phạm vi cả nước để chủ động theo dõi hiện trạng và bước đầu xây dựng năng lực dự báo diễn biến chất lượng môi trường, cảnh báo ô nhiễm môi trường; bảo đảm cung cấp thông tin kịp thời phục vụ công tác quản lý nhà nước về môi trường.

+ Tầm nhìn đến năm 2050:

Môi trường Việt Nam có chất lượng tốt, bảo đảm môi trường sống trong lành cho Nhân dân; bảo tồn hiệu quả đa dạng sinh học và duy trì được cân bằng sinh thái; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; xã hội phát triển hài hòa với thiên nhiên, đất nước phát triển bền vững theo hướng chuyển đổi xanh dựa trên phát triển nền kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế các-bon thấp nhằm hướng tới đưa phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050; bảo đảm an ninh môi trường gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

***) Sự phù hợp của cơ sở đối với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:**

Theo quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính Phủ về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kì 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050:

- Quan điểm:

+ Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng đồng Bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030; phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch cấp quốc gia, quy hoạch, kế hoạch ngành quốc gia; quy hoạch, kế hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn năm 2050 và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

+ Phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên dựa vào khai thác các tiềm năng lợi thế về vị trí địa lý thuận lợi trong vùng Thủ đô Hà Nội, liên kề Thủ đô Hà Nội và các địa phương đang phát triển nhanh gắn với khai thác thế mạnh của vùng về địa chính trị, địa kinh tế, điều kiện tự nhiên, các nguồn lực, phát triển kinh tế của tỉnh theo hướng hài hoà với tự nhiên, phát triển kinh tế của tỉnh theo hướng hài hoà với tự nhiên, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, kinh tế tri thức. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo; công nghiệp công nghệ cao; phát triển kinh tế đô thị, dịch vụ, du lịch, y tế, giáo dục và đào tạo, logistic hiện đại; phát triển nông nghiệp hàng hoá, nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao.

+ Phát triển nhanh, bền vững, tạo bước đột phá về tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế trên cơ sở tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đẩy mạnh cải cách hành chính, ...; phát triển các khu công nghiệp, công nghệ cao, khu công nghiệp – đô thị - dịch vụ, khu du lịch, khu đô thị, trung tâm dịch vụ, thương mại, các khu chức năng khác có quy mô lớn, kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại.

+ Phát triển bền vững, bao trùm, gắn phát triển kinh tế với phát triển xã hội, văn hoá, giảm nghèo, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, giảm chênh lệch về trình độ phát triển giữa các khu vực; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân; khơi dậy khát vọng phát triển, phát huy các giá trị văn hoá, con người để xây dựng, phát triển tỉnh Hưng Yên ngày càng hưng thịnh và yên bình; khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

+ Phát triển Hưng Yên theo hướng đô thị xanh, thông minh, dựa trên kết cấu hạ tầng hiện đại, kết nối đồng bộ, thông suốt với thủ đô Hà Nội và các địa phương trong vùng. Từng bước phát triển hài hoà các tiểu vùng của tỉnh gắn phát triển hệ thống đô thị, hạ tầng kinh tế, xã hội, bố trí hợp lý các khu, cụm công nghiệp, các trung tâm thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

+ Đảm bảo vững chắc quốc phòng – an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Xây dựng xã hội ổn định, hài hoà, đoàn kết, trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn, văn minh.

- Mục tiêu:

+ Mục tiêu tổng quát: Đến năm 2030, Hưng Yên phát triển nhanh, bền vững, trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, có quy mô kinh tế và trình độ phát triển trong nhóm dẫn đầu cả nước; hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội đồng bộ, hiện đại; công nghiệp thuộc nhóm phát triển mạnh của cả nước; phát triển bền vững theo xu hướng chuyển đổi xanh dựa trên phát triển nền kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh; xã hội phát triển hài hoà với

thiên nhiên; bản sắc văn hoá được bảo tồn và phát huy; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; quốc phòng và an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo.

+ Mục tiêu cụ thể về môi trường: 100% dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

***) Căn cứ hoạt động của cơ sở cho thấy sự phù hợp với nội dung của các văn bản nêu trên như sau:**

- Hoạt động của cơ sở là phù hợp với mục tiêu cụ thể về môi trường “100% dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường” tại quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính Phủ; đồng thời phù hợp với yêu cầu về quan điểm và mục tiêu của quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch bảo vệ môi trường thời kì 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 do:

+ Cơ sở đã được cấp quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp nhận nhà đầu tư số 99 chứng nhận lần đầu ngày 18 tháng 9 năm 2017 và thay đổi lần thứ nhất ngày 22 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Hưng Yên với Công ty cổ phần đầu tư sản xuất, thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ Quốc Vinh thực hiện cơ sở “*Nhà máy sản xuất cửa các loại và thiết bị lọc nước công nghệ cao*” tại xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- Ngành nghề hoạt động của cơ sở là gia công sản xuất các sản phẩm hàng cũng hoàn toàn phù hợp với quan điểm tập trung phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao gắn với công nghệ số, chế tạo phần mềm, sản phẩm công nghệ số; công nghiệp sản xuất thiết bị điện, năng lượng; công nghiệp sản xuất cơ khí – chế tạo, công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp dệt may.... tại quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính Phủ.

- Trong quá trình hoạt động, cơ sở không sử dụng nhiên liệu hoá thạch, mục tiêu cho thuê nhà xưởng đảm bảo phù hợp với chủ trương, yêu cầu của UBND tỉnh tại Chỉ thị 04/2009/CT-UBND ngày 31/03/2009 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Hưng Yên; sử dụng tiết kiệm tài nguyên (tiết kiệm nước).

- Trong quá trình hoạt động cơ sở cũng đã đầu tư các công trình xử lý chất thải phù hợp với từng nguồn thải trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận. Đồng thời chủ đầu tư cũng đang thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “*Nhà máy sản xuất cửa các loại và thiết bị lọc nước công nghệ cao*” theo quy định của pháp luật, để hướng tới mục tiêu quản lý thông qua giấy phép môi trường; đồng thời thể hiện các cam kết chính thức cũng như trách nhiệm của cơ sở về bảo vệ môi trường trong suốt quá trình hoạt động của cơ sở.

- Hoạt động của cơ sở tạo công ăn việc làm cho khoảng gần 340 lao động (bao gồm cả đơn vị cho thuê xưởng) tại địa phương và các khu vực lân cận (làm việc trong cơ sở và trong các đơn vị thuê nhà xưởng, nhà kho của cơ sở), với nguồn thu nhập ổn định; đồng thời sẽ đóng góp vào ngân sách nhà nước thông qua các khoản thuế; làm phong phú loại hình kinh tế dịch vụ trên địa bàn. Vì vậy, hoạt động của cơ sở phù hợp với quan điểm “Phát

triển bền vững, bao trùm, gắn phát triển kinh tế với phát triển xã hội, văn hoá, giảm nghèo, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, giảm chênh lệch về trình độ phát triển giữa các khu vực; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân” tại quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính Phủ.

Qua các nội dung vừa phân tích cho thấy hoạt động sản xuất của cơ sở “*Nhà máy sản xuất cửa các loại và thiết bị lọc nước công nghệ cao*” là phù hợp với các mục tiêu, quan điểm nêu trên.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải môi trường:

***) Về chất lượng môi trường không khí:**

- Đối với hoạt động sản xuất, bụi phát sinh chủ yếu từ công đoạn cắt gỗ, nhựa, tôn. Tuy nhiên, đối với ngành sản xuất cửa nhựa, của kính ảnh hưởng của bụi là không đáng kể do chủ đầu tư đã bố trí nhà xưởng thông thoáng, máy móc thiết bị hiện đại giảm thiểu bụi nhà xưởng.

- Ngoài ra chủ đầu tư còn bố trí trồng nhiều cây xanh nhằm tạo cảnh quan và môi trường làm việc thoáng, xanh, sạch đẹp đồng thời áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung đảm bảo môi trường làm việc cho công nhân.

Vì vậy, hoạt động của cơ sở hoàn toàn phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường không khí khu vực thực hiện cơ sở.

***) Về nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý:**

Chủ đầu tư đã thực hiện tốt việc thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh của cơ sở. Tại cơ sở chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt ra môi trường với lượng tối đa là 25,5 m³/ngày.đêm. Nước thải sinh hoạt được chủ cơ sở thu gom, xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung với công suất 30 m³/ngày.đêm đảm bảo đạt QCVN 01:2019/HY trước khi thải ra hệ thống thoát nước của khu vực giáp hành lang giao thông DT376 ở phía Đông trước cổng của cơ sở. Cơ sở không phát sinh nước thải công nghiệp từ hoạt động sản xuất.

Tổng lượng nước thải phát sinh lớn nhất của cơ sở là 25,5 m³/ngày đêm do đó tác động của việc xả thải không lớn, không gây ngập úng cho nguồn tiếp nhận.

***) Đối với rác thải:**

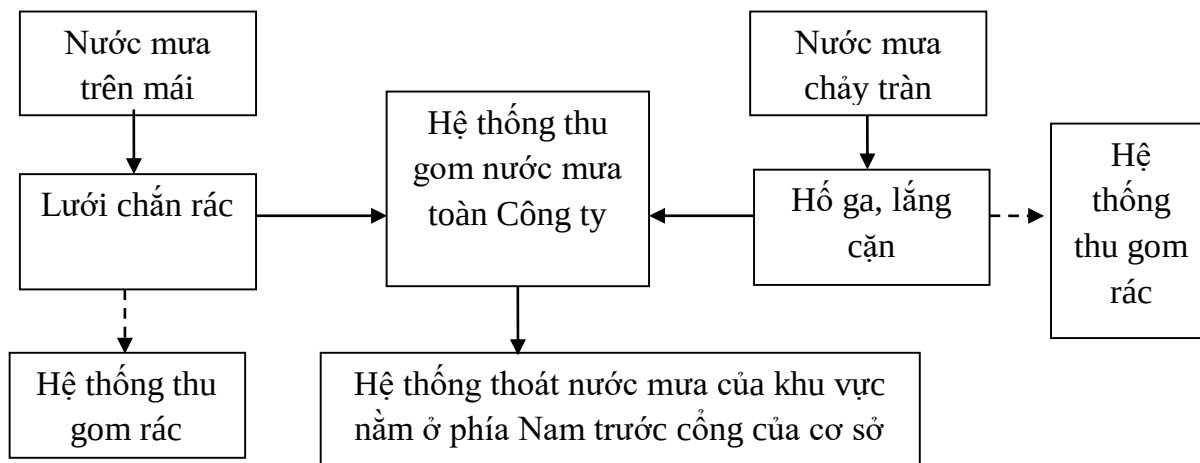
Chủ cơ sở đã thực hiện phân loại tại nguồn, lưu giữ tạm thời và ký hợp đồng thuê xử lý với đơn vị chức năng theo quy định của pháp luật, cam kết không vứt rác bừa bãi ra môi trường. Vì vậy hoạt động của cơ sở phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường đối với rác thải.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

*) Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở:



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa chảy tràn của cơ sở

*) **Thuyết minh sơ đồ thu gom, thoát nước mưa:**

Nước mưa chảy tràn tại cơ sở được xây dựng tách biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

Nước mưa trên mái được chảy vào các phễu thu, qua các ống đứng PVC D110, thoát xuống rãnh sân nhà. Trên đường thu gom, được lắng cặn bằng các hố ga trước khi đưa xả ra nguồn tiếp nhận. Toàn bộ khu vực hố ga được xây dựng xung quanh nhà máy, khoảng cách trung bình giữa các hố ga thu từ 40 – 50 m. Đã lắp đặt hệ thống song chắn rác tại các hố ga để tách rác có kích thước lớn ra khỏi nguồn nước, rác đọng lại trên song được thu gom theo chất thải rắn. Nước mưa chảy tràn được xây dựng hệ thống cống rãnh ngầm xung quanh các nhà máy và lối đi để thoát nước mưa ra bên ngoài theo các cống thoát có độ dốc trung bình 10,5%. Do vậy các tuyến ống được bố trí ngắn và có các hố ga dọc theo hệ thống cống rãnh, sau các trận mưa công ty tiến hành nạo vét cống, rãnh và các hố ga. Bùn thải được nạo vét từ các hố ga được vận chuyển tới khu vực lưu giữ rác thải tạm thời của cơ sở và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

Mặt khác, Công ty duy trì các biện pháp sau trong quá trình hoạt động để đảm bảo khả năng tiêu thoát của hệ thống thoát nước mưa:

+ Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống cống dẫn nước mưa. Kiểm tra phát hiện hỏng hóc, mất mát để có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời.

+ Đảm bảo duy trì các tuyến hành lang an toàn cho hệ thống thoát nước mưa, không để rác thải, chất lỏng độc hại xâm nhập vào đường thoát nước. Trong quá trình hoạt động cơ sở sẽ hạn chế tới mức thấp nhất chất thải rắn, bụi đất trên sân, các khu vực khác rơi vãi vào hệ thống thoát nước. Sân, kho bãi được vệ sinh hàng ngày để giảm thiểu chất thải theo nước mặt ra môi trường.

***) Thông số kỹ thuật hệ thống thu gom, thoát nước mưa:**

Tổng hợp thông kê khối lượng thu gom, thoát nước mưa của cơ sở được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.1. Tổng hợp thông số kỹ thuật hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Mô tả
I	Hệ thống thu nước mưa trên mái			
1	D110	m	1.850	Ống nhựa HDPE
II	Rãnh thu thoát nước mưa bằng gạch lát vỉa			
1	Rộng*Sâu = (0,25*0,3)m	m	1.550	Vật liệu BTCT
III	Cống thu BTCT			
	D400, D300mm	m	10	Vật liệu BTCT
IV	Hố ga lắng cặn			
1	Hố ga	cái	24	D400: Chiều rộng lòng trong là 1100mm, chiều cao lòng trong là 1300 mm, chiều dày là 150mm, có lỗ chờ cho cống D400. D300: Vật liệu BTCT, Chiều rộng lòng trong là 1100mm, chiều cao lòng trong là 1300mm, chiều dày là 200mm, có lỗ chờ cho cống D300.
VI	2 Cống xả nước mưa BTCT D400 và D300	cái	2	

***) Về điểm xả thải nước mưa ra môi trường tiếp nhận:**

Toàn bộ khu đất cơ sở có 01 điểm xả thải nước mưa ra hệ thống thoát nước của khu vực nằm ở phía Nam trước cổng cơ sở có tọa độ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 3⁰):

+ Điểm xả 1 (xả ra hệ thống thoát nước chung của khu vực nằm phía trước cổng công ty): X = 2315337; Y = 553337.

+ Điểm xả 2 (xả ra hệ thống thoát nước chung của khu vực nằm phía trước cổng công ty): X = 2315304; Y = 553354.

***) Một số hình ảnh hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở**





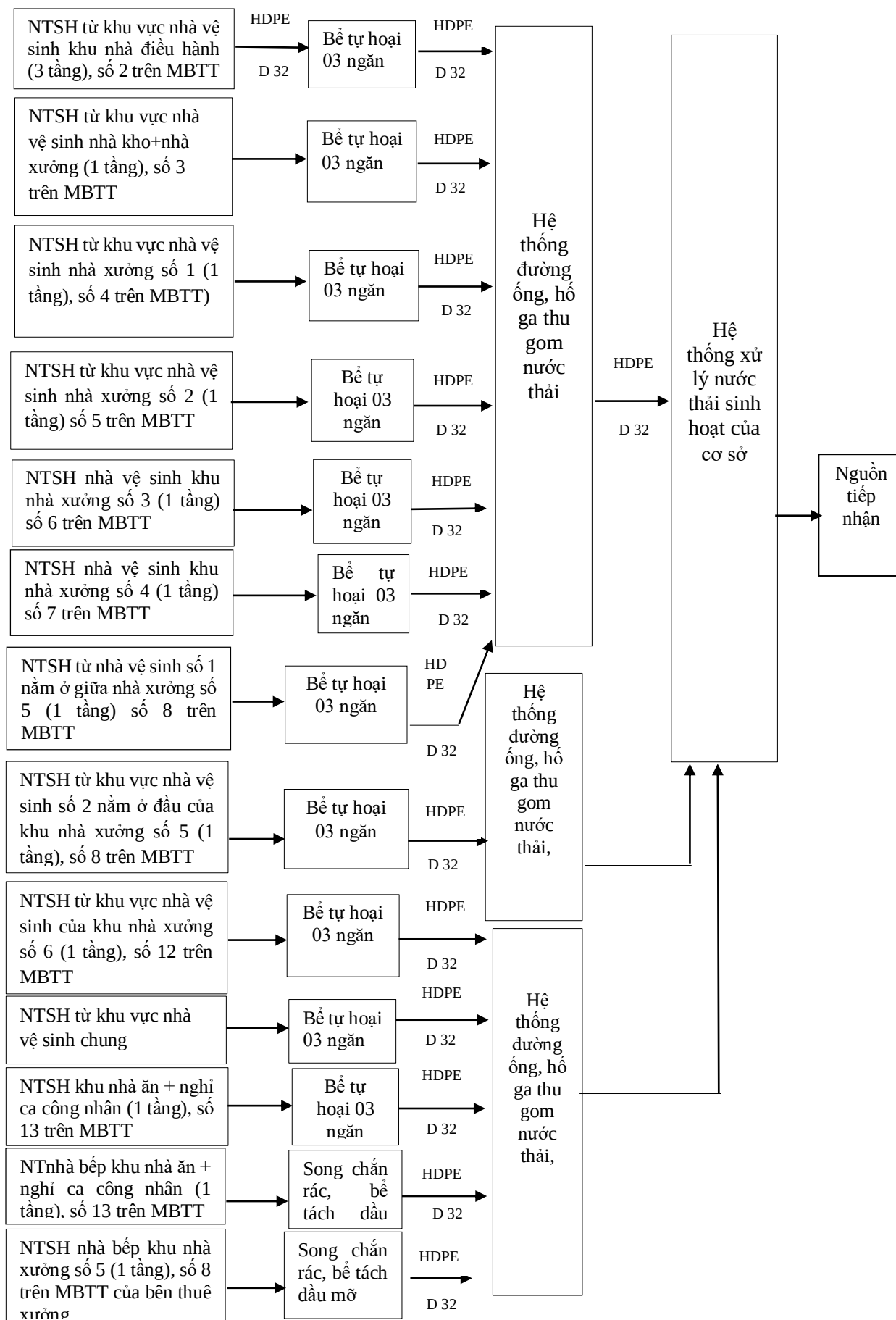
Hình 3.2. Hệ thống thu gom nước mưa bề mặt và trên mái ở cơ sở

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Tại cơ sở chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt, không phát sinh nước thải sản xuất. Nước thải sinh hoạt được thu gom, phân luồng như sau:

***) Sơ đồ phân luồng thu gom nước thải sinh hoạt của cơ sở:**

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất cửa các loại và thiết bị lọc nước công nghệ cao” của Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất, thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ Quốc Vinh



Hình 3.3. Sơ đồ hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

***) Thuyết minh quy trình thu gom, thoát nước thải sinh hoạt:**

Đối với nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của cơ sở và đơn vị thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng được xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại 03 ngăn tương ứng cho từng nhà vệ sinh; nước thải nhà bếp được xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ, nguyên lý hoạt động như sau:

Đối với bể tự hoại: Nguyên tắc hoạt động của loại công trình này là lắng cặn và phân huỷ, lên men cặn lắng hữu cơ. Công ty sử dụng bể phốt loại 3 ngăn đạt tiêu chuẩn quy định về kích thước và khối lượng. Phần cặn được lưu lại phân huỷ kỵ khí trong bể, phần nước được đưa vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của nhà máy. Tại cơ sở mỗi nhà vệ sinh đều được xây dựng bể tự hoại ngầm tương ứng.

Đối với bể tách dầu mỡ: Nước thải nhà bếp trước tiên được đi qua lưới chắn rác để loại bỏ các rác thải có kích thước lớn. Sau đó nước thải tiếp tục đi qua bể tách dầu mỡ: tách theo nguyên tắc trọng lượng, dầu mỡ nhẹ nổi lên được giữ lại bởi các tấm ngăn, còn nước trong sẽ đi qua bên dưới vách ngăn. Cơ sở đã xây dựng 01 bể tách dầu mỡ thể tích 2 m³ ngầm tại khu vực nhà ăn, và một bể tách mỡ 1 m³ (bên cho thuê xưởng) tại khu nhà xưởng số 5.

Sau khi xử lý sơ bộ, nước thải sinh hoạt được gom tới hố ga chung và tới hệ thống xử nước thải tập trung của cơ sở, xử lý đạt QCVN 01:2019/HY ($K_{hy} = 0,85$; $K = 1,2$) trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước chung của khu vực nằm ở phía Đông trước công cơ sở tại xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang sau đó dẫn ra sông Bắc Hưng Hải.

***) Thông số hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt của cơ sở:**

Bảng 3.2. Tổng hợp thông số kỹ thuật hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt của cơ sở

STT	Tuyến thu, vị trí thu nước thải sinh hoạt	Đặc điểm
1	Tuyến thu gom NTSH từ khu vực nhà vệ sinh khu nhà điều hành (3 tầng), số 2 trên MBTT dẫn ra tuyến thu gom chung về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (1).	Đường ống nhựa HDPE 32 mm ngầm, với độ dốc 25 %, chiều dài tuyến khoảng 350 m.
2	Tuyến thu gom NTSH từ khu vực nhà vệ sinh khu nhà xưởng + nhà kho (1 tầng), số 3 trên MBTT kết nối vào tuyến (1) để dẫn tới hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (2).	Đường ống nhựa HDPE D32 mm ngầm với độ dốc 25 %, chiều dài tuyến khoảng 300 m.
3	Tuyến thu gom NTSH từ khu vực nhà vệ sinh khu nhà xưởng số 1 (1 tầng), số 4 trên MBTT kết nối vào tuyến (1), (2) để dẫn tới hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.(3)	Đường ống nhựa HDPE D32 mm ngầm với độ dốc 25 % , chiều dài tuyến khoảng 270 m.
4	Tuyến thu gom NTSH từ khu vực nhà vệ sinh xưởng sản xuất số 2 (1 tầng), số 5 trên MBTT kết nối vào tuyến (1), (2), (3) để dẫn tới hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt. (4)	Đường ống nhựa HDPE D32 mm ngầm với độ dốc 25 % , chiều dài tuyến khoảng 240 m.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất cửa các loại và thiết bị lọc nước công nghệ cao” của Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất, thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ Quốc Vinh

5	Tuyến thu gom NTSH từ nhà vệ sinh xưởng sản xuất số 3 (1 tầng), số 6 trên MBTT kết nối vào tuyến (1), (2), (3), (4), thu gom chung dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt. (5)	Đường ống nhựa HDPE D32 mm ngầm, chiều dài tuyến khoảng 150 m.
6	Tuyến thu gom NTSH từ nhà vệ sinh xưởng sản xuất số 4 (1 tầng), số 7 trên MBTT kết nối vào tuyến (1), (2), (3), (4), (5) thu gom chung dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.(6)	Đường ống nhựa HDPE D32 mm ngầm với độ dốc 25 % , chiều dài tuyến khoảng 100 m.
7	Tuyến thu gom NTSH từ nhà vệ sinh 1 khu vực giữa xưởng sản xuất số 5 (1 tầng), số 8 trên MBTT kết nối vào tuyến thu gom (6) chung dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.(7)	Đường ống nhựa HDPE D32 mm ngầm với độ dốc 25 % , chiều dài tuyến khoảng 95 m.
8	Tuyến thu gom NTSH từ nhà vệ sinh 2 nằm ở đầu của xưởng sản xuất số 5 (1 tầng), số 8 trên MBTT kết nối vào tuyến thu gom (1), (2), (3), (4), (5), (6) thu gom chung dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt. (8)	Đường ống nhựa HDPE D32 mm ngầm với độ dốc 25 % , chiều dài tuyến khoảng 35 m.
9	Tuyến thu gom NTSH từ nhà vệ sinh nhà xưởng số 6 (1 tầng), số 12 trên MBTT thu gom chung dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (9).	Đường ống nhựa HDPE D32 mm ngầm với độ dốc 25 % , chiều dài tuyến khoảng 120 m.
10	Tuyến thu gom NTSH từ nhà vệ sinh chung kết nối vào tuyến thu gom (9) dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.(10)	Đường ống nhựa HDPE D32 mm ngầm với độ dốc 25 % , chiều dài tuyến khoảng 36 m
11	Tuyến thu gom NTSH khu vực nhà ăn và nghỉ ca công nhân (1 tầng) số 13 trên MBTT kết nối vào tuyến thu gom (10) dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt. (11)	Đường ống nhựa HDPE D32 mm ngầm với độ dốc 25 % , chiều dài tuyến khoảng 130 m.
12	Tuyến thu gom NTSH từ nhà bếp khu vực nhà ăn và nghỉ ca công nhân (1 tầng) số 13 trên MBTT qua bể tách mỡ kết nối vào tuyến (11) để tới hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.	Đường ống nhựa HDPE D32 mm ngầm với độ dốc 25 % , chiều dài tuyến khoảng 25 m.
13	Tuyến thu gom NTSH từ nhà bếp nhà xưởng số 5 (1 tầng), số 8 trên MBTT (bên thuê xưởng) qua bể tách mỡ kết nối vào tuyến (8) để tới hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.	Đường ống nhựa HDPE D32 mm ngầm với độ dốc 25 % , chiều dài tuyến khoảng 70 m
14	Tuyến đường ống dẫn nước thải ra điểm xả thải	Đường ống nhựa HDPE D32 mm ngầm, chiều dài tuyến khoảng 257,2 m.

***) Điểm xả thải nước thải sau xử lý của cơ sở:**

- Toàn cơ sở có 01 điểm xả nước thải nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt ra nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước của hành lang đường giao thông DT376 đoạn qua xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang sau đó dẫn ra sông Bắc Hưng Hải.

- Tọa độ điểm xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°): X= 2315287; Y = 553360

1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

Tại cơ sở đã xây dựng các công trình xử lý sơ bộ NTSH, cụ thể như sau:

Bảng 3.3. Thống kê thông số, vị trí các công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt đã xây dựng của cơ sở

STT	Vị trí xây dựng	Thể tích	Vật liệu xây dựng
1	01 bể tự hoại khu vực khu vệ sinh nhà văn phòng (3 tầng), số 2 trên MBTT.	5 m ³	BTCT, 03 ngăn, xây dựng ngầm
2	01 bể tự hoại khu vực nhà kho +nhà xưởng (1 tầng), số 3 trên MBTT.	8 m ³	BTCT, 03 ngăn, xây dựng ngầm
3	01 bể tự hoại khu vực khu vệ sinh nhà xưởng số 1(1 tầng), số 4 trên MBTT.	8 m ³	BTCT, 03 ngăn, xây dựng ngầm
4	01 bể tự hoại khu vực nhà vệ sinh khu vực nhà xưởng số 2 (1 tầng), số 5 trên MBTT.	8 m ³	BTCT, 03 ngăn, xây dựng ngầm
5	01 bể tự hoại khu vực nhà vệ sinh khu vực nhà xưởng số 3 (1 tầng), số 6 trên MBTT.	5 m ³	BTCT, 03 ngăn, xây dựng ngầm
6	01 bể tự hoại khu vực nhà vệ sinh khu vực nhà xưởng số 4 (1 tầng), số 7 trên MBTT.	5 m ³	BTCT, 03 ngăn, xây dựng ngầm
7	01 bể tự hoại khu vực nhà vệ sinh số 1 nằm giữa khu vực nhà xưởng số 5 (1 tầng), số 8 trên MBTT.	5 m ³	BTCT, xây dựng ngầm
8	01 bể tự hoại khu vực nhà vệ sinh số 2 nằm đầu khu vực nhà xưởng số 5 (1 tầng), số 8 trên MBTT.	5 m ³	BTCT, xây dựng ngầm
9	01 bể tự hoại khu vực nhà vệ sinh khu vực nhà xưởng số 6 (1 tầng) số 12 trên MBTT.	5 m ³	BTCT, xây dựng ngầm
10	01 bể tự hoại khu vực nhà vệ sinh khu vực nhà ăn và nghỉ ca công nhân (2 tầng), số 13 trên MBTT.	5m ³	BTCT, xây dựng ngầm
11	01 bể tự hoại khu vực nhà vệ sinh khu vực nhà vệ sinh chung	5m ³	BTCT, xây dựng ngầm
12	01 bể tách mỡ khu vực nhà vệ sinh khu vực nhà ăn, nhà nghỉ ca công nhân (2 tầng), số 13 trên MBTT.	2m ³	BTCT, xây dựng ngầm
13	01 bể tách mỡ khu vực nhà xưởng số 5 (1 tầng), số 8 trên MBTT (bên cho thuê xưởng)	1m ³	BTCT, xây dựng ngầm

Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, bể tách dầu mỡ được đưa tới hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở, xử lý đảm bảo quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

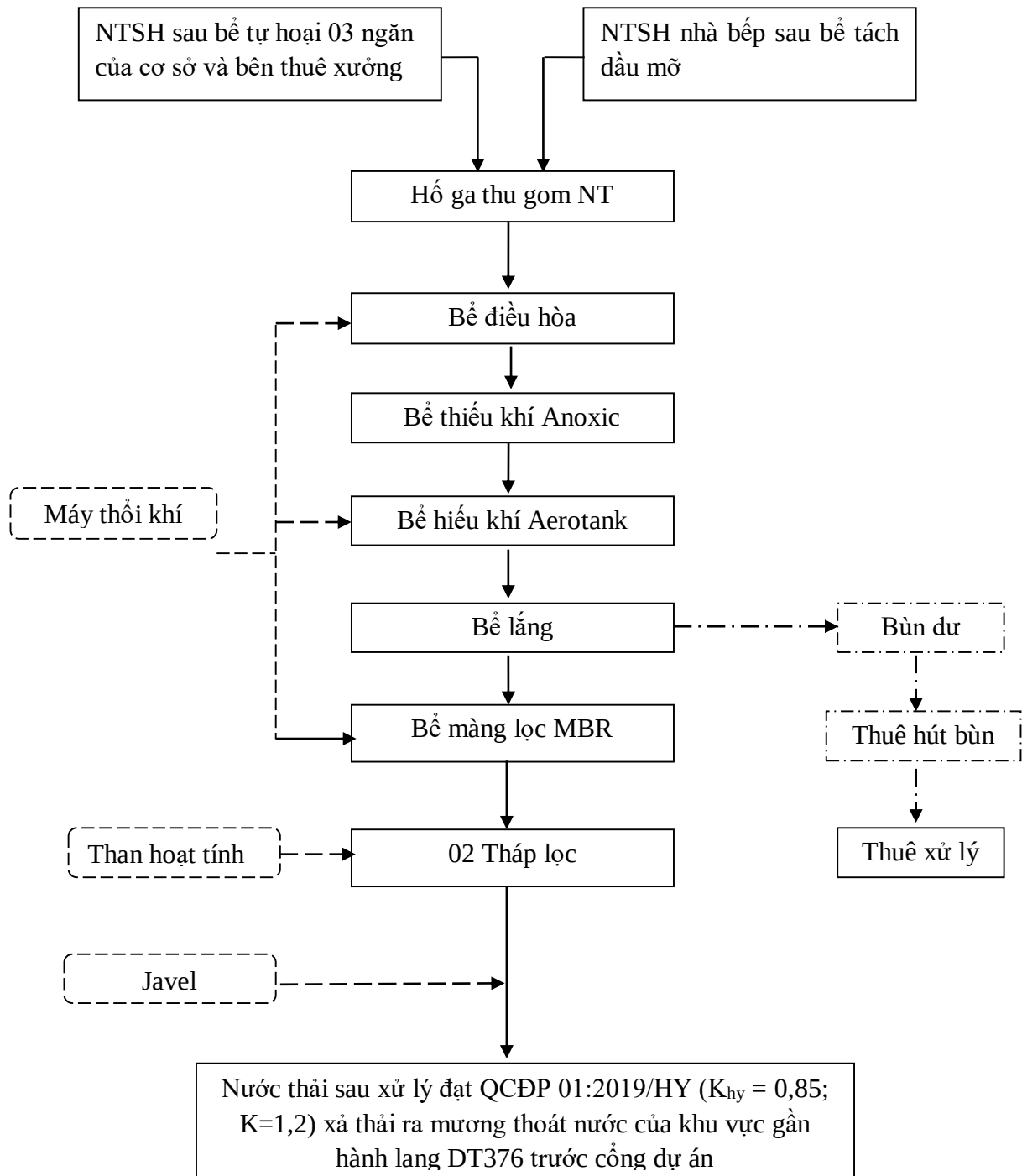
1.2.2. Công trình xử lý nước thải tập trung

***) Hạng mục công trình:** Xây mới 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 30 m³/ngày đêm. Vị trí xây dựng hệ thống được thể hiện rõ trên MBQHTT của cơ sở.

***) Các đơn vị thiết kế, thi công, giám sát thi công; nhà thầu xây dựng:**

- Đơn vị thiết kế, thi công lắp đặt: Công ty TNHH Công nghệ Thịnh Phát Hưng Yên
- Địa chỉ: Đường Nguyễn Công Hoan, phường Bàn Yên Nhân, Mỹ Hào, Hưng Yên.
- Đơn vị giám sát: Công ty Cổ Phần Đầu tư sản xuất, thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ Quốc Vinh.

***) Sơ đồ quy trình công nghệ hệ thống:**



Hình 3.4. Sơ đồ quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở

***) Thuyết minh quy trình xử lý:**

Bể gom nước thải:

Thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh: nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh, nhà bếp. Từ bể gom, nước thải được bơm vào bể điều hoà của hệ thống xử lý.

Bể điều hòa:

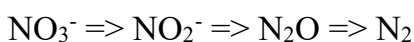
Có tác dụng điều hòa về lưu lượng và tải lượng các chất gây bẩn trong nguồn nước. Nếu lưu lượng vào thời gian hoạt động của cơ sở lớn sẽ ảnh hưởng rất lớn đến quá trình xử lý sau này làm chất lượng nước ra không đảm bảo (không đủ thời gian cho quá trình xử lý), ngoài ra còn làm tắc nghẽn nguồn nước trong hệ thống thoát nước chung gây ô nhiễm cho toàn khu vực.

Bể thiếu khí (Anoxic):

Xử lý hợp chất có chứa N và P thông qua quá trình Nitrat hóa và Photphoril.

Quá trình Nitrat hóa xảy ra như sau:

Hai chủng loại vi khuẩn chính tham gia vào quá trình này là Nitrosonas và Nitrobacter. Trong môi trường thiếu oxi, các vi khuẩn này sẽ khử Nitrat Denitrificans sẽ tách oxi của Nitrat (NO_3^-) và Nitrit (NO_2^-) theo chuỗi chuyển hóa:



Khí N_2 tạo thành sẽ thoát khỏi nước và ra ngoài

Với quá trình Photphorit hóa, chủng loại vi khuẩn tham gia vào quá trình này là Acinetobacter. Các hợp chất hữu cơ chứa photpho sẽ được hệ vi khuẩn chuyển hóa thành các hợp chất mới không chứa photpho và các hợp chất có chứa photpho nhưng dễ phân hủy đối với chủng vi sinh vật hiếu khí.

Cũng tại đây hóa chất dinh dưỡng (như Methanol) cũng sẽ được châm vào để bổ sung dưỡng chất cho quá trình khử Nito

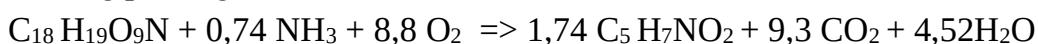


Bể hiếu khí (Aerotank):

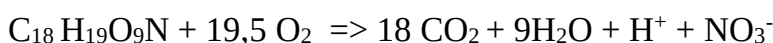
Xử lý BOD có trong nguồn nước. Quá trình này là quá trình sinh trưởng hiếu khí, chuyển hóa các hợp chất hữu cơ tan có trong nguồn nước thành bùn hoạt tính tồn tại ở dạng pha rắn.

Quá trình xử lý này gồm 2 quá trình xử lý:

Dùng vi sinh vật hiếu khí kết hợp với oxy để chuyển hóa các hợp chất hữu cơ tan có trong nước thành tế bào vi sinh vật mới (sinh tổng hợp tế bào). Quá trình này được mô tả chi tiết bằng phương trình sau:



Dùng oxy trong không khí để oxy hóa các hợp chất khí (chủ yếu là CO_2) và các thành phần khác. Ngoài ra lượng oxy dư còn được dùng để chuyển hóa các hợp chất chứa nito (chủ yếu là NH_4^+) thành NO_2^- và NO_3^- . Quá trình được mô tả chi tiết bằng phương trình sau:



Quá trình xử lý này chủ yếu sử dụng các chủng vi sinh vật như: chủng VSV Nitrosomonas, Nitrobacter.

Bể lắng:

Là công trình không thể thiếu sau bể sinh học hiếu khí, có tác dụng tách pha rắn ra khỏi pha lỏng. Do tỷ trọng của pha rắn (bùn hoạt tính) lớn hơn pha lỏng (nước sạch) nên khi để “tĩnh” một khoảng thời gian đủ lớn thì hầu như toàn bộ pha rắn sẽ tách ra khỏi pha lỏng.

Bể màng lọc MBR:

Trong bể tiến hành sục khí nhằm cung cấp khí cho vi sinh hoạt động và thổi bung các màng MBR để hạn chế bị nghẹt màng. Mỗi đơn vị MBR được cấu tạo gồm nhiều sợi rỗng liên kết với nhau. Mỗi sợi rỗng lại cấu tạo giống như một màng lọc với các lỗ lọc rất nhỏ mà một số vi sinh không có khả năng xuyên qua. Trong bể này, các đơn vị MBR này sẽ liên kết với nhau thành những module lớn hơn và đặt vào các bể xử lý. Vi sinh vật, chất ô nhiễm, bùn còn lại từ các quá trình xử lý trước đó hoàn toàn bị giữ lại tại bề mặt màng. Đồng thời chỉ có nước sạch mới qua được màng. Phần nước trong được bơm hút ra ngoài. Phần bùn nằm lại trong bể và định kỳ tháo về bể chứa bùn.

Đây được coi là biện pháp xử lý tăng cường cho các công đoạn xử lý phía trước, để chuẩn bị chất lượng nước thải tốt nhất cho quá trình lọc áp lực.

Bơm hút màng và bơm rửa màng đều được kiểm soát bằng các đồng hồ đo áp suất nhằm đảm bảo không hút quá nhiều và không đẩy quá mạnh vào trong màng gây ra hiện tượng rách màng, hỏng màng, giảm tuổi thọ cho màng MBR.

Dưới khung màng MBR có hệ thống phân phối khí thô, bằng các ống uPVC đục lỗ Ø2mm được bố trí dàn đều dưới khung màng, có mục đích để rung các tấm màng không cho vi sinh vật và bùn hoạt tính dính bám trên bề mặt tấm màng nhằm nâng cao hiệu quả hút và tránh tắc cho các tấm màng MBR.

- Quá trình hút, rửa màng MBR bằng nước sạch được thực hiện theo chế độ tự động như sau:

+ Hút màng: thông qua bơm hút màng được thực hiện 08 phút;

+ Rửa màng: thông qua bơm rửa màng được thực hiện 02 phút;

Quá trình hút màng, rửa màng được thực hiện luân phiên, thực hiện liên tục và được cài đặt tự động trong suốt quá trình vận hành.

- Quá trình rửa màng định kỳ bằng dung dịch Javen 0,2%: thực hiện định kỳ 3 tháng/lần, màng được rửa trong thời gian 15 phút.

Lượng nước sau khi rửa màng được xử lý tiếp trong bể hiếu khí. Định kỳ 2-3 năm, màng MBR được thay để đảm bảo hiệu quả xử lý của màng.

Tại bể hiếu khí MBR có lắp đặt bơm tuần hoàn nước thải từ bể hiếu khí MBR về ngăn thiếu khí nhằm phục vụ cho quá trình khử nitơ, tăng hiệu quả xử lý nitơ có trong nước thải.

Tháp lọc:

Có tác dụng lọc loại bỏ những cặn lơ lửng nhỏ nhất mà quá trình lắng ở trước chưa loại bỏ được. Nước được đưa vào thiết bị của 01 phễu bố trí ở đỉnh bể, qua lớp lọc than hoạt tính ở tháp lọc 1 và hạt cation ở tháp lọc 2, vào hệ thống thu nước trong, đi vào đáy thiết bị và sau đó sẽ ra bể khử trùng.

Khử trùng đường ống:

Hầu hết các giai đoạn xử lý trước không xử lý được virus gây bệnh (vi khuẩn có kích thước rất nhỏ). Để hoàn thiện cho toàn bộ quá trình xử lý thì cần phải dùng hóa chất có khả năng tiêu diệt toàn bộ mầm bệnh này. Ở công đoạn này sử dụng NaOCl dạng dung dịch (chất oxi hóa mạnh) châm vào đường ống để tiêu diệt các vi trùng và vi khuẩn gây bệnh.

Xử lý bùn:

Toàn bộ lượng bùn dư và bùn thải của các giai đoạn xử lý được thu gom và vận chuyển về bể chứa bùn. Sau đó sẽ thuê đơn vị xử lý môi trường hút và vận chuyển đi xử lý theo định kỳ

*) Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý:

Bảng 3.4. Các hạng mục bể xử lý của hệ thống xử lý

STT	Hạng mục công trình	Thể tích	Kích thước (DXRXC) mm	Vật liệu	Nguồn gốc
1	01 Bể điều hòa	$V_t = 4,33 \text{ m}^3$	(1170x2060x1800)mm	BTCT	Việt Nam
2	01 Bể Anoxic	$V_t = 8,45 \text{ m}^3$	(2280x2060x1800)mm	BTCT	Việt Nam
3	01 Bể hiếu khí (Aerotank)	$V_t = 14,01 \text{ m}^3$	(3780x2060x1800)mm	BTCT	Việt Nam
4	01 bể lắng	$V_t = 3,09 \text{ m}^3$	(1670x1030x1800)mm	BTCT	Việt Nam
5	01 bể màng lọc MBR	$V_t = 3,09 \text{ m}^3$	(1670x1030x1800)mm	BTCT	Việt Nam
6	2 tháp lọc	$\phi 0,9\text{m}$, cao 1,2m		Composite	Việt Nam

Bảng 3.5. Bảng thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý

TT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	Hố thu gom				
1.1	Bơm chìm hố thu gom	- Loại: Bơm chìm, - Lưu lượng: $Q = 4 \text{ m}^3/\text{h}$ - Cột cấp: $H = 6 \text{ m}$ - Công suất: 1/3 HP, 1 pha 50Hz; - Vật liệu: thân gang, cánh gang, trục Inox;	Đài Loan	Bộ	1

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất cửa các loại và thiết bị lọc nước công nghệ cao” của Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất, thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ Quốc Vinh

1.2	Phao báo mức cho bơm	- Loại: Phao quả - Báo 02 mức (cao và mức thấp)	Đài Loan	Bộ	1
2	Bể điều hòa				
2.1	Bơm chìm bể điều hòa	- Loại: Bơm chìm, - Lưu lượng: $Q = 4 \text{ m}^3/\text{h}$ - Cột cấp: $H = 6 \text{ m}$ - Công suất: 1/3 HP, 1 pha 50Hz; - Vật liệu: thân gang, cánh gang, trục Inox;	Đài Loan	Bộ	1
2.2	Phao báo mức cho bơm	- Loại: Phao quả - Báo 02 mức (cao và mức thấp)	Đài Loan	Bộ	1
2.3	Hệ thống phân phối khí	- Loại: ống phân phối khí thô - Vật liệu: PVC	Việt Nam	Hệ	1
2.4	Máy thổi khí	- Loại: con sò - Lưu lượng $3,6 \text{ m}^3/\text{p}$ - Cột áp: $H = 2,7\text{m}$; - Công suất: $P = 2,2 \text{ kW}$	Trung Quốc	Cái	1
3	Bể anoxic				
3.1	Hệ khí đảo trộn	- Loại: ống phân phối khí thô - Vật liệu: PVC	Việt Nam	Hệ	1
3.2	Bồn chứa dinh dưỡng	- Vật liệu: PP/PE - Thể tích: 300L	Việt Nam	Hệ	1
3.3	Bơm định lượng	- Lưu lượng: 0-15 L/H - Cột áp: 2bar - Công suất: 0,058 kW/50Hz/220V	Rumani	Cái	1
3.4	Đệm vi sinh	- Dạng cầu gai (PP/PE) - Kích thước: DN 105 - Áp suất làm việc: 1 – 1.5 bar. - Nhiệt độ làm việc: $<45^\circ\text{C}$.	Việt Nam	Hệ	1
4	Bể sinh học hiếu khí				
4.1	Bơm chìm tuần hoàn	- Loại: Bơm Air lift, - Lưu lượng: $Q = 4\text{m}^3/\text{h}$ - Cột cấp: $H = 6\text{m}$ - Vật liệu: Inox 304; PVC	Việt Nam	Bộ	1
4.2	Máy thổi khí cạn	- Loại: con sò - Lưu lượng $3,6 \text{ m}^3/\text{p}$ - Cột áp: $H = 2,7\text{m}$; - Công suất: $P = 2,2 \text{ kW}$	Trung Quốc	Cái	1
4.3	Hệ thống phân phối khí	- Loại: đĩa: 270 mm, phân phối khí tinh - Lưu lượng: 0-9m ³ /h	Đài Loan	Hệ	1

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất cửa các loại và thiết bị lọc nước công nghệ cao” của Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất, thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ Quốc Vinh

		- Vật liệu: EDPM			
4.4	Giá thể vi sinh	- Đệm cầu MBBR - Đường kính: DN 50 - Vật liệu: PP/PE	Việt Nam	Hệ	1
5	Bể lắng				
5.1	Bơm bùn bể lắng	- Loại: Bơm Air lift, - Lưu lượng: $Q = 2\text{m}^3/\text{h}$ - Cột cấp: $H = 6\text{m}$ - Vật liệu: Inox 304; PVC	Việt Nam	Bộ	1
6	Bể màng lọc MBR				
6.1	Màng MBR, và phụ kiện, giá đỡ	- Cường độ lọc: 35-45 $\text{m}^3/\text{ngày}$ - Vật liệu : PVDF	Việt Nam	Bộ	1
7	khử trùng đường ống				
6.1	Bồn đựng hóa chất khử trùng	- Vật liệu: PVC	Việt Nam	Hệ	1

*) **Nhu cầu tiêu thụ hóa chất, năng lượng:**

Bảng 3.6. Định mức sử dụng hóa chất của HTXL nước thải sinh hoạt

STT	Tên hóa chất/ năng lượng	Bể sử dụng	Đơn vị	Lượng sử dụng
1	Điện năng	Toàn hệ thống	Kw/ngày	20
2	Dung dịch Javel (NaOCl) 10%	Bể khử trùng	Kg/ngày	0,45
3	Methanol	Bể thiếu khí	Kg/ngày	0,5
4	Vật liệu lọc (than hoạt tính)	Tháp lọc	Kg/lần	50 (3÷6 tháng thay thế mới)

*) **Xả thải sau xử lý:**

- Quy chuẩn nước thải sau xử lý: đạt QCVN 01:2019/HY – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt ($K_{\text{hy}} = 0,85$; $K=1,2$).

- Nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý: hệ thống thoát nước chung của khu vực nằm cạnh hành lang đường giao thông DT 376 tại xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang sau đó dẫn ra sông Bắc Hưng Hải.

*) **Một số hình ảnh hệ thống xử lý nước thải của cơ sở**



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất cửa các loại và thiết bị lọc nước công nghệ cao” của Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất, thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ Quốc Vinh



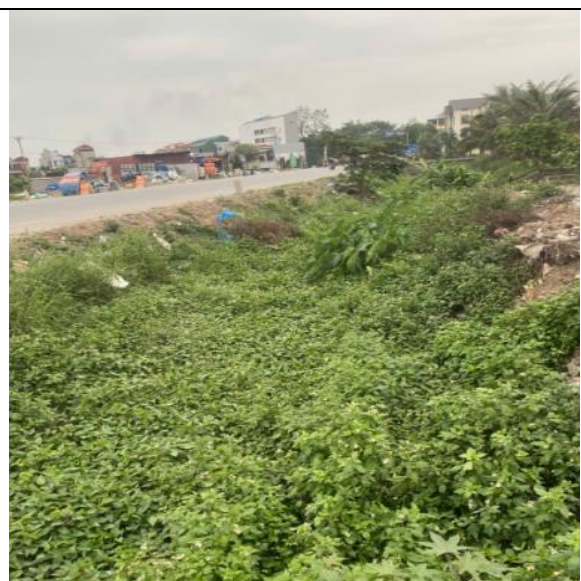
Điểm xả thải



Ống dẫn nước thải kín



Đồng hồ đo lưu lượng



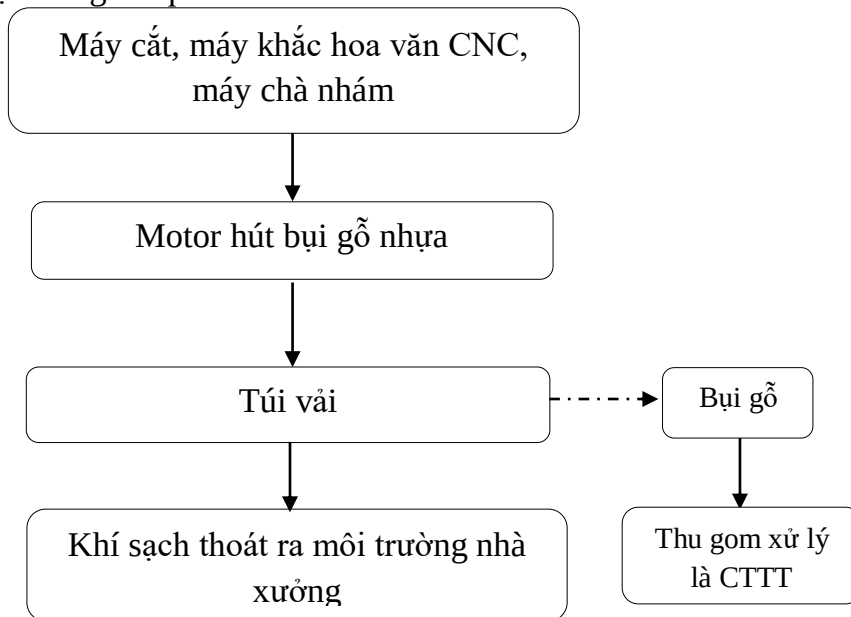
Nguồn tiếp nhận nước thải

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

a. Biện pháp giảm thiểu bụi từ công đoạn chà nhám, cắt gỗ nhựa

Trong quá trình sản xuất, Cơ sở không phát sinh khí thải công nghiệp chủ yếu phát sinh bụi gỗ tại các công đoạn như chà nhám, cắt gỗ, ... Loại chất thải này có kích thước gỗ mịn với kích thước nhỏ, nếu không có biện pháp thu gom có thể phát tán vào môi trường làm việc gây ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân. Để thu gom lượng bụi mịn này, tại mỗi máy có gắn thêm một motor hút và lọc bụi đi kèm đồng bộ với máy. Cơ sở có tổng cộng 8 máy chà nhám, 2 máy cắt bán tự động và 1 máy khắc hoa văn CNC được gắn motor hút và lọc bụi.

Bụi phát sinh được thu gom qua sơ đồ sau:



Hình 3.5. Sơ đồ thu gom bụi từ máy cắt, máy chà nhám

*) Thuyết minh quy trình

Tại mỗi máy được gắn thêm một hệ thống thu gom bụi gỗ nhựa với kích thước nhỏ gọn, cấu tạo đơn giản, không gây cản trở cho công nhân khi thao tác công đoạn. Hệ thống này gồm một túi vải (thùng chứa bên trên có lớp vải bịt kín miệng thùng), một ống hút và một ống cung cấp khí nén. Miệng lỗ hút bụi được đặt ngay phía dưới các máy chà nhám và khu vực đầu mũi cắt. Khi công nhân đưa bán sản phẩm qua các các máy, bộ phận cấp khí nén sẽ tự động được kích hoạt, lực hút được tạo ra hút các bụi gỗ phát sinh gom về túi đựng. Định kỳ sau mỗi ca làm việc, các túi vải này được vệ sinh sạch sẽ.

Thông số kỹ thuật:

Bảng 3.7. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom bụi tại máy cắt, CNC và máy chà nhám

STT	Hạng mục	Số lượng	Thông số	Chất liệu, cấu tạo
1	Motor hút cho máy dán cạnh	1	5,5 KW	Quạt hút dạng con sên, vật liệu bọc là thép GI được sơn Epoxy
2	Motor hút cho máy CNC	1	5,5 KW	Quạt hút dạng con sên, vật liệu bọc là thép GI được

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất cửa các loại và thiết bị lọc nước công nghệ cao” của Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất, thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ Quốc Vinh

				son Epoxy
3	Máy hút cho máy cắt	1	1,5 KW	Quạt hút dạng con sên, vật liệu bọc là thép GI được sơn Epoxy
4	Máy chà cầm tay hút bụi tự động	8	0,26 KW (3 cái) , 0,19 KW (2 cái), 0,75 KW (3 cái)	Quạt hút dạng con sò, vật liệu bọc là thép GI được sơn Epoxy
2	Túi vải	5	Dung tích 10-12 lít và 30-40 lít	Vải PE

Túi thu gom bụi gỗ



2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải khác

a. Bụi, khí thải và tiếng ồn từ các phương tiện cơ giới

- Thường xuyên vệ sinh nhà xưởng, sân đường, kho bãi và phun đường vào mùa khô để giảm thiểu bụi cuốn lên từ mặt đường vào không khí.
- Các xe phải đạt tiêu chuẩn qui định của Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động.
- Lập kế hoạch điều động các xe ô tô vận chuyển hàng hóa ra vào trong khu vực cơ sở một cách hợp lý, khoa học; không chở hàng hóa vượt quá tải trọng của xe.
- Không sử dụng các phương tiện vận tải cũ nát, quá thời hạn lưu hành.
- Bê tông hóa, trải nhựa tất cả các đường giao thông trong phạm vi nội bộ nhà máy.
- Phun nước thường xuyên trên đường nội bộ về mùa nắng và hanh khô để hạn chế bụi từ mặt đường;
- Sử dụng nhiên liệu thân thiện môi trường, kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị.

b. Biện pháp trồng cây xanh

- Chủ cơ sở đã trồng nhiều cây xanh có tán lớn để che nắng, giảm lượng bức xạ mặt trời, tiếng ồn, bụi phát tán ra ngoài môi trường, điều hoà không khí đồng thời làm đẹp cảnh quan nhà máy.

- Công ty đã quy hoạch trồng cây xanh trong khuôn viên của mình đảm bảo tổng diện tích cây xanh đạt 22,72 % diện tích khu đất thực hiện cơ sở (khoảng 5.680 m²). Cụ thể được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.7. Thống kê vị trí, diện tích trồng cây xanh, thảm cỏ tại cơ sở

TT	Vị trí	Đơn vị	Khu vực trồng	Loại cây trồng	Diện tích
1	Phía Tây	m ²	Dọc khu đất giáp hàng rào của cơ sở.	Cây sấu, hoa hồng, cây bằng lăng, cây phượng, cây lát	1.040
2	Phía Bắc	m ²	Dọc khu đất giáp hàng rào của cơ sở.	hoa, cây cảnh, xoài, nhãn, bưởi,	1.177
3	Phía Nam	m ²	Dọc khu đất giáp hàng rào của cơ sở.	hoa ngâu, nguyệt quế, ban móng bò	1.200
4	Phía Đông	m ²	Phía cổng nhà máy, dọc hàng rào		1.063
5	-	m ²	Trong khuôn viên cơ sở		1.200
	Tổng	m²			5.680

***) Hình ảnh cây xanh được trồng trong khuôn viên nhà máy:**



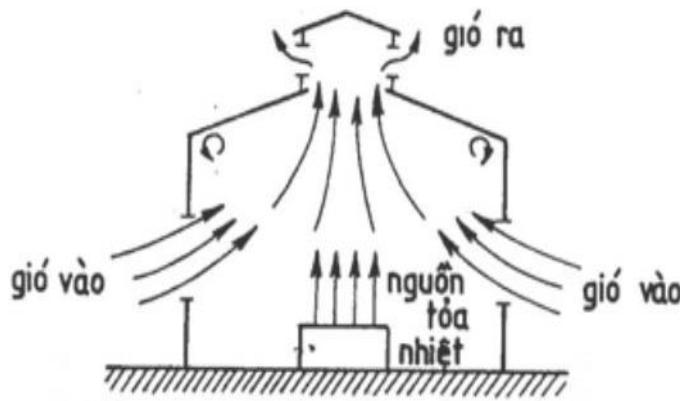
Hình 3.5. Hình ảnh về cây xanh trong khuôn viên cơ sở

c. Biện pháp thông thoáng nhà xưởng đảm bảo điều kiện vi khí hậu trong xưởng sản xuất

Để đảm bảo môi trường lao động cho công nhân, cơ sở thực hiện các biện pháp thông thoáng nhà xưởng như:

- Nhà xưởng được xây dựng cao ráo, thông thoáng, lưu thông khí tốt, thông gió tự nhiên.

- Nền nhà xưởng được lát gạch để hạn chế bụi phát tán từ nền nhà xưởng trong khu vực sản xuất.
- Bố trí 03 công nhân thay phiên vệ sinh quét dọn nhà xưởng để đảm bảo không khí làm việc luôn sạch sẽ, thoáng mát.
- Khu vực văn phòng điều hành được xây dựng tách riêng và lắp đặt các máy điều hòa không khí.
- Ngoài thông thoáng nhà xưởng tự nhiên, cơ sở còn kết hợp biện pháp thông thoáng cưỡng bức sử dụng quạt vuông công nghiệp vách thường, lưu thông không khí bên ngoài và bên trong nhà xưởng, đảm bảo điều kiện vi khí hậu trong xưởng sản xuất cho công nhân.
- Có các biện pháp hỗ trợ khác như: quạt mát, quạt gió công nghiệp tùy từng xưởng, khu vực sản xuất;
- Thường xuyên quét dọn sau mỗi ca sản xuất.
- Tăng cường chế độ vệ sinh cá nhân thường xuyên triệt để, nhất là nơi có bụi khí độc, không được ăn uống, hút thuốc hạn chế nói chuyện khi làm việc;
- Công nhân được trang bị khẩu trang để làm việc hạn chế tác dụng của bụi làm ảnh hưởng đến sức khỏe trong quá trình làm việc.
- Khi thiết kế nhà xưởng sản xuất đặc biệt quan tâm đến các giải pháp thông gió tự nhiên, thiết kế kết cấu nhà xưởng với tấm lợp kim loại, triệt để lợi dụng hướng gió chủ đạo để bố trí hướng nhà hợp lý, tăng cường diện tích cửa mái, cửa chớp và cửa sổ. Hệ thống hút khí thải riêng lẻ đảm bảo sự trao đổi không khí được duy trì theo các tiêu chuẩn về thông gió để đảm bảo thông thoáng cho khu vực. Nguyên lý của phương pháp thông gió nhà xưởng tự nhiên mô tả tại hình:



Hình 3.6. Sơ đồ mô tả quá trình thông gió nhà xưởng tự nhiên tại cơ sở

- Sử dụng hệ thống điều hòa không khí, máy lạnh trung tâm cho khu vực văn phòng tại từng xưởng. Khu vực nhà lưu trú sử dụng máy lạnh cục bộ.

d. Biện pháp quản lý, vận hành, vệ sinh công nghiệp tại cơ sở

Để giảm thiểu tác động xấu tới môi trường, chủ cơ sở đã đưa ra quy định trong sản xuất đảm bảo an toàn, vệ sinh và bảo vệ môi trường như:

- Yêu cầu công nhân thực hiện sản xuất theo đúng thao tác đã được đào tạo tại từng vị trí việc làm như: để rác thải đúng nơi quy định, thực hành các công đoạn sản xuất đúng kỹ thuật, ...

- Yêu cầu tổ vệ sinh thực hiện vệ sinh thường xuyên, chuyển giao chất thải đúng quy định; chất thải sinh hoạt vận chuyển trong ngày không lưu tại cơ sở.

- Công nhân vận hành các công trình bảo vệ môi trường theo đúng quy trình kỹ thuật. Thường xuyên kiểm tra nhằm phát hiện sớm các sự cố để có biện pháp phòng ngừa, ứng phó.

- Ngoài ra thực hiện trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân.

e. Biện pháp giảm thiểu mùi từ KV chứa chất thải, nhà vệ sinh và khu xử lý XLNT:

***) Khu vực tập kết chất thải rắn, nhà vệ sinh:**

- Chất thải rắn phát sinh từ sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân được thu gom trong các thùng chuyên dụng có nắp đậy và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom xử lý theo quy định (Hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Công Nghiệp & Môi trường Việt Nam). Chất thải rắn được thu gom trong ngày tránh để ủ qua đêm làm phát sinh các chất gây mùi không cần thiết;

- Bê tông hóa và thường xuyên quét dọn vệ sinh khu vực tập kết nguyên liệu, khu vực kho để hạn chế tối đa bụi phát tán từ mặt đất;

- Nơi tập kết chất thải rắn sinh hoạt đặt ở vị trí thông thoáng để hạn chế mùi hôi ảnh hưởng đến công nhân làm việc và môi trường xung quanh;

- Hằng ngày cử nhân viên quét dọn nhà vệ sinh công nhân, định kỳ 1 năm/lần thuê đơn vị có chức năng hút bùn từ hầm tự hoại;

- Định kỳ hàng tuần vệ sinh khử trùng khu vực các nhà vệ sinh nhằm hạn chế sự phát triển của các vi khuẩn gây bệnh;

- Tuyên truyền nâng cao ý thức công nhân về việc bỏ rác đúng nơi quy định;

- Đảm bảo diện tích cây xanh trong khu vực khuôn viên công ty chiếm khoảng 10 - 20% diện tích. Tận dụng tối đa các khoảng trống không sử dụng để trồng thêm cây cảnh hoặc cây xanh giúp cải thiện cảnh quan và tăng mức độ phủ xanh cho công ty. Hệ thống vành đai cây xanh có tác dụng hấp phụ và phát tán mùi hiệu quả cũng như đảm bảo khoảng cách vệ sinh hợp lý từ khu XLNT, khu chứa rác đến các công trình lân cận.

***) Khu vực hệ thống xử lý nước thải:**

- Tại hệ thống xử lý nước thải tập trung được bố trí riêng biệt, xây tường ngăn cách và trồng thêm cây xanh để hạn chế phát tán các khí sinh mùi như H₂S, NH₃... ra môi trường xung quanh.

- Sử dụng các thiết bị mới 100% từ các nhà sản xuất có uy tín;

- Định kỳ tiến hành công tác nạo vét các hố gas thoát nước thải;

- Vận hành hệ thống đúng kỹ thuật;

- Vận hành hệ thống XLNT tập trung đạt tiêu chuẩn QCVN 01: 2019/HY nhằm hạn

chế tối đa việc phát sinh mùi hôi.

- Sử dụng các chế phẩm vi sinh xử lý và hạn chế phát sinh mùi lạ như: Enchoice, EM... Các chế phẩm vi sinh này được phun trực tiếp vào khu vực có khả năng phát sinh mùi tại hệ thống xử lý nước thải.

- Đào tạo công nhân vận hành có tay nghề cao, hiểu biết sâu về các quá trình sinh học của bùn hoạt tính.

Các yếu tố góp phần giảm thiểu tác động do mùi này được cơ sở rất quan tâm nên các tác động do mùi là không đáng kể.

f. Biện pháp giảm thiểu khí thải từ máy phát điện dự phòng:

Tác động do khí thải từ máy phát điện dự phòng sử dụng dầu DO là không đáng kể. Tuy nhiên, công ty cũng thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Máy phát điện được bố trí trong phòng riêng, có tường xây dày, trên có mái che, đảm bảo sự thông gió, tại ống xả của máy phát điện lắp đặt bầu giảm thanh, lắng bụi và nối liền với ống khói.

- Sử dụng loại dầu có %S thấp (dầu DO) để giảm thiểu nồng độ SO₂ trong khí thải.

- Lắp đặt ống khói cao hơn so với mái nhà đặt máy phát điện dự phòng tối thiểu 3m để phát tán khí thải ra môi trường.

- Đối với khí thải phát sinh, bên cạnh các biện pháp đã thực hiện thì do tính chất hoạt động của cơ sở ít gây ô nhiễm, không gian xung quanh là đất trồng cây nên tác động từ máy phát điện là không đáng kể.

g. Biện pháp giảm thiểu mùi từ hoạt động nấu ăn:

Hoạt động đun nấu thức ăn từ khu bếp ăn tập thể chủ yếu phát sinh mùi và nhiệt độ. Do đó để hạn chế nguồn thải này, chủ cơ sở bố trí hệ thống quạt gắn trần, gắn tường để thông thoáng và giảm nhiệt, ngoài ra khu bếp nấu được thiết kế mô hình bếp công nghiệp, cách ly khỏi khu nhà ăn, trong bếp có hệ thống hút khử mùi và khử hơi nóng để giảm thiểu mức độ ô nhiễm đến môi trường xung quanh.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Dự báo về thành phần, khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

***) Đối với chất thải sinh hoạt:**

Với số lượng CBCNV tối đa của cơ sở là 40 người. Định mức phát sinh 0,5 kg/người/ngày. Do đó, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh là: 0,5 kg/người/ngày × 40 người = 20 kg/ngày = 6.200 kg/năm = 6,2 tấn/năm (tính cho 310 ngày làm việc/năm).

***) Đối với chất thải công nghiệp thông thường:**

Khối lượng, thành phần chất thải rắn công nghiệp thông thường dự kiến phát sinh thường xuyên của cơ sở được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 3.8. Dự báo về thành phần, khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Thành phần CTR	Khối lượng phát sinh (Kg/năm)
1	Bao bì giấy, thùng carton, chai lọ các loại, túi nilong,... phát sinh từ hoạt động văn phòng	3.000
2	Vụn gỗ, mùn cưa, đầu mẩu, ván và gỗ dán nhựa thừa, nhôm sản phẩm lỗi hỏng từ quá trình sản xuất	10.000
3	Bao bì NVL, bao bì đóng gói sản phẩm lỗi hỏng, vỏ tem mác,...	600
4	Phụ kiện (khoá, ổ khóa, ...) lỗi hỏng	500
5	Bùn thải từ quá trình hút bể phốt, từ hệ thống thu gom nước mưa, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	4.479
	Tổng	18.579

3.2. Biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

*) Biện pháp thu gom, phân loại chất thải rắn thông thường:

– Đặt các thùng đựng rác tại các khu vực thường xuyên phát sinh chất thải để thực hiện thu gom, phân loại ngay tại nguồn.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Việc quản lý thức ăn thừa tại nhà máy được thực hiện ngay tại nguồn, cụ thể, công ty dựa vào số lượng lao động đi làm để đăng ký suất ăn theo ngày với đơn vị được thuê nấu ăn. Do đó, việc phát sinh thức ăn thừa là rất ít. Lượng phát sinh thức ăn thừa từ bếp ăn ca được nhân viên nấu ăn thu gom, phân loại sau mỗi bữa ăn ca và tập kết tại khu lưu giữ chất thải sinh hoạt của Nhà máy, sau đó sẽ bàn giao cho đơn vị thu gom xử lý có chức năng.

+ Đối với chất thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực văn phòng và của người lao động: công ty đã bố trí các thùng rác dung tích 200l đặt tại một số vị trí của nhà máy và đặt dọc hành lang xung quanh nhà máy, cuối ngày được đội vệ sinh môi trường của Công ty thu gom tập trung để chuyển cho đơn vị có chức năng.

+ Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường: Tại các vị trí của các chuyền sản xuất đều bố trí 1 thùng chứa chất thải để công nhân bỏ rác, sau khi đầy được bộ phận thu gom tập trung vào thùng chứa chất thải tập trung tại các đầu chuyền sau đó được công nhân vệ sinh vận chuyển về kho chứa chất thải tạm thời của công ty.

– Lập tổ vệ sinh môi trường tại nhà máy, hàng ngày đi quét dọn sạch sẽ các khu nhà làm việc, nhà xưởng, nhà ăn, thu gom chất thải từ các thùng chứa đổ vào xe gom và đẩy rác đến khu lưu giữ chất thải rắn tạm thời.

– Trang bị đầy đủ dụng cụ chuyên dụng về môi trường: chổi quét rác các loại; xẻng hót rác; xe đẩy rác; thùng chứa; găng tay; khẩu trang; ...

- Trong quá trình vận chuyển rác không để rác quá đầy làm rơi vãi chất thải ra ngoài, nếu bị vương vãi sẽ quét dọn ngay;
- Phân công ít nhất một cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm để đảm nhiệm việc phân định, phân loại và quản lý chất thải thông thường cũng như CTNH.

***) Công trình lưu giữ tạm thời:**

- **Khu lưu giữ chất thải sinh hoạt:** với diện tích 5 m².
 - + Đặc điểm xây dựng: được xây dựng kiên cố đảm bảo tránh các tác động tiêu cực của thời tiết (nắng, gió, nước mưa chảy tràn, ...).
 - + Thiết kế, kết cấu: xây dựng dạng kiên cố, tường gạch trát vữa sơn chống thấm kết hợp tôn khung thép, mái lợp tôn;
 - + Sàn: bê tông xi măng kín khít, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào;
 - + Thiết bị lưu giữ: 03 thùng nhựa HDPE 240 lít, bao bì mềm bằng nilong.
- **Khu lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường:** với diện tích 15 m² (được chia ra làm 2 khu lưu giữ).
 - + Đặc điểm xây dựng: được xây dựng kiên cố đảm bảo tránh các tác động tiêu cực của thời tiết (nắng, gió, nước mưa chảy tràn, ...).
 - + Thiết kế, kết cấu: xây dựng dạng kiên cố, tường gạch trát vữa, chống thấm thấu mái khung thép, lợp tôn;
 - + Sàn: bê tông xi măng kín khít, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào;
 - + Có cửa ra, vào bằng thép đảm bảo mở ra khi thu gom và đóng lại khi không thu gom.
 - + Thiết bị lưu giữ: 3 thùng nhựa HDPE 240 lít, bao bì mềm bằng nilong.

***) Biện pháp xử lý:** thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

Hiện tại cơ sở đã kí hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý với đơn vị có chức năng với Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Công nghiệp & Môi trường Việt Nam số 009103/2024/HĐK/MTV-QV ngày 05 tháng 09 năm 2024.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

4.1. Dự báo về khối lượng CTNH phát sinh

Bảng 3.9. Dự báo về thành phần, khối lượng CTNH phát sinh

TT	Loại chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất như mực in văn phòng, sách báo) thải	08 02 06	Rắn/lỏng	Kiểm soát	30
2	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên	08 02 04	Rắn	Kiểm soát	50

	liệu sản xuất như mực in văn phòng, sách báo) thải.				
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	Nguy hại	30
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	Nguy hại	500
5	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	Rắn	Kiểm soát	100
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	Rắn	Kiểm soát	100
7	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như là amiang) thải	18 01 02	Rắn	Kiểm soát	100
8	Chất hấp phụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	Kiểm soát	600
9	Ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	Nguy hại	40
10	Chất kết dính và chất bịt kín (loại có dung môi hữu cơ hoặc thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất	08 03 01	Rắn	Kiểm soát	200
Tổng					1.750

4.2. Biện pháp thu gom, Công trình lưu giữ tạm thời CTNH

*) Biện pháp thu gom:

- Phân công ít nhất một cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm để đảm nhiệm việc phân định, phân loại và quản lý chất thải thông thường cũng như CTNH.
- Quản lý CTNH theo thông tư 02/2022/TT-BTNMT: Quy định về quản lý chất thải nguy hại, để đóng gói, lưu chứa CTNH.
- Toàn bộ CTNH phát sinh phải được lưu giữ trong khu vực lưu giữ tạm thời CTNH trong thời gian đợi các cơ quan chức năng tới thu gom, đưa đi xử lý.

*) Công trình lưu giữ CTNH của cơ sở:

- Cơ sở đã bố trí nhà lưu chứa chất thải nguy hại với diện tích 15 m².
- + Đặc điểm xây dựng: khu lưu giữ được xây dựng kiên cố đảm bảo tránh các tác động tiêu cực của thời tiết (nắng, gió, nước mưa chảy tràn, ...).
- + Thiết kế, kết cấu: xây dựng dạng kiên cố, tường gạch trát vữa sơn chống thấm kết hợp tôn khung thép, mái lợp tôn;
- + Sàn: bê tông xi măng kín khít, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.
- + Có cửa bằng khung thép, ép tôn, đóng lại khi không thu gom, mở ra khi thu gom.
- + Bên trong ngăn chứa mỗi loại chất thải nguy hại được lưu giữ trong các thùng riêng biệt, có nắp đậy: 10 thùng nhựa HDPE 200 lít (đối với chất thải là bao bì nhựa cứng và bao bì kim loại cứng đã ở dạng thùng vì vậy sẽ được xếp gọn tại các vị trí quy định, không phải bố trí thùng lưu chứa). Bên ngoài và bên trong ngăn lưu giữ chất thải nguy hại

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất cửa các loại và thiết bị lọc nước công nghệ cao” của Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất, thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ Quốc Vinh

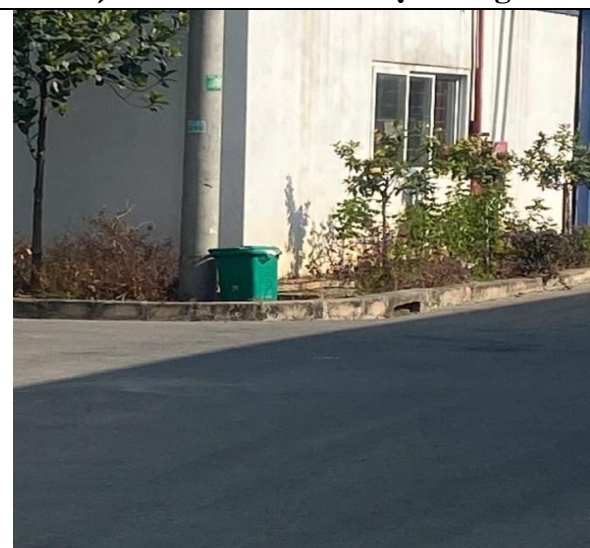
được dán các biển cảnh báo chất thải nguy hại ở vị trí đúng với tầm nhìn của mọi người, hoặc cao hơn một chút và dấu hiệu biển gồm hình tam giác đều, nền tam giác màu vàng, viền đen với các biểu tượng màu đen và chữ màu đen (nếu có) tương ứng với tính chất của loại chất thải và ý nghĩa cảnh báo theo TCVN 6707:2009.

+ Biện pháp phòng ngừa sự cố rò rỉ, tràn đổ CTNH dạng lỏng: cơ sở đã bố trí khay hứng thu gom tại vị trí lưu giữ CTNH dạng lỏng khi có sự cố rò rỉ, tràn đổ, CTNH được thu được giữ lại trong khay đó và thu gom riêng CTNH định kỳ thuê đơn vị chức năng hút thu gom đưa đi xử lý, ngăn khi có sự cố CNTH không tràn đổ ra bên ngoài.

***) Biện pháp xử lý:** thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

Hiện tại cơ sở đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý với đơn vị có chức năng với Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Công nghiệp & Môi trường Việt Nam số 009103/2024/HĐK/MTV- QV ngày 05 tháng 09 năm 2024.

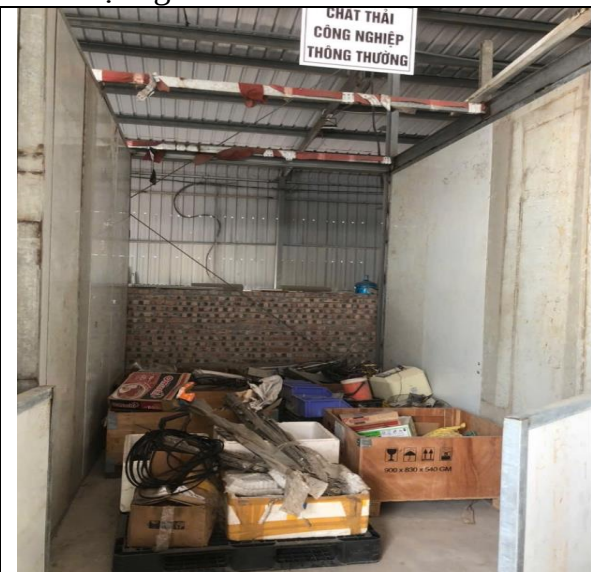
***) Hình ảnh về khu vực lưu giữ chất thải tạm thời của cơ sở:**



Hình ảnh thu gom rác tại nguồn



Khu lưu giữ CTCNTT



khu lưu giữ CTCNTT



Hình 3.7. Hình ảnh công tác thu gom, lưu giữ rác thải tạm thời của cơ sở

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có)

5.1. Nguồn phát sinh

– Phát sinh tại khu vực xưởng sản xuất của cơ sở: do hoạt động của các máy móc thiết bị của cơ sở. Cụ thể các nguồn phát sinh tiếng ồn từ hoạt động sản xuất của cơ sở như sau:

- + Nguồn 01: Khu vực hoạt động của máy cắt;
- + Nguồn số 02: Khu vực máy bơm hệ thống xử lý nước thải;
- + Nguồn số 03: Khu nhà máy phát điện dự phòng.

– Phát sinh bên ngoài phạm vi nhà xưởng (trong nội bộ cơ sở): do các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm; phương tiện di chuyển của cán bộ công nhân viên cơ sở; sinh hoạt của cán bộ công nhân viên cơ sở. Tuy nhiên, các nguồn gây ồn này là cục bộ tại một số thời điểm trong ngày như: vào ca hoặc tan ca làm việc; thời điểm nhập NVL hoặc xuất sản phẩm.

5.2. Biện pháp giảm thiểu

***) Các biện pháp giảm thiểu chung:**

– Cơ sở hoạt động trong khu đất đã được quy hoạch với khoảng cách đảm bảo tới khu dân cư nên tiếng ồn, rung động phát sinh từ cơ sở không gây ảnh hưởng tới các đối tượng xung quanh. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn cụ thể như sau:

+ Cơ sở đã đầu tư, sử dụng các thiết bị tiên tiến, hiện đại, có độ ồn thấp; các thiết bị có cường độ âm lớn được trang bị bộ phận tiêu âm;

+ Bên cạnh đó, cơ sở cũng đã trang bị các thiết bị bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên làm việc trực tiếp trong nhà xưởng như: quần áo bảo hộ lao động (quần áo phòng sạch), khẩu trang y tế, găng tay, nút bịt tai.

+ Thực hiện bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ máy móc, thiết bị.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Cơ sở đã đầu tư, sử dụng các thiết bị tiên tiến, hiện đại, có độ rung thấp; lắp đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn; thường xuyên kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc.

- Ngoài các biện pháp giảm thiểu tác động của độ rung, tiếng ồn nêu trên thì đơn vị cho thuê xưởng cũng đã bố trí trồng chủ cơ sở còn trồng cây xanh, thảm cỏ quanh nhà máy để tạo cảnh quan, hấp thu bụi và tiếng ồn và điều hòa không khí.

- Áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung; đảm bảo tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

***) Biện pháp giảm thiểu tác động của máy phát điện:**

Như nội dung đã đánh giá trong ĐTM của cơ sở, bụi, khí thải từ quá trình hoạt động của máy phát điện đều nằm trong QCCP tương ứng. Vì vậy, vấn đề lớn nhất đối với quá trình hoạt động của máy phát điện là phát sinh tiếng ồn, cơ sở áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

– Đế chân máy được lắp bổ sung một lớp đệm cao su, đây là biện pháp có thể làm giảm thiểu 60% tiếng ồn, rung động trong hoạt động của máy phát điện.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị đúng tần suất khuyến cáo của nhà sản xuất, để phát hiện sự cố thiết bị, thay thế kịp thời. Vì việc máy phát điện làm đã làm việc quá lâu ngày mà không được bảo dưỡng cũng là một nguyên nhân làm tiếng ồn của máy ngày càng lớn hơn.

- Máy phát điện được gắn bộ sung bộ tiêu âm tại bộ khí thải, hạn chế triệt để tiếng ồn do máy phát ra.

- Máy phát điện được đặt tại khu vực riêng biệt, hạn chế lan truyền tiếng ồn. Thêm vào đó, máy phát điện hoạt động không thường xuyên, chỉ hoạt động khi mất điện lưới, vì vậy tác động của máy phát điện là không đáng kể và có thể giảm thiểu được khi thực hiện tốt các biện pháp nêu trên.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Đối với công trình xử lý nước thải

***) Giai đoạn vận hành thử nghiệm các công trình BVMT:** Khi cơ sở tiến hành vận hành thử nghiệm cơ sở cũng như các công trình bảo vệ môi trường trong đó có hệ thống xử lý nước thải tập trung nên chủ cơ sở sẽ thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố có khả năng xảy ra như sau:

- Đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung: khi có sự cố xảy ra (hỏng hóc thiết bị, nước thải được xử lý không đảm bảo) chủ cơ sở sẽ dừng ngay hoạt động thử nghiệm, cùng với đơn vị tư vấn xem xét nguyên nhân và thực hiện khắc phục sự cố. Khi sự cố khắc phục xong sẽ tiếp tục vận hành.

***) Giai đoạn hoạt động ổn định:**

- Đối với hệ thống xử lý sơ bộ nước thải (bể tự hoại):

+ Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố (tắc nghẽn bồn cầu, tắc nghẽn đường ống thoát khí của bể có thể xảy ra).

+ Bổ sung chế phẩm vi sinh định kì để đảm bảo hiệu quả xử lý của bể tự hoại.

+ Các bể tự hoại trong khu vực cơ sở thường xuyên được kiểm tra tình trạng và thực hiện hút hầm cầu định kì khoảng 6 tháng/1 lần.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Bảng 3.10. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với các sự cố trong bể xử lý nước thải

Biểu hiện	Nguyên nhân	Kiểm tra	Giải pháp
Bùn nổi trên bề mặt bể lắng	Vi sinh vật dạng sợi (Filamentous) chiếm số lượng lớn trong bùn	Nếu sv tại bể Aerotank < 100 dùng kính hiển vi để kiểm tra xem có vi khuẩn dạng sợi trong bùn hay không.	Nếu DO tại đầu cuối bể Aerotank < 1,5mg/l, tăng lượng khí thổi vào bể MBBR và Aerotank để DO tại cuối bể Aerotank > 2mg/l Giảm F/M Tăng thời gian lưu hồi bùn và giảm hoặc dừng việc thải bùn.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất cửa các loại và thiết bị lọc nước công nghệ cao” của Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất, thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ Quốc Vinh

Biểu hiện	Nguyên nhân	Kiểm tra	Giải pháp
			Bổ sung thiếu hụt dinh dưỡng để tỷ số đạt BOD: N: P = 100:5:1. Tăng pH đến 7.
	Quá trình nitrat hóa xảy ra trong bể lắng thứ cấp; các bóng khí nito xâm nhập vào hạt bùn và kéo bùn nổi lên trên mặt nước	Kiểm tra nồng độ nitrat ở đầu vào của bể	Tăng tốc độ bơm bùn dư Tăng DO trong bể Aerotank Tăng F/M Giảm lưu lượng nước thải nếu sự tăng tốc độ bơm bùn dư không có hiệu quả
Nước thải sau xử lý có màu đục	Bể Aerotank bị khuấy trộn quá mạnh	Kiểm tra DO	Giảm sự khuấy trộn trong bể Aerotank
	Bùn già	Kiểm tra bùn	Tăng lượng thải bùn, giảm bùn hồi lưu
	Tình trạng yếm khí trong bể Aerotank	Kiểm tra DO	Tăng DO trong bể Aerotank > 1,5mg/l.
	Nước thải đầu vào có chứa các chất độc hại	Kiểm tra bùn bằng kính hiển vi đối với VSV Protozoa.	Phân lập lại VSV nếu có thể. Dùng thải bùn; hồi lưu lại toàn bộ bùn trong bể lắng để thiết lập lại quần thể vi sinh.
Bùn trong bể Aerotank có xu hướng trở nên đen	Sự thông khí không đủ, tạo vùng chết và bùn nhiễm khuẩn thối	Kiểm tra DO trong bể Aerotank	Kiểm tra thiết bị thổi khí Tăng công suất thổi khí
Váng bọt màu nâu đen bên vũng trong bể Aerotank mà phun nước vào cũng không thể phá vỡ ra	F/M quá thấp	Nếu F/M nhỏ hơn nhiều so với F/m thông thường thì đây chính là nguyên nhân.	Tăng lượng bùn thải để tăng F/M. Tăng lên ở tốc độ vừa phải kiểm tra cẩn thận. Giảm lưu lượng bùn hồi lưu.
Lớp sóng bọt trắng dày trong bể Aerotank	MLSS quá thấp	Kiểm tra MLSS	Giảm bùn thải, tăng hồi lưu bùn
	Sự có mặt của những chất hoạt động bề mặt không phân hủy sinh học	Nếu mức MLSS thích hợp nguyên nhân có thể là do sự có mặt của chất hoạt động bề mặt.	Giám sát những dòng thải mà có thể chứa các chất hoạt động bề mặt.
Nồng độ MLSS ở hai bể Aerotank khác nhau.	Lưu lượng nước thải, bùn phân phối tới các bể Aerotank không đều nhau.	Kiểm tra lưu lượng tới mỗi bể	Điều hòa lưu lượng phân phối

Biểu hiện	Nguyên nhân	Kiểm tra	Giải pháp
Đệm bùn quá dày trong bể lắng thứ cấp và có thể trôi theo dòng ra	Tốc độ bơm bùn hồi lưu, bơm bùn không đủ	Kiểm tả lại các bơm bùn	Kiểm tra lại bơm bùn và đường ống bùn Tăng lưu lượng bơm bùn hồi lưu, bơm bùn dư và giám sát độ sâu đệm bùn một cách thường xuyên.
	Lưu lượng tăng quá cao làm quá tải bể lắng	Kiểm tra tổng lưu lượng vào bể lắng.	Thiết lập lưu lượng ở điều kiện cân bằng. Tính toán lại chế độ vận hành của hệ thống.
Lớp bùn chảy tràn qua một phần của máng tràn của bể lắng thứ cấp.	Lưu lượng phân phối vào máng tràn bể lắng không đều.	Kiểm tra máng tràn.	Điều chỉnh mức dòng ra trong máng tràn. Kiểm tra và điều chỉnh tấm chắn
Nồng độ bùn trong bùn hồi lưu thấp (<8000mg/l)	Tốc độ bơm bùn hồi lưu hoặc bùn dư quá cao	Kiểm tra nồng độ bùn hồi lưu, kiểm tra khả năng lắng (chỉ SV)	Giảm tốc độ hồi lưu bùn
	Sự sinh trưởng của vi sinh vật dạng sợi	Kiểm tra bằng kính hiển vi, đo DO, pH, nồng độ nitơ	Tăng DO, tăng pH lên giá trị yêu cầu, bổ sung Nito và Clo
Có lớp bọt dày và nhớt trong bể Aerotank	Không đủ dinh dưỡng	Kiểm tra tỷ lệ BOD:N:P	Cung cấp dinh dưỡng

Bảng 3.11. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với sự cố thiết bị HTXL nước thải

Thiết bị	Sự cố	Nguyên nhân dự đoán	Biện pháp khắc phục
Bơm	Bơm ngừng hoạt động thường xuyên	Bơm bị kẹt	Kéo bơm lên và vệ sinh sinh vật làm kẹt đầu vào
	Nước bơm lên quá ít	Cánh bơm bị hỏng	Thay cánh bơm
		Chiều quay của motor sai	Kiểm tra và đảo chiều quay của motor
		Van máy bơm chưa mở hoặc chưa mở hết	Mở van
		Bơm bị kẹt rác	Kéo bơm lên vệ sinh bơm
	Bơm không dừng khi mức nước trong bể đạt mức báo tắt bơm của phao mực nước	Điện cực bị bẩn	Vệ sinh điện cực
	Bơm không khởi động được hay vừa khởi động thì ngừng ngay	Chưa có điện	Kiểm tra việc đầu nối
		Cánh bơm bị kẹt	Kiểm tra bơm và làm sạch cánh
		Điện thế giảm	Báo nhận viên điện để khắc phục

Thiết bị	Sự cố	Nguyên nhân dự đoán	Biện pháp khắc phục
Máy thổi khí	Máy thổi khí không chạy	Motor hỏng hoặc bị lắp ráp sai	Xác định nguyên nhân và khắc phục
		Có màng bám trên thiết bị	Loại bỏ màng bám
		Dây đai bị trượt	Hiệu chỉnh lại vị trí dây đai
		Dây đai bị đứt	Thay dây đai
		Đứt cầu trì	Xác định nguyên nhân và thay cầu trì
	Không có khí	Van cổng đóng	Mở van cổng
		Có vật cản hoặc đường ống bị rò rỉ	Loại bỏ vật cản
		Máy thổi khí quay ngược	Yêu cầu thợ điện đổi pha
	Tiếng ồn khác thường	Cạn dầu	Điền dầu đến mức thích hợp (mức được đánh dấu trên mức này)
		Hộp số hỏng	Thay hộp số
		Tiếng ồn khác thường	Thay vòng đệm
		Van an toàn đang mở	Kiểm tra vị trí van an toàn
	Máy nóng bất thường	Dây cu-roa rất căng	Kiểm tra điều chỉnh lại dây cu-roa
		Áp suất đầu ra bị tăng quá mức cho phép	Kiểm tra các van xem đã mở hết chưa. Kiểm tra đĩa khí xem có bị kẹt không (có khí được thổi lên không) và khắc phục
		Nhiệt độ trong phòng đặt máy quá cao (trên 40°C)	Kiểm tra nhiệt độ tại nơi đặt máy thổi khí
		Bộ lọc trong ống bơm bị tắc, quá bẩn	Tháo bộ lọc, vệ sinh hoặc thay mới tùy tình trạng
Bơm định lượng	Lưu lượng thấp hơn mong đợi	Có khí trong bơm	Nâng lưu lượng bơm đến tối đa
		Dầu hút bơm quá cao	Hạ độ cao đầu hút bơm cách đáy bồn 10cm (tránh hút cạn và đảm bảo cột áp nước ở đầu hút)
		Áp lực hơi nước quá cao (hút hóa chất trong bồn)	Tăng cột áp nước ở đầu hút (pha thêm hóa chất)
	Lưu lượng bất thường hoặc cao hơn yêu cầu	Áp lực hút vượt quá áp lực đẩy	Tăng áp lực hút bằng van giảm áp
	Rò rỉ hóa chất	Van hay lò xo bị lỗi	Thay mới

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất cửa các loại và thiết bị lọc nước công nghệ cao” của Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất, thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ Quốc Vinh

Thiết bị	Sự cố	Nguyên nhân dự đoán	Biện pháp khắc phục
Motor khuấy	Motor không làm việc	Chưa có điện	Kiểm tra điện
		Tủ điều khiển bị lỗi	Kiểm tra tủ điện
		Bị nghẹt	Kiểm tra motor
	Motor rung và ồn	Khô dầu	Thêm dầu (đạt mức được đánh dấu trên máy)
		Lắp đặt không chắc chắn	Kiểm tra và lắp đặt lại

- Biện pháp ứng phó: Đối với sự cố ngừng hoạt động do sự cố hỏng hóc máy móc thiết bị xử lý của trạm thì biện pháp phòng ngừa và khắc phục chính như sau: hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố thì toàn bộ nước thải được lưu giữ tại hồ thu gom và bể điều hòa. Hồ thu gom với thể tích lưu chứa thực 8,5 m³ và bể điều hoà 4,33 m³; với lưu lượng nước thải của cơ sở là 25,5 m³/ngày nên có thể lưu chứa toàn bộ nước thải phát sinh trong khoảng 48h. Trong thời gian đó sẽ tiến hành tìm cách khắc phục tìm hiểu nguyên nhân và tiến hành sửa chữa khắc phục sự cố. Nếu thời gian sửa chữa khắc phục sự cố quá thời gian lưu chứa của các bể chứa, chủ cơ sở sẽ ngừng hoạt động sản xuất cho đến khi khắc xong phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố mới tiến hành hoạt động sản xuất trở lại. Khi hoạt động trở lại nếu lượng nước thải trong bể và nước thải mới phát sinh vượt quá khả năng xử lý của hệ thống, cơ sở sẽ thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý, đảm bảo không xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

6.2. Đối với các sự cố hệ thống xử lý bụi ở máy cắt bán tự động, máy khắc hoa văn CNC và khu vực máy cắt gỗ nhỏ, khu vực chà nhám

***) Biện pháp phòng ngừa:**

- + Giao trách nhiệm cho cán bộ quản lý vận hành hệ thống, phải kiểm tra thường xuyên nhằm phát hiện kịp thời sự cố có thể xảy ra.
- + Thiết bị của hệ thống được bảo dưỡng thường xuyên theo khuyến cáo của nhà sản xuất;
- + Đối với các túi vải lọc bụi tiến hành hoàn nguyên khả năng lọc thường xuyên theo hướng dẫn và tần suất khuyến cáo;
- + Chuẩn bị một số bộ phận, thiết bị dự phòng đối với một số các bộ phận dễ hư hỏng như: quạt hút, túi vải lọc bụi...
- + Vận hành hệ thống thường xuyên liên tục đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật của nhà sản xuất và đạt hiệu quả xử lý của hệ thống.

***) Biện pháp ứng phó:** Ngay khi hệ thống xử lý bụi xảy ra lập tức dừng hoạt động của máy móc thiết bị liên quan, tiến hành các bước sau:

- + Lập tức phối hợp với nhà sản xuất truy tìm nguyên nhân, xác định sự cố đã xảy ra. Trên cơ sở xác định sự cố sẽ thuê chuyên gia lên phương án và thực hiện khắc phục sự cố.

+ Sau khi sự cố được khắc phục xong, hệ thống xử lý bụi đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý theo quy định, khi đó công ty mới cho máy cắt, máy vắt sủ đó hoạt động trở lại.

+ Sau quá trình khắc phục sự cố, ghi hồ sơ để cải thiện trong quá trình vận hành, tránh các sự cố tương tự xảy ra.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)

a. Môi trường làm việc và an toàn lao động

Các quy định về môi trường làm việc và an toàn lao động của Bộ Y tế sẽ được cơ sở tuân thủ nghiêm ngặt:

- Tiêu chuẩn chiếu sáng.
- Tiêu chuẩn vi khí hậu.
- Tiêu chuẩn bụi.
- Tiêu chuẩn tiếng ồn.
- Tiêu chuẩn rung.

Các biện pháp an toàn lao động được Công ty tuân thủ thực hiện gồm:

- Công nhân làm việc tại các công đoạn sẽ được trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động như nút khẩu trang, găng tay,... và có chế độ làm việc thích hợp.
- Nghiêm cấm hút thuốc khi đang làm việc tại phân xưởng.
- Khu vực sản xuất được lắp đặt các thiết bị chiếu sáng và thường xuyên kiểm tra, thay thế các bóng đèn cũ, hư hỏng bằng các bóng đèn mới.
- Hướng dẫn công nhân các biện pháp an toàn trong sử dụng điện.

b. Công trình, biện pháp PCCC

***) Các giấy chứng nhận về PCCC của cơ sở:**

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 222/TD-PCCC ngày 15 tháng 12 năm 2020 Phòng cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) - Công an Tỉnh Hưng Yên.
- Phương án chữa cháy cơ sở được lập theo quy định và được phê duyệt bởi Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) ngày 9/09/2021.

***) Mô tả hệ thống PCCC của cơ sở:**

Tại nhà máy đã lắp đặt các hệ thống phòng chống cháy nổ và các thiết bị phòng cháy, chữa cháy sau:

* Hệ thống chữa cháy họng nước vách tường: là tổng hợp các thiết bị kỹ thuật chuyên dùng để dập tắt đám cháy khi hỏa hoạn xảy ra. Việc lắp đặt hệ thống này để cho lực lượng chữa cháy của nhà máy dễ dàng triển khai thực hiện đảm bảo nhanh, chóng thuận tiện. Hệ thống chữa cháy bao gồm:

- Hệ thống đường ống; gồm đường ống chính và các đường ống phân nhánh được làm bằng ống thép tráng kẽm các loại.

- Hạng nước chữa cháy để phun nước vào đám cháy. Mỗi hạng nước chữa cháy trong nhà phải có van khóa, một cuộn vòi mềm có chiều dài 20 m, có đủ đầu nối và một lăng chữa cháy có $d = 13 \text{ mm}$, đặt trong tủ bảo quản riêng biệt.

- Van khóa hạng nước chữa cháy: Là thiết bị đóng, mở nước từ đường ống ra hạng nước chữa cháy. Khi xảy ra cháy ở một khu vực nào đó ta chỉ cần triển khai lăng, vòi chữa cháy, mở van khóa ở khu vực đó, nước sẽ phun ra chữa cháy kịp thời.

* Hệ thống các bình chữa cháy xách tay gồm hai loại: Bình chữa cháy bằng khí CO_2 và bình bột chữa cháy.

- Bình chữa cháy bằng khí CO_2 : CO_2 là loại khí không màu, không mùi, không dẫn điện, được nén trong bình với áp suất cao (120 at) do vậy CO_2 ở dạng tuyết thán khí có tác dụng làm lạnh chất cháy. Sử dụng khí CO_2 để chữa cháy đám cháy thiết bị điện có điện áp dưới 1000 V, chất rắn, xăng dầu... Bình bột chữa cháy. Bột chữa cháy là chất không độc và không dẫn điện, có hiệu quả chữa cháy cao nên được sử dụng rộng rãi để chữa cháy các đám cháy chất rắn, lỏng, khí, thiết bị điện có điện áp dưới 1000V, chất rắn, xăng dầu.

- Bình bột chữa cháy: Bột chữa cháy là chất không độc, không dẫn điện, hiệu quả chữa cháy cao nên sử dụng để chữa cháy các đám cháy rắn, lỏng, khí.

Ngoài ra các tiêu chuẩn về an toàn sẽ được thực hiện một cách nghiêm túc, đặc biệt là các tiêu chuẩn liên quan đến PCCC. Các thiết bị PCCC cơ học sẽ được bổ sung cho hệ thống vòi chữa cháy tự động.

Các mạng lưới điện cũng sẽ được nối với các bộ ngắt tự động và được kiểm soát bằng một hệ thống tự động. Bên cạnh đó các thiết bị báo cháy và chống cháy sẽ được lắp đặt tại các khu vực của Cơ sở.

Hệ thống PCCC sẽ được thiết kế, lắp đặt và Công ty sẽ trình Phòng Cảnh sát PCCC – Công an tỉnh thẩm định, nghiệm thu và xác nhận theo đúng quy định của pháp luật trước khi đưa cơ sở vào hoạt động chính thức.

Trong khu vực cơ sở phải lắp đặt hệ thống báo cháy nổ, hệ thống thông tin, báo động, dự trữ sẵn nguồn nước phục vụ cho PCCC để có thể ứng cứu kịp thời. Đồng thời phải trang bị các phương tiện phòng cháy chữa cháy phù hợp. Trong ca làm việc công nhân phải luôn có mặt tại vị trí của mình, phải thực hiện đúng thao tác kỹ thuật, phải kiểm tra định kỳ các thông số kỹ thuật ... Khi phát hiện các hiện tượng bất thường phải báo cáo ngay với người có trách nhiệm để xử lý kịp thời.

Các máy móc dùng điện phải nối đất chống điện rò, chống tích điện từ. Nhà xưởng, máy móc, công trình xây dựng phải thiết kế chống sét đánh thẳng, chống sét lan truyền sang đường dây cảm ứng. Đồng thời huấn luyện đội ngũ công nhân nắm vững thao tác PCCC và có bảng hướng dẫn chung về từng phương án cụ thể cho toàn thể công nhân viên. Ngoài việc lắp đặt các hệ thống phòng cháy chữa cháy thì để phòng ngừa ứng phó với sự cố cháy nổ xảy ra trong quá trình quản lý và sử dụng hóa chất, nhiên liệu thì chủ cơ sở sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Đối với các loại hóa chất sử dụng sẽ được chủ cơ sở lưu giữ tại khu vực kho chứa riêng đảm bảo các theo đúng quy định về an toàn hóa chất và TCVN 5507:2002 về quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm, không lưu giữ các chất dễ cháy nổ cạnh các chất duy trì sự cháy.

***) Hình ảnh về hệ thống PCCC của cơ sở:**



Hình 3.8. Hình ảnh về hệ thống PCCC của cơ sở

a. Sự cố rò rỉ nguyên vật liệu, dầu mỡ, hóa chất

Quá trình lưu trữ nguyên vật liệu, dầu mỡ, hóa chất và sử dụng có thể xảy ra các sự cố rò rỉ gây ô nhiễm môi trường và sự cố cháy nổ. Để phòng ngừa sự cố này có thể xảy ra, công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Khu vực nhập hàng hóa chất: Khi hàng vào kho, công ty có bộ phận kiểm tra chất lượng. Ở khâu này sẽ kiểm soát và tách riêng các bao bì bị đổ vỡ và rách trong quá trình nhận hàng và vận chuyển.

- + Nhân viên được huấn luyện thường xuyên về vận hành xe nâng để đảm bảo không xảy ra đổ bể hàng hóa trong quá trình vận hành, thường xuyên kiểm tra thiết bị nâng chuyển để đảm bảo an toàn trước khi tiến hành xếp dỡ các kiện hàng.

- Kho chứa hóa chất: Ưu tiên sử dụng Pallet chắc chắn hoặc tủ đựng các hóa chất để tránh lăn đổ, xê dịch.

- + Các lô hàng không được xếp sát trần kho và không cao quá 2m.
- + Các thùng hàng luôn được kiểm tra thường xuyên để đảm bảo nắp thùng luôn ở tình trạng đóng kín.

- Khu vực sản xuất: Công nhân được huấn luyện kỹ thuật các thao tác sản xuất để đảm bảo không để rơi vãi nguyên liệu hóa chất ra ngoài môi trường.

Khi có sự cố tràn đổ hóa chất cho sản xuất trong nhà máy, công ty sẽ thực hiện các biện pháp để khắc phục như sau:

1. Di tản mọi người không có nhiệm vụ ra khỏi khu vực đổ tràn hóa chất
2. Sử dụng đồ bảo hộ phù hợp: Áo dài, bao giày, găng tay, khẩu trang.
3. Vứt bỏ những mảnh kính và những mảnh vụn khác (nếu có) bằng cách dùng miếng lót thấm. Để trong một thùng thích hợp dành cho vật bén nhọn.
4. Thấm dịch tràn đổ bằng vải thấm và chứa trong túi bịt kín.
5. Chứa tất cả những vật liệu bị vấy nhiễm hóa chất trong túi bịt kín.
6. Tất cả túi bịt kín và vật liệu bị nhiễm chứa trong thùng chuyên dụng đựng chất thải nguy hại và vận chuyển về khu lưu giữ chất thải nguy hại.

Cơ sở cũng sẽ lập phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và nộp cơ quan chức năng theo quy định.

d. Biện pháp giảm thiểu sự cố tác động an ninh trật tự khu vực

Trong quá trình hoạt động của nhà máy sẽ tập trung một số lượng khá đông cán bộ công nhân viên, vì vậy có thể dẫn đến các tệ nạn xã hội gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự của khu vực thực hiện cơ sở. Để phòng ngừa và giảm thiểu tác động của cơ sở tới tình hình an ninh trật tự trên địa bàn xã, chủ cơ sở đã và sẽ tiếp tục áp dụng các biện pháp giảm thiểu sau:

- Cố gắng sử dụng càng nhiều càng tốt các nguồn lao động tại địa phương và các khu vực xung quanh có đầy đủ năng lực theo yêu cầu của công việc và có mong muốn được tuyển dụng, gắn bó với công ty.

- Kết hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức các chương trình:

- + Tuyên truyền việc đăng ký tạm trú, tạm vắng với những lao động từ địa phương khác tới làm việc để thuận lợi cho việc sinh hoạt, làm việc, sinh sống tại địa phương.

- + Giới thiệu với lao động nhập cư về phong tục, tập quán của người dân địa phương để tránh những trường hợp hiểu lầm đáng tiếc giữa người lao động nhập cư và người dân địa phương.

- Tất cả công nhân viên nhà máy có thể khi ra vào cơ sở để tiện cho công tác quản lý.

- Phối hợp với công an xã Vĩnh Khúc đăng ký tạm trú, tạm vắng cho công nhân từ địa phương khác tới làm việc tại nhà máy.

- Khi phát hiện ra các mâu thuẫn xảy ra, chủ cơ sở sẽ nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân và tiến hành hòa giải giữa các bên.

e. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố về vấn đề giao thông

- Cán bộ công nhân viên, khách hàng ra vào nhà máy theo đúng cửa và trong thời gian quy định, dừng và gửi xe đúng quy định.

- Không tự ý dựng xe ngoài phạm vi nhà máy làm ách tắc giao thông, ảnh hưởng đến hoạt động giao thông khu vực cơ sở.
- Đối với các phương tiện vận chuyển, bốc xếp hàng hoá khi ra vào nhà máy phải tuân theo sự hướng dẫn, sắp xếp của bảo vệ công ty.
- Đề ra nội quy an toàn giao thông trong khuôn viên nhà máy.
- Sơ cấp tại chỗ người bị tai nạn.
- Chuyển người bị tai nạn đến cơ sở y tế.

f. Sự cố dịch bệnh, bệnh nghề nghiệp

Để giảm thiểu bệnh nghề nghiệp, chủ cơ sở cần phải thực hiện một số biện pháp phòng ngừa sau:

- Trang bị hệ thống ánh sáng đúng tiêu chuẩn đảm bảo ánh sáng cho công nhân.
- Định kỳ hằng năm, công ty tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động và cấp đủ trang phục, thiết bị bảo hộ cá nhân theo yêu cầu công việc.
- Riêng với công nhân làm công việc nặng nhọc, vận hành máy có yêu cầu an toàn nghiêm ngặt như máy cắt tự động, máy ép mex, ... được tạo điều kiện tham gia các khóa huấn luyện kỹ năng an toàn, vệ sinh, phòng chống cháy nổ khi làm việc.
- Tại các xưởng sản xuất chủ cơ sở đều lắp đặt hệ thống làm mát nhằm giảm thiểu nhiệt độ trong xưởng sản xuất so với ngoài trời.
- Có giải pháp thích hợp để giảm căng thẳng cho công nhân như áp dụng chế độ nghỉ ngắn nhiều lần, cải thiện bữa ăn để bảo đảm dinh dưỡng hơn và khám sức khỏe định kỳ cho công nhân.
- Tổ chức khám sức khỏe cho công nhân định kỳ tối thiểu 1 lần/năm.
- Đối với sự cố dịch bệnh: thực hiện đúng theo hướng dẫn về phòng chống dịch bệnh của các cơ quan chức năng.

g. Sự cố về an ninh trật tự xã hội địa phương, tranh chấp về môi trường

Trong quá trình hoạt động của nhà máy tập trung một lượng lớn số lượng cán bộ công nhân viên (khoảng 340 người tính cả đơn vị cho thuê xưởng), vì vậy có thể dẫn đến các tệ nạn xã hội gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự của khu vực thực hiện cơ sở. Để phòng ngừa và giảm thiểu tác động của cơ sở tới tình hình an ninh trật tự trên địa bàn xã, chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu sau:

- Sử dụng càng nhiều càng tốt các nguồn lao động tại chỗ, các lao động tại địa phương có đầy đủ năng lực theo yêu cầu của nhà thầu và có mong muốn được tuyển dụng sẽ được các nhà thầu tuyển dụng tối đa.
- Kết hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức các chương trình.
- Giáo dục, tuyên truyền ý thức công dân đối với các công nhân xây dựng tại khu vực cơ sở.
- Giới thiệu với lao động nhập cư về phong tục, tập quán của người dân địa phương để tránh những trường hợp hiểu lầm đáng tiếc giữa người lao động nhập cư và người dân địa phương.
- Tất cả công nhân có thể khi ra vào cơ sở để tiện cho công tác quản lý.

- Phối hợp với công an xã Vĩnh Khúc đăng ký tạm trú, tạm vắng cho công nhân tới làm việc tại nhà máy.

- Kết nối chặt chẽ với các cơ quan quản lý địa phương có liên quan thực hiện công tác quản lý công nhân nhập cư lưu trú tại địa bàn để triển khai thực hiện cơ sở.

8. Các nội dung thay đổi so với giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ Môi trường

8.1. Số lượng, quy mô công suất các công trình bảo vệ môi trường chính phải hoàn thành so với giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường và hiện trạng đã xây dựng

Bảng 3.12. Thống kê số lượng, quy mô công suất các công trình bảo vệ môi trường chính phải hoàn thành so với giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường và hiện trạng đã xây dựng

STT	Số lượng, quy mô công suất các công trình bảo vệ môi trường chính phải hoàn thành so với	Số lượng, quy mô công suất các công trình bảo vệ môi trường chính đã đầu tư trên thực tế
1.	01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 5 m ³ /ngày đêm	01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 30 m ³ /ngày đêm
2.	Dự kiến bố trí khu lưu giữ chất thải nguy hại	01 khu lưu giữ rác thải tạm thời trong đó phân ra làm 3 khu: khu lưu giữ chất thải sinh hoạt, khu lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường, khu lưu giữ chất thải nguy hại

Nhận xét: Cơ sở đã đầu tư đầy đủ các công trình bảo vệ đã cam kết trong đánh giá tác động môi trường. Tuy nhiên, trong quá trình sản xuất thực tế, chủ đầu tư có thay đổi trong việc giảm thiểu số lượng công trình bảo vệ môi trường. Cụ thể được trình bày trong mục dưới đây.

8.2. Các nội dung thay đổi so với giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cấp nhưng chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường

Các nội dung thay đổi về các công trình BVMT của cơ sở so với giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cấp và khả năng tác động tới môi trường của nội dung thay đổi được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 3.13. Thống kê các nội dung thay đổi so với giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cấp

Stt	Hạng mục	Nội dung được xác nhận theo đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	Nội dung thay đổi	Lí do thay đổi, Đánh giá tác động tới môi trường
1	Hệ thống xử lý	Công suất hệ thống là 5 m ³ /ngày đêm.	Công suất hệ thống là 30 m ³ /ngày đêm.	- Thay đổi công suất mang phù hợp với thực tế số lượng công nhân viên

Stt	Hạng mục	Nội dung được xác nhận theo đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	Nội dung thay đổi	Lí do thay đổi, Đánh giá tác động tới môi trường
	nước thải sinh hoạt	Với sơ đồ như sau: Nước thải sinh hoạt, nước thải nhà ăn của cán bộ CNV cơ sở → Bể điều hòa → Bể kỵ khí → bể hiếu khí → bể lắng → Cột lọc áp lực → khử trùng → Nước sau hệ thống đạt QCVN 01: 2019/HY	Với sơ đồ xử lý nước thải như sau: Nước thải sinh hoạt, nước thải nhà ăn của CBCNV cơ sở và đơn vị thuê xưởng, kho bãi, văn phòng → Bể gom → Bể điều hòa → bể thiếu khí → Bể hiếu khí → bể lắng → Bể MBR → Tháp lọc → Bể khử trùng → Nước sau hệ thống đạt QCVN 01: 2019/HY	tại cơ sở lao động tại cơ sở. Thay đổi quy trình xử lý phù hợp với tính chất dòng thải phần lớn là nước thải sinh hoạt và tiết kiệm chi phí vận hành, tăng cường hiệu quả xử lý nước thải trên cơ sở đảm bảo tiêu chuẩn nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn nước thải của ĐP. Thay đổi không gây tác động tiêu cực hơn tới môi trường
2	Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	Đối với nước thải quan trắc 3 tháng/lần.	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ nước thải	Không gây tác động tiêu cực tới môi trường
3	Quy trình sản xuất	Dự kiến sản xuất thiết bị lọc nước công nghệ cao: 8.000 sản phẩm/năm	Không sản xuất thiết bị lọc nước công nghệ cao	Nhu cầu thị hiếu của khách hàng cơ sở không nhận được đơn hàng.
4	Khu lưu giữ chất thải	Khu lưu giữ CTNH là: 15 m ² , chấu thải sinh hoạt chứa trong thùng riêng và thu gom hằng ngày. Chất thải thông thường hợp đồng với đơn vị thu gom	Khu lưu giữ có diện tích 30 m ² chia làm 03 ngăn: 01 ngăn chứa CTSH có diện tích 5 m ² và một ngăn chứa CTNH có diện tích 15 m ² ; 1 ngăn CTRSX có diện tích 15 m ² .	Công ty bố trí các khu lưu giữ trên cơ sở đảm bảo lưu giữ rác thải và phù hợp với mỹ quan của cơ sở. Cơ sở căn cứ vào lượng rác thải phát sinh thực tế, tiến hành tăng tần suất thu gom khi cần thiết đảm bảo rác thải không bị ứ đọng, tồn dư.
5	Số lượng cán bộ công nhân viên cơ sở	Khoảng 70 CBCNV cho hoạt động sản xuất của cơ sở;	Khoảng 340 CBCNV cho hoạt động sản xuất của cơ sở;	Số lượng CBCNV cho hoạt động của cơ sở tăng do công ty có xin thêm mục tiêu cho thuê xưởng. Hệ thống xử lý nước thải

Stt	Hạng mục	Nội dung được xác nhận theo đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	Nội dung thay đổi	Lí do thay đổi, Đánh giá tác động tới môi trường
				sinh hoạt đã đầu tư của cơ sở đảm bảo xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh. Vì vậy, không gây tác động tiêu cực tới môi trường.
6	Quy mô dự án	+ Sản xuất thiết bị lọc nước: 8.000 sản phẩm/năm; + Sản xuất cửa nhựa, cửa nhôm: 15.000 sản phẩm/năm	+ Sản xuất cửa nhựa, cửa nhôm: 7.500 sản phẩm/năm + Cho thuê nhà xưởng, kho bãi 5.400 m ²	Giảm công suất theo giấy chứng nhận đăng kí đầu tư số 207/QĐ-UBND thay đổi lần thứ 06 ngày 18 tháng 09 năm 2017; Thay đổi được tính toán hoàn toàn phù hợp với năng lực sản xuất của cơ sở và đảm bảo về công tác bảo vệ môi trường, cam kết không gây tác động tiêu cực tới môi trường.

9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp

Không có. Cơ sở đề nghị cấp giấy phép môi trường lần đầu.

10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)

Không có.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- *Nguồn phát sinh nước thải:*

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại khu vực nhà điều hành (3 tầng) số 2 trên MBTT;

+ Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại khu vực nhà xưởng + nhà kho (1 tầng) số 3 trên MBTT;

+ Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại khu vực xưởng số 1 (1 tầng), số 4 trên MBTT;

+ Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại khu vực xưởng số 2 (1 tầng), số 5 trên MBTT;

+ Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại khu vực xưởng số 3 (1 tầng), số 6 trên MBTT.

+ Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại khu vực xưởng số 4 (1 tầng), số 7 trên MBTT.

+ Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại số 1 nằm giữa khu vực xưởng số 5 (1 tầng), số 8 trên MBTT.

+ Nguồn số 08: Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại số 2 nằm đầu khu vực xưởng số 5 (1 tầng), số 8 trên MBTT.

+ Nguồn số 09: Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại khu vực nhà xưởng số 6 (1 tầng), số 12 trên MBTT.

+ Nguồn số 10: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh chung

+ Nguồn số 11: Nguồn nước thải sinh hoạt từ khu nhà ăn và nhà nghỉ ca công nhân (1 tầng) số 13 trên MBTT.

+ Nguồn số 12: Nước thải nhà bếp khu vực nhà ăn và nhà nghỉ ca công nhân (1 tầng) số 13 trên MBTT.

+ Nguồn số 13: Nước thải sinh hoạt nhà bếp khu vực nhà xưởng số 5 (1 tầng), số 8 trên MBTT (bên thuê nhà xưởng).

- *Lưu lượng xả nước thải tối đa:* 30 m³/ngày.

- *Chế độ xả thải:* Gián đoạn

- *Dòng nước thải:* 01 dòng nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý nước thải tập trung xử lý đạt QCVN 01:2019/HY ($K_{hy} = 0,85$; $K=1,2$) xả ra nguồn tiếp nhận.

- *Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:*

Lưu lượng, pH, TSS, TDS, BOD₅, Amoni (tính theo N), Sunfua (tính theo H₂S), Phosphat, Dầu mỡ ĐTV, Nitrat, tổng các chất hoạt động bề mặt, Coliform.

- *Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm:* theo QCVN 01:2019/HY ($K_{hy} = 0,85$; $K=1,2$). Số lượng công nhân tối đa 340 người (tính cả bên thuê xưởng, kho bãi văn phòng) do đó áp dụng hệ số $K=1$; Dự án nằm trên địa bàn Văn Giang do đó áp dụng hệ số $K_{hy}=$

0,85 với thông số BOD₅, TSS; không áp dụng hệ số K, K_{hy} với thông số pH, tổng Coliform)
Cụ thể:

STT	Thông số	Đơn vị	QCĐP 01:2019/HY (K=1,2; K _{hy} = 0,85 áp dụng với BOD ₅ , TSS; không áp dụng hệ số K, K _{hy} với pH và Tổng Coliforms)
1	Lưu lượng	m ³ /h	-
2	pH	-	5-9
3	BOD ₅	mg/l	30,6
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	51
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	600
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	6
8	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	36
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6
11	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	7,2
12	Tổng Coliform	MNP/100ml	3.000

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả nước thải: 01 điểm xả nước thải sinh hoạt sau xử lý vào nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước chung của khu vực giáp hành lang đường DT 376 tại Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên sau đó chảy ra sông Bắc Hưng Hải.

+ Tọa độ điểm xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰): X= 2315289; Y = 553363;

+ Phương thức xả thải: Bơm cưỡng bức.

+ Chế độ xả thải: **Gián đoạn.**

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước chung của khu vực nằm cạnh hành lang DT 376 tại xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên sau đó dẫn về sông Bắc Hưng Hải.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Không có

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có)

a. Nguồn phát sinh tiếng ồn, rung động

Có 03 nguồn:

+ Nguồn 01: Khu vực hoạt động của máy cắt;

- + Nguồn số 02: Khu vực máy bơm hệ thống xử lý nước thải;
- + Nguồn số 03: Khu trạm điện.

b. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: tọa độ vị trí (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°):

- + Nguồn số 01: X (m) = 2315201; Y(m) = 553073.
- + Nguồn số 02: X (m) = 2315213; Y(m) = 553085.
- + Nguồn số 03: X (m) = 2315211; Y(m) = 553130.

c. Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

i. Tiếng ồn

STT	Từ 6 – 21 giờ (dBA)	Từ 21 – 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1.	70	55	Khu vực thông thường

ii. Độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ	Từ 21 – 6 giờ	
1.	70	60	Khu vực thông thường

d. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Các thiết bị có cường độ âm lớn được trang bị bộ phận tiêu âm; trang bị cho công nhân thiết bị chống ồn khi làm việc tại các công đoạn có phát sinh tiếng ồn cao.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lắp đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn; thường xuyên kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc.

4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại (nếu có)

Cơ sở không thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại.

5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (nếu có)

Cơ sở không nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

6. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải

6.1. Đối với chất thải sinh hoạt

***) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thường xuyên:**

6,2 tấn/năm.

***) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTSH:**

– *Thiết bị lưu chứa:* 03 thùng nhựa HDPE 240 lít, bao bì mềm bằng nilong, bao tải dứa.

– *Kho/khu vực lưu chứa:* diện tích 5 m²; kết cấu xây dựng dạng tường gạch trát vữa kết hợp tôn màu khung thép, mái tôn màu khung thép; sàn xi măng bê tông kín khít, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

6.2. Đối với chất thải công nghiệp thông thường

***) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:**

STT	Thành phần CTR	Khối lượng phát sinh (Kg/năm)
1	Bao bì giấy, thùng carton, chai lọ các loại, túi nilong,... phát sinh từ hoạt động văn phòng	3.000
2	Vụn gỗ, mùn cưa, đầu mẫu, ván và gỗ dán nhựa thừa, nhôm sản phẩm lỗi hỏng từ quá trình sản xuất	10.000
3	Bao bì NVL, bao bì đóng gói sản phẩm lỗi hỏng, vỏ tem mác,...	600
4	Phụ kiện (khoá, ổ khóa, ...) lỗi hỏng	500
5	Bùn thải từ quá trình hút bể phốt, từ hệ thống thu gom nước mưa, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	4.479
	Tổng	18.579

***) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTR công nghiệp thông thường:**

– *Thiết bị lưu chứa:* 03 thùng nhựa HDPE 240 lít; bao bì mềm bằng nilong, bao tải dứa.

– *Kho/khu vực lưu chứa:* 01 ngăn lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường diện tích 15 m²; kết cấu xây dựng dạng tường gạch trát vữa sơn màu chống thấm kết hợp tôn màu khung thép, mái tôn màu khung thép; sàn xi măng bê tông kín khít, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

6.3. Đối với chất thải nguy hại

***) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở:**

TT	Loại chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất như mực)	08 02 06	Rắn/lỏng	Kiểm soát	30

	in văn phòng, sách báo) thải				
2	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất như mực in văn phòng, sách báo) thải.	08 02 04	Rắn	Kiểm soát	50
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	Nguy hại	30
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	Nguy hại	500
5	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	Rắn	Kiểm soát	100
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	Rắn	Kiểm soát	100
7	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như là amiang) thải	18 01 02	Rắn	Kiểm soát	100
8	Chất hấp phụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	Kiểm soát	600
9	Ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	Nguy hại	40
10	Chất kết dính và chất bịt kín (loại có dung môi hữu cơ hoặc thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất	08 03 01	Rắn	Kiểm soát	200
Tổng					1.750

***) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH:**

– *Thiết bị lưu chứa:* 10 thùng phi, thùng nhựa HDPE 200 lít, bao bì mềm bằng nilong.

– *Kho/khu vực lưu chứa:* diện tích 15m²; kết cấu xây dựng dạng nhà kiên cố tường gạch trát vữa kết hợp tôn màu khung thép, mái tôn màu khung thép; sàn xi măng bê tông kín khít, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố rò rỉ CTNH dạng lỏng; dán nhãn cảnh báo và trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

7. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường

– Đảm bảo thực hiện, trang bị đầy đủ các thiết bị trong hệ thống PCCC và có kế hoạch thay mới, bổ sung theo quy định.

– Các loại chất thải nguy hại được phân loại, để đúng vào thùng chứa đã được dán tên, mã chất thải. Kho chứa rác thải có cửa ra vào để kiểm soát; dán biển tên, cảnh báo tại khu vực kho chứa rác thải. Định kỳ thuê đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, tránh tình trạng để rác thải đầy kho, tràn ra ngoài.

– Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với các sự cố trong giai đoạn vận hành đã nêu ở trên, bao gồm:

- + Các công trình, biện pháp ứng phó sự cố các công trình BVMT.
- + Biện pháp bảo đảm môi trường làm việc về an toàn lao động.
- + Biện pháp giảm thiểu sự cố tác động an ninh trật tự khu vực.
- + Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố về vấn đề giao thông.
- + Sự cố dịch bệnh, bệnh nghề nghiệp.

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường nước thải

*) Vị trí lấy mẫu:

+ NT: Mẫu nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý.

Bảng 5.1. Kết quả phân tích nước thải

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCDP 01:2019/HY
				NT	Cmax
1	pH ⁽¹⁾	-	TCVN 6492:2011	7,6	5 ÷ 9
2	TSS ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6625:2000	11	51
3	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6001-1:2008	20	30,6
4	TDS ⁽¹⁾	mg/L	NEJSC/HT/SOP-DN02	413	600
5	Sunfua ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-S ² .B&D:2017	<0,05	1,2
6	Amoni (NH ₄ ⁺ -N) ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,30	6
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	4,38	36
8	Dầu mỡ ĐTV ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	4,11	12
9	Chất HDBM ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6622-1:2009	2,36	6
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻ -P) ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6202:2008	1,95	7,2
11	Coliform ⁽¹⁾	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	1.700	3.000

Ghi chú:

+ QCDP 01:2019/HY: quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt;

+ (1): Phép thử đã được chứng nhận Vimcerts.

2. Kết quả quan trắc mẫu không khí làm việc

*) Vị trí lấy mẫu:

+ K2: Mẫu không khí khu vực máy cắt.

+ K1: Mẫu khu vực máy trà nhám.

+ K3: Mẫu không khí khu vực phun keo.

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc mẫu không khí

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả			QCVN 03:2019/BYT
				K2	K1	K3	Giới hạn tiếp xúc ngắn
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	18,1	18,2	18,2	18 ÷ 32 ^a
2	Độ ẩm ⁽¹⁾	%	QCVN 46:2012/BTNMT	65,5	65,4	65,5	40 ÷ 80 ^a
3	Tiếng ồn ⁽¹⁾	dBA	TCVN 7878-2:2018	62,3	63,4	64,1	85 ^b
4	TSP ⁽¹⁾	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	278	290	257	8.000 ^c
5	CO ⁽¹⁾	µg/Nm ³	NEJSC/HT/SOP-LMKK02	20.550	18.376	18.705	40.000
6	SO ₂ ⁽¹⁾	µg/Nm ³	MASA 704B	195	173	176	10.000
7	NO ₂ ⁽¹⁾	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	204	199	210	10.000

Ghi chú:

+ **QCVN 03:2019/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

+ Giới hạn tiếp xúc ngắn;

+ **(a) QCVN 26:2016/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí hậu- giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

+ **(b) QCVN 24:2016/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn- mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ **QCVN 02:2019/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi- Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;

– Phép thử đã được chứng nhận Vimcerts;

CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÁC CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của cơ sở

Kế hoạch vận hành thử nghiệm, quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các thiết bị, các công trình xử lý chất thải của cơ sở được đề xuất theo hướng dẫn tại khoản 5 điều 21, thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022. Cụ thể như sau:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của cơ sở như sau:

Bảng 6.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

STT	Tên công trình xử lý chất thải	Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	Thời gian bắt đầu (dự kiến)	Thời gian kết thúc (dự kiến)
1	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung	3 tháng	01/06/2025	30/09/2025

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Kế hoạch lấy mẫu giai đoạn vận hành ổn định các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở như sau:

Bảng 6.2. Dự kiến kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

T T	Thời gian lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu; Số lượng mẫu/ 01 đợt	Thông số quan trắc	Quy chuẩn so sánh
Công đoạn Lấy mẫu đánh giá hiệu quả vận hành ổn định hệ thống xử lý môi trường (3 lần/3 ngày; lấy mẫu đơn)				
1		NT1 - Mẫu nước thải trước khi xử lý	Lưu lượng, pH, TSS, BOD ₅ , Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H ₂ S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO ₃ ⁻) tính theo N, Dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P), tổng Coliforms.	QCĐP 01:2019/HY (K _{hy} = 0,85; K=1,2)

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất cửa các loại và thiết bị lọc nước công nghệ cao” của Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất, thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ Quốc Vinh

T T	Thời gian lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu; Số lượng mẫu/ 01 đợt	Thông số quan trắc	Quy chuẩn so sánh
	17/09/2025 18/09/2025 19/09/2025	NT2 - Mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	Lưu lượng, pH, TSS, BOD ₅ , Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H ₂ S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO ₃ ⁻) tính theo N, Dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P), tổng Coliforms..	QCĐP 01:2019/HY (K _{hy} = 0,85; K=1,2)

***) Tổ chức quan trắc môi trường:**

Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện lấy mẫu, quan trắc:

- Tên đơn vị: Viện Hoá Học Công nghiệp Việt Nam
- Địa chỉ: Tầng 3 – Số 2 Phạm Ngũ Lão – Hoàn Kiếm – Hà Nội
- Số Vimcerts: 087; VILAS: 341

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

- Căn cứ đề xuất chương trình quan trắc môi trường định kỳ:
- + Đối với quan trắc định nước thải: căn cứ điểm b, khoản 2, điều 97, nghị định 08/2022/NĐ-CP và phụ lục XXVIII, phụ lục ban hành kèm theo nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc định kì nước thải (do lưu lượng xả thải tối đa là 30 m³/ngày < 200 m³/ngày).
- + Đối với chất thải: Thực hiện giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo quy định và định kỳ báo cáo công tác bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên 01 lần/năm.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động khí thải, nước thải.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Không có.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Cơ sở không phải quan trắc môi trường định kì hàng năm

CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 02 năm liên kế với thời điểm lập báo cáo (2023; 2024) tại cơ sở không có các đợt thanh, kiểm tra về môi trường.

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Các nội dung được nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường trên là hoàn toàn đúng sự thật. Nếu sai chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan

2.1. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng

Công ty cam kết xử lý môi trường đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định sau:

- Bụi, Khí thải đạt tiêu chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ.

- Tiếng ồn đạt tiêu chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Độ rung đạt tiêu chuẩn QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Nước thải xử lý đạt QCĐP 01:2019/HY ($K_{hy} = 0,85$; $K=1,2$) trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

- Chất thải sinh hoạt, Chất thải công nghiệp thông thường, Chất thải nguy hại được thu gom, lưu giữ theo đúng theo thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ tài nguyên và Môi trường. Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt, CTR công nghiệp thông thường, CTNH phát sinh do hoạt động của Cơ sở theo đúng quy định của pháp luật.

2.2. Các cam kết khác

- Thực hiện chế độ báo cáo, thông tin theo quy định của Luật BVMT 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 và thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

- Vận hành thường xuyên các công trình BVMT trong quá trình hoạt động.

- Công ty xin cam kết thực hiện nghiêm chỉnh Luật Bảo vệ Môi trường của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam. Công ty sẽ không gây bất kì hoạt động nào có thể dẫn tới ô nhiễm các thành phần không khí, nước mặt, đất, nước ngầm và ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng cũng như các hoạt động kinh tế - xã hội khác trong các khu vực lân cận.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam, các quy định bảo vệ môi trường của tỉnh Hưng Yên và bồi thường thiệt hại về môi trường do các sự cố gây ra.

Kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên thẩm định, trình UBND tỉnh Hưng Yên cấp giấy phép môi trường cho cơ sở “Nhà máy sản xuất cửa các loại và thiết bị lọc nước công nghệ cao” để chủ cơ sở thực hiện các bước tiếp theo.

Xin trân trọng cảm ơn!

PHỤ LỤC BÁO CÁO